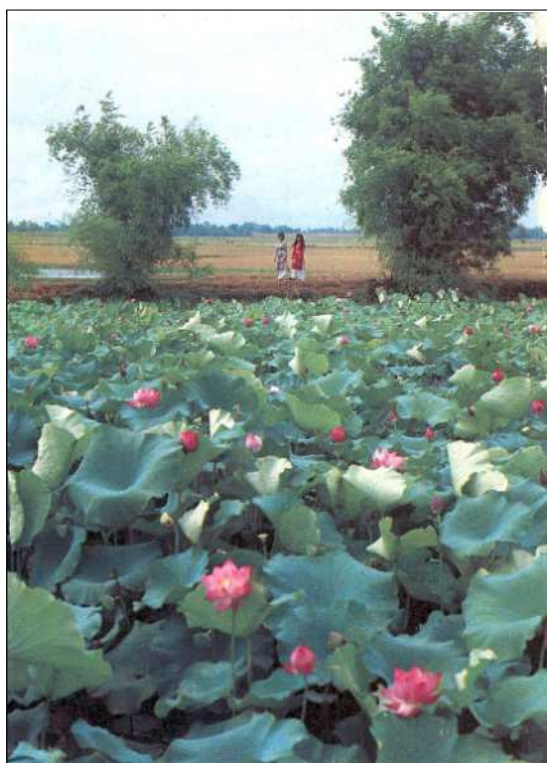




Mùa sen nở

Xã hội đen Đường dây đỏ

Hoà Vân

Xã hội đen là một cụm từ mới thịnh hành trên báo chí trong nước, thực chất là tương ứng với từ gốc Ý đã quốc tế hoá : mafia. Không biết ai đã ‘sáng tác’ ra cụm từ này, và từ bao giờ, nhưng có lẽ nó hiện diện trên mặt báo trong nước nhiều nhất từ mấy tháng nay, khi “ *chiến dịch triệt phá tổ chức tội phạm Trương Văn Cam, tức Năm Cam* ” được công bố với những kết quả ban đầu.

Ngày 21-12.2001, thiếu tướng Nguyễn Việt Thành, phó tổng cục trưởng Cảnh sát Nhân dân, bộ Công an, đã báo cáo với cán bộ lãnh đạo của thành phố, quận, huyện, ban, ngành thuộc TP Hồ Chí Minh về quá trình diễn ra chiến dịch. Theo tướng Thành, hai đợt ra quân ngày 12 và 18-12 đã giành được “ *thắng lợi toàn diện* ”, “ *bắt bọn tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật* ”. Trùm tội phạm Năm Cam bị bắt ngay từ ngày 12.2, và tiếp theo là hàng loạt đệ tử lần lượt sa lưới pháp luật. Giữa tháng 3.2002, tức gần ba tháng sau, thiếu tướng Thành cho biết dự kiến vụ án Năm Cam và đồng bọn sẽ xong phần cơ bản trong vòng 4 tháng nữa, sau đó sẽ tiếp tục được mở rộng nhiều mặt để triệt tận gốc băng nhóm tội phạm có tổ chức này.

Trong thời gian đó, nhiều bài báo, nhất là trên các tờ **Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Người Lao Động**, dần dần vẽ lên ‘chân dung’ của một trùm mafia cỡ lớn, từ nhiều năm nay đã loại nhiều đối thủ để thống lĩnh hệ thống sòng bạc, cá độ, bảo kê (racket), vũ trường..., với tài sản rải ra tại nhiều thành phố lớn trên cả nước, trong đó chỉ riêng bất động sản được biết đến ở TP HCM - gồm nhiều cơ sở kinh tế nổi tiếng (các nhà hàng cỡ lớn Cánh Buồm, Ra Khơi, Thanh Vỹ...), 7 ngôi nhà lầu - trị giá hơn trăm tỉ đồng. Có thông tin rằng, khi có trong tay mạng lưới xã hội đen lớn nhất TP HCM, Năm Cam đã chinh phạt, lập mối hữu hảo với các tổ chức tội phạm phía Bắc. Nhiều lần y thân chinh ra Hà Nội, Hải Phòng, gặp gỡ các ông trùm, tỏ ý tổ chức hợp hội đồng những kẻ cầm đầu băng tội phạm lớn nhất trong nước, để “giang sơn về một mối” dưới sự cầm trịch của y.

Nhưng cũng chính cái tham vọng thống lĩnh mafia cả

(xem tiếp trang 8)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- 1 Xã hội đen, đường dây đỏ Hoà Vân
- 4 Tin / Thời sự
- 10 Dioxin, Việt Nam và Mỹ... Nguyễn Văn Tuấn

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- 14 Đã một năm... Phạm Văn Đĩnh
- 18 Về tự Tố Như của Nguyễn Du Alexandre Lê
- 22 Giải thưởng Nguyễn Trường Tộ
- 23 Những hàng quà xưa ở Hà Nội Văn Ngọc
- 26 Xem Mùa ổi ở Deauville Phan Thị Trọng Tuyền
- 29 Thư Berlin Lê Thản
- 30 Gaston Phạm Ngọc Thuận Trần Thị Liên

sinh hoạt nghệ thuật

Phim MÙA ỔI của ĐẶNG NHẬT MINH

sẽ ra mắt công chúng Pháp từ ngày **17.4.2002** (xem bài phê bình của Phan Thị Trọng Tuyền trong số này, tr 26).

Chương trình lưu diễn của NGUYỄN LÊ

Tháng 4 : Nguyễn Lê Trio trình tấu ngày 5 tại Romans, 6 St Claude ; với Terri Lynne Carrington/G Thomas/Rachel Z/Matt Garisson : 8 Heidelberg, 9 Hamburg, 10 Hannover, 11 Basel, 12 Paris New Morning, 13 Dortmund, 14 Zurich, 17 Berlin ; 18-21 : Houston Festival ; 22-25, Los Angeles (recording Hendrix CD).

Tháng 5 : Từ 1 đến 5, tại Berlin (Masterclass, Landes-musikakademie), ngày 8 tại Caceres, SP với Hương Thanh (Dragonfly), ngày 9 đến 11 tại Modena, I (ghi âm với Paolo Fresu), 29 hay 30 tại Brest (Nguyễn Lê trio)

Nhạc Cung đình Huế và Ca trù Thái Hà

Dàn nhạc cung đình Huế và *Ban ca trù Thái Hà* sẽ trình diễn nhiều buổi trong hai ngày thứ bảy **11.5** và chủ nhật **12.5** tại *Cité de la Musique*, 221 Ave Jean Jaurès, 75019 PARIS (Tel : 01 44 84 45 45).

Dàn nhạc cung đình Huế sẽ trình tấu 21g thứ sáu **17.5** tại *Théâtre des Nouveautés*, 44 rue Larrey, 65000 TARBES (Tel : 05 62 93 30 93)

5 nữ họa sĩ Việt Nam tại Genève

Năm nữ họa sĩ Việt Nam **Bùi Suối Hoa, Dạ Thảo, Hoàng Minh Hằng, Lê Thị Kim Bạch, Đặng Thu Hương** triển lãm tại Thụy Sĩ (đến cuối tháng 4) : *Cercle des Dirigeants d'Entreprises*, 8 rue de l'Arquebuse, 1204 GENEVE (đây nói : 022 738 39 38).

Bạn đọc và Diễn Đàn

Lại chuyện bia ôm

Đọc báo Diễn Đàn thấy các vị bàn về chữ ôm, tôi xin gửi kèm đây bài hát mới, vừa nghe được khi về ăn tết ở trong nước. Nhạc là nhạc **Một cỗi đi về** của Trịnh Công Sơn. Lời mới, nghe nổi do nhà thơ Xuân Sách sáng tác :

Một cỗi đèn mờ

Bao nhiêu năm rồi, còn mãi bia ôm
Ôm nhau loanh quanh cho đời đỡ mệt
Em ơi ! Bia ôm tha hồ chặt đẹp
Tình ái lãng nhãng – Một cỗi đèn mờ.

Lời nào của bia – Lời nào của rượu
Đùi nào của em – Đùi nào của bạn

Kể bên

Một thùng vừa bay – Một thùng vừa cạn
Ngồi vào lòng nhau cho vui trọn vẹn

Tối ngày.

Nhân dân chi tiền thì cứ bia ôm
Ai không bia ôm vô cùng khờ dại
Ta đi bia ôm cho đời trẻ lại
Kệ bố nhân dân dù đói hay nghèo.

N.V.C. (Paris, Pháp)

Chuồn chuồn trong mưa tuyết

Còn hai ngày nữa là ngày xuân phân mà thành phố Montreal lại chìm ngập trong tuyết trắng. May sao tôi lại nhận được món quà quý : đĩa CD Dragonfly / Chuồn chuồn của Hương Thanh và Nguyễn Lê. Tôi rất thích đĩa trước của họ Moon & Wind / Gió mát trăng thanh nên nằm nghe ngay Chuồn chuồn.

Chuồn chuồn tiếp tục con đường đã đi của Gió mát trăng thanh. Hình thức có đổi khác, modern hơn, gọn hơn, hấp dẫn hơn với thính giả không phải Việt Nam. Nhưng tôi vẫn thích hình thức hơi cổ điển hơn của GMTT. Về nội dung, 10 bài dân ca lần này có phần cách tân thêm một chút, có cả vọng cổ và hát bội, dân nhạc mở rộng. Kiểu cách đậm phong phú hơn. Có thêm vài hình thức thử nghiệm mới. Ngoài 3 tay đàn sáo lão luyện người Việt Nam (Dương Chí Tâm, Hạo Nhiên, Đình Công Tuyền), còn có chuông, trống, đàn dây, đàn gõ, giọng người... của hơn 10 tay hoà tấu khác, người Pháp, Arap, Phi châu phụ tay với nhạc trưởng Nguyễn Lê, hoà mình nhiều hơn vào dòng nhạc châu Âu mặc dù vẫn giữ được cái cốt lõi rất Việt Nam.

Một số bài như Bakida, Cơi giầu, Lý Hoài Nam... vẫn tiếp tục dòng nhạc GMTT và nói chung đều nghe hay. Một số bài khác như Chuồn chuồn, Lý mười thương, Trưng Trắc Trưng Nhị... thể nghiệm cách đan xen nhiều dòng khác. Một số thử nghiệm giống như collage. Rõ nhất là Chuồn chuồn, nhưng cũng có trong Mười thương, Cây trúc xinh... Theo tôi, dù không hoàn toàn chối tai, nhưng hoàn toàn không tăng chất liệu Việt Nam. Ở Trưng Trắc..., thể nghiệm rất thành công.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Đây là bài hát tuồng, tác giả dùng nhạc đệm 3 âm điệu khác nhau, làm cho bài nhạc trở nên tân thời, linh động. Bài Khan Piêu cũng rất thành công, nhạc đệm với tiết tấu nhanh, tân kì... làm tăng cường tính nhí nhảnh của bài hát. Trong 10 bài của CD, có lẽ tôi thích nhất bài này. Một bài khác tôi cũng rất thích là Dạ cổ hoài lang. Vốn đã nghe nhiều lần nên lúc đầu tôi hơi ngại, nhưng qua phần phổ nhạc của Nguyễn Lê, bài hát trở nên mới mẻ, không những dễ nghe mà còn hấp dẫn và gây nhiều xúc cảm. Cả hai thử nghiệm mới về dòng nhạc cổ Việt Nam, một hát tuồng, một hát cải lương, dàn nhạc Nguyễn Lê đều thành công.

Chưa thành công, theo tôi, ở hai bài Cối giầu và Nhớ về quê nội. Cả hai khá nhạt nhẽo, chủ yếu ở phần đệm, nhất là bài sau. Bài Cây trúc xinh hát và đệm, phần chính rất đạt song phần dạo đầu (dài đến 1'30") và phần đệm giữa lạc lõng, u tối, không hợp với nội dung và âm hưởng của bản gốc.

Kỹ thuật thu nói chung tốt, nhưng ở vài chỗ, tôi có cảm tưởng micro thu tiếng hát Hương Thanh đặt hơi xa, tiếng hát mất đi vị trí chế ngự của nó (trong Trúc xinh, tiếng hát nhỏ quá, chìm hẳn đằng sau).

Moon & Wind nghe qua nhận thức ngay là rất hay và là nhạc Việt Nam. Với Dragonfly, phải nghe đi nghe lại để bảo đảm với mình bài nào còn giữ nguyên cái hồn, bài nào không còn. Nói thế chưa chắc là chê. Cái gì rồi cũng phải thay đổi. Có khi tiếng nhạc thay đổi trước, tâm hồn người nghe nương theo, ham thích theo. Có khi tâm hồn người nghe đứng khựng lại, từ chối những tiếng nhạc, những hoà âm, coi nó không còn là của mình.

Dẫu sao cũng mừng là thấy Nguyễn Lê giữ được cái cốt lõi Việt Nam. Trên cái nền đó, anh đã canh tân nó, phù hợp với cách thưởng thức và xúc cảm hiện đại, ở khung trời không phải là nước Việt Nam. Không biết sử gia Lê Thành Khôi có dự đoán được sự chuyển hoá trong tâm hồn của con trai mình? Và ca sĩ cải lương Hữu Phước có hình dung ngày nào đó đứa con Hương Thanh của ông ca vọng cổ trên tiếng nhạc Jazz? Tôi rất mong rằng Nguyễn Lê, Hương Thanh và nhóm bạn bè của họ có dịp mang những tiếng nhạc này về biểu diễn tại Việt Nam. Để xem công chúng tiếp thu thế nào. Có thể có người phe phán, như có người đã phê phán nghệ thuật múa của Ea Sola. Song chắc chắn sẽ có nhiều người vui mừng thấy nhạc dân ca mình không chết mà còn có thể hiện đại hoá, hoà nhập vào dòng nhạc thế giới.

L.C.P. (Montreal, Canada)

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông **Phạm Ngọc Thuận**

đã từ trần ngày 27.2.2002, thọ 86 tuổi. Lễ tang cử hành ngày 7.3.2002 tại nghĩa trang Père Lachaise, Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng bà Bùi Thị Cẩm và toàn thể tang quyến.

[đọc tiểu sử Phạm Ngọc Thuận trang 30]

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu €

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 € ; Châu

Âu ngoài Pháp : 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 50 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 12 € lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70 CAD đề tên ông DUNG TRAN và gửi về Mr TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, Quebec H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15 \$ US xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank: SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85 - Numer Konta : 22 55 95 51 85 - Pesel : 480 91 64 10 10.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bulletin de versement virement).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Úc và các nước khác : gửi 50 € bằng money order đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn.

TIN TỨC TIN TỨC

Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thăm Việt Nam

Tổng bí thư đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân đã sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam trong ba ngày 27.2-1.3 vừa qua. Đây là chuyến thăm Việt Nam thứ hai của ông Giang trên các cương vị nói trên, lần trước là vào tháng 11 năm 1994 (xem Diễn Đàn số 36, tháng 12.1994). Từ khi hai nước bình thường hoá quan hệ, hơn 10 năm nay, các cuộc qua lại, thăm viếng giữa các nhà lãnh đạo hai bên xảy ra khá thường xuyên - mở đầu bằng chuyến đi Bắc Kinh cuối năm 1991 của hai ông Đỗ Mười, tổng bí thư đảng và Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính phủ. Lần này, việc ông Giang sang đáp lễ chuyến đi của ông Nông Đức Mạnh hồi tháng 11 vừa qua, tức là chỉ hơn hai tháng sau, được một nhà ngoại giao Á châu đánh giá là chứng tỏ một sự ‘trọng thị đặc biệt cả đối với Việt Nam và ông Mạnh’ (Reuters 28.2). Các nhà báo nước ngoài cũng nhắc lại bước ngoặt về quan điểm của đảng cộng sản TQ thể hiện trong bài diễn văn của ông Giang hè năm ngoái nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập đảng CSTQ, qua đó ông đề nghị xét đơn gia nhập đảng của những chủ nhân tư doanh Trung Quốc, và liên hệ với quyết định tương tự nhưng ở mức thấp hơn của đảng CSVN tại hội nghị trung ương V : tiếp tục công nhận tư cách đảng viên của những đảng viên có cơ sở tư doanh (chứ chưa đặt vấn đề xét vào đảng cho các nhà tư doanh khác). Điều cũng đáng chú ý là chuyến đi của ông Giang được tiến hành vào những ngày cuối của hội nghị trung ương V nói trên (từ 18.2 đến 2.3.2002), khi hội nghị chưa họp xong.

Ngoài cuộc hội đàm với hai vị đồng sự là tổng bí thư Nông Đức Mạnh và chủ tịch Trần Đức Lương, ông Giang cũng đã tiếp kiến với thủ tướng Phan Văn Khải, chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An và các cựu tổng bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu. Việt Nam cũng đã dành cho ông một nghi thức khách quý hình thành từ chuyến đi thăm VN của tổng thống Mỹ Clinton, và đã được một nguyên thủ khác là tổng thống Nga Putin tiếp nối : một cuộc nói chuyện với giáo sư và sinh viên Việt Nam tại ĐH Quốc gia Hà Nội (ngày 28.2). Sau đó, ông Giang và đoàn cùng đi đã bay vào miền Trung, thăm Đại Nội (Huế), phố cổ Hội An và thành phố Đà Nẵng trước khi về nước vào chiều 1.3.

Trong ngày 27.2, hai nước đã ký kết hiệp định hợp tác Việt - Trung về kinh tế - kỹ thuật qua đó TQ cung cấp cho VN 50 triệu nhân dân tệ viện trợ không hoàn lại, và hiệp định khung về việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam khoản tín dụng ưu đãi 50 triệu nhân dân tệ (khoảng 6,04 triệu USD). Bên cạnh con số khiêm tốn này (so với kim ngạch trao đổi giữa hai

ốc, lên đến 2,8 tỉ USD trong năm qua và dự trù đạt 3,5 tỉ trong năm nay), theo báo Saigon Times ngày 1.3, ông Giang hứa TQ sẽ dành cho VN điều khoản tối huệ quốc trong an hệ thương mại song phương dù VN chưa gia nhập Tổ chức thương mại thế giới. Tuy nhiên, thông tin này không được nhắc lại trong bản Thông cáo chung về chuyến đi của ông Giang.

Về khía cạnh chính trị đang được dư luận VN đặc biệt quan tâm, bản thông cáo viết (điểm 5) :

“ Hai bên đánh giá cao ý nghĩa của việc tiến hành Lễ cấm mìn quốc giới đầu tiên trên biên giới đất liền cuối tháng 12-2001 như một bước tiến quan trọng đưa Hiệp ước biên giới trên đất liền vào cuộc sống, đặt nền móng cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định lâu dài giữa hai nước. Hai bên khẳng định quyết tâm tích cực triển khai quá trình phân giới cắm mốc trên thực địa theo đúng kế hoạch.

Hai bên bày tỏ quyết tâm nhanh chóng hoàn tất việc giải quyết các vấn đề liên quan tới hợp tác nghề cá giữa hai nước ở Vịnh Bắc Bộ, sớm đưa Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá vào cuộc sống.

Hai bên đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện nay về các vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên có thể chấp nhận được. Trong khi tiến hành đàm phán, hai bên không tiến hành những hoạt động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, bàn bạc kịp thời và giải quyết thỏa đáng những bất đồng nảy sinh trên tinh thần xây dựng. Hai bên khẳng định tiếp tục nỗ lực đóng góp vào việc duy trì hòa bình và ổn định ở trên Biển Đông.”

Trong một cuộc gặp các nhà báo quốc tế ở Hà Nội ngày 15.3, bộ trưởng thương mại Vũ Khoan cũng đã xác nhận là chính vì hai bên chưa thoả thuận xong việc áp dụng hiệp định về nghề cá nên Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ ký kết tháng 12.2001 chưa được đưa ra quốc hội thông qua. Theo một số nguồn tin ngoại giao được hãng thông tấn AFP đưa lại (ngày 15.3), chi tiết chưa được thoả thuận liên quan đến số tàu đánh cá và trọng tải của chúng trong ‘vùng chuyển tiếp’ (có giá trị 4 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực). (Tổng hợp nhiều nguồn tin trong và ngoài nước).

Về việc hồi hương của người Thượng

Theo ông Jahanshah Assadi, đại diện Cao uỷ tị nạn Liên hiệp quốc tại Đông nam Á, cuộc họp ba bên Việt Nam, Campuchia và UNHCR tại thành phố HCM ngày thứ ba 12.3 không đạt được thoả thuận để HCR tiếp tục chương trình hồi hương của những người Thượng đang tị nạn tại CPC.

Quan điểm của hai bên vẫn khá xa nhau. HCR muốn được tới thăm những người đã trở về (15 người ngày 19.2, và 61 người ngày 2.3) trước khi tiếp tục chương trình, trong khi đó Hà Nội đòi thực hiện các chuyến hồi hương (ít ra là đối với danh sách 104 người mà HCR đã trao cho VN cuối tháng 1) trước khi cho phép đại diện HCR trở lại Tây Nguyên thăm họ. HCR cho rằng thoả thuận song phương VN-CPC ấn định ngày hoàn thành chương trình hồi hương vào 30.4 là trái với nguyên tắc những người về phải là tự nguyện (và do đó không thể biết

trước từ nay đến ngày đó họ có sẵn sàng về hay chưa). HCR cũng tỏ ý bất bình trước việc chính phủ CPC, theo HCR, đã cưỡng bách đưa trả VN 63 người khác vừa vượt biên sang tỉnh Rattanakiri, cũng trong cuối tuần 2-3.3. Phía CPC ngược lại trách HCR đã đưa lậu số 63 người này sang CPC mà không xin phép trước chính phủ CPC. (Japan Economic Newswire 3.3, Reuters 3, 6 và 13.3.2002)

Văn bản pháp luật đăng công báo mới có hiệu lực

Đây là điểm mới bổ sung trong Dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm đảm bảo công khai hóa pháp luật. Theo đó, tất cả các văn bản quy phạm của cơ quan nhà nước ở trung ương đều phải đăng ở công báo trung ương. Các văn bản của cấp tỉnh thì phải đăng ở công báo cấp tỉnh.

Cụ thể, đối với văn bản quy phạm không quy định rõ thời điểm có hiệu lực, thì thời điểm có hiệu lực là sau 30 ngày, kể từ ngày đăng công báo (với văn bản của Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội). Thời gian có hiệu lực nói trên là 15 ngày với văn bản quy phạm do cơ quan nhà nước khác ban hành. Ngoài ra, với văn bản quy phạm pháp luật cần phải được hướng dẫn thi hành thì việc quy định ngày có hiệu lực của văn bản có thể muộn hơn.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, với nhiều điểm sửa đổi khác, sẽ được trình Quốc hội xem xét, thông qua trong kỳ họp tới, dự kiến bắt đầu trong tháng 3 này. (Lao Động)

Người ta có thể hy vọng rằng, sau khi dự luật này được thông qua, các hiệp định ký kết với nước ngoài cũng sẽ chỉ có hiệu lực khi được đăng công báo. Và người dân có thể mua công báo, mang đi trên người, sao chụp gửi cho người khác... mà không bị tội “tán phát tài liệu chống chủ nghĩa xã hội”?

Giảm cước Internet trong năm nay

Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo VnExpress ngày 15.3, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định sẽ mở cửa thị trường bưu chính viễn thông “với một lộ trình rõ ràng (quy định trong Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, và sau này là trong cam kết tham gia WTO)”.

Theo ông, “viễn thông, điện lực là những ngành mà do điều kiện khách quan, khi hình thành thì đã độc quyền, và chính sự độc quyền đó giúp ta có cơ sở vật chất như bây giờ.” Mặt khác, nhà nước đã vay nhiều để đầu tư (như điện lực nợ tới nay là 4 tỷ USD), do đó còn cần thời gian kiểm soát một số ngành để trả nợ. Bưu chính viễn thông còn nợ khoảng hơn trăm triệu USD, nhưng theo ông, đầu năm 2003, dứt khoát đưa ngành này ra cạnh tranh, và “phải cạnh tranh được giá điện thoại với các nước trong khu vực. Còn Internet sẽ sớm hơn, có thể giảm giá ngay trong năm nay.”

Ông cũng khẳng định, chính phủ “chủ trương khuyến khích công ty cổ phần làm dịch vụ bưu chính viễn thông. Tư nhân cũng có thể làm nếu đủ điều kiện.”

Tăng trưởng GDP năm 2002 sẽ không đạt 7%

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương vừa đưa dự báo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của

Việt Nam năm 2002 sẽ thấp hơn mức dự kiến 7%. Các chuyên gia của viện căn cứ trên một số giả định về giá dầu, sản lượng dầu xuất khẩu, tỉ giá hối đoái, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Con số dự báo của các tổ chức quốc tế về nhịp tăng GDP năm nay của Việt Nam còn thấp hơn nữa: Ngân hàng phát triển châu Á đoán khoảng 6,2%; Ngân hàng thế giới 5,5%; Quỹ tiền tệ quốc tế 4,8%. Cả ba tổ chức này đều có chung xu hướng khi đánh giá tăng trưởng kinh tế Việt Nam: giai đoạn 1997-1999 giảm, rồi tăng đáng kể trong năm 2000 nhưng lại giảm vào năm 2001 và dự báo sẽ tăng trở lại trong năm nay.

Trong khi đó, các chuyên gia của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương nhận định tiến trình phục hồi kinh tế của Việt Nam vẫn bấp bênh và những nhân tố bảo đảm cho sự tăng trưởng bền vững chưa vững chắc. Tuy gần đây được đánh giá là ‘hải cảng yên sóng gió nhất châu Á’, Việt Nam vẫn chưa được xem là địa điểm đầu tư lý tưởng, có phần do sự tham nhũng, tính thiếu minh bạch trong thủ tục hành chính và sự chậm trễ ban hành các quyết định của nhà nước. Các chuyên gia này cho rằng mục tiêu phấn đấu của Việt Nam trong năm 2002 và cả giai đoạn 2001-2005 chưa phải đã quá cao (GDP tăng bình quân 7,5%/năm) song không dễ thực hiện trong bối cảnh hiện nay nếu không có những nỗ lực và quyết tâm cải cách tổng thể và triệt để hơn nữa. [Tuổi Trẻ 8.3.02]

Cái được về kinh tế không bù đắp cái mất về môi trường

Hơn 150 nhà khoa học, quản lý kinh tế, chuyên viên môi trường Việt Nam và quốc tế đã họp lại tháng 3 vừa qua ở Hà Nội để góp ý với bản dự thảo do chính phủ Việt Nam chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững (sẽ diễn ra tại Nam Phi tháng 9 sắp đến). Dự thảo đã đưa ra năm vấn đề kinh tế được coi là nội dung quan trọng để giúp Việt Nam đạt được tăng trưởng bền vững là: tăng trưởng kinh tế nhanh, thay đổi mô hình tiêu dùng, công nghiệp hoá sạch, phát triển bền vững nông nghiệp, phát triển bền vững kinh tế vùng.

Các chuyên gia cũng đặt ra vấn đề 70% dân số Việt Nam, sống dựa vào khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhưng thiếu nhận thức về môi trường, đang và sẽ gây ra những hậu quả tồi tệ chưa từng thấy cho Việt Nam. ‘Thập kỷ tới là thập kỷ Việt Nam phải chạy đua về kinh tế với các nước trong khu vực, giống như các nước đang phát triển khác, nếu không hành động ngay, cái được trước mắt về kinh tế của Việt Nam có thể sẽ không bù đắp cái mất lâu dài về môi trường’ - đại diện thường trú của Chương trình Liên hiệp quốc về phát triển UNDP, Jordan Ryan, nói tại hội nghị.

Một ví dụ được đề cập là việc khai thác bữa bãi các rừng ngập mặn ở Cà Mau để nuôi tôm. Theo tính toán của Ngân hàng thế giới, việc phá rừng này có thể gây thiệt hại tới 140 triệu USD, chưa kể những thiệt hại về sinh thái và môi trường. [Tuổi Trẻ 7.3.02]

EU sẽ kiểm tra tất cả các lô tôm nhập từ Việt Nam

Quy định này được nhằm ngăn chặn các sản phẩm có dư lượng thuốc kháng sinh nitrofurantoin. Nếu được Ủy ban châu Âu thông qua, việc kiểm tra sẽ bắt đầu vào cuối tháng 3.

Giáo dục : “ Xuất sắc ” !

LTS : Năm học 2001-2002, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đầu tiên áp dụng thí điểm chế độ đánh giá mới học sinh tiểu học, trước khi nó được triển khai đại trà trong cả nước vào năm học sau. Theo chế độ mới, học sinh không còn được xếp hạng hằng tháng hay cuối năm, mà chỉ có xếp học lực trong các môn cho điểm (giỏi, khá, trung bình, yếu) và xét danh hiệu khen thưởng (xuất sắc, tiên tiến). Kết quả học kỳ I : có đến 61,2% học sinh đạt loại “ xuất sắc ”, tăng gần gấp đôi so với học kỳ I năm học trước, thậm chí có lớp 100% học sinh đều xuất sắc. Đó là một tỉ lệ mà không ít người phải ngỡ ngàng... như báo **Tuổi Trẻ** các ngày 20 và 22.2 có phản ánh.

Không chính xác chút nào !

Cách đánh giá mới cũng có các hay là giảm bớt áp lực thi, kiểm tra cho học sinh... nhưng như kết quả lớp tôi, đến 42/47 học sinh đạt loại xuất sắc, thì không chính xác chút nào. Giữa học kỳ I, tôi đã từng nhận xét với một số phụ huynh rằng con em họ đọc bài còn vấp nhiều, tiếp thu bài còn chậm... nhưng thật bất ngờ, cuối học kỳ các em đó đều đạt loại xuất sắc vì điểm thi đều đạt 8, 9 điểm. [Nguyễn Thị Hạnh, giáo viên]

Xuất sắc của xuất sắc !

Lớp con tôi có 47 học sinh thì 46 học sinh đạt loại xuất sắc. Trong số học sinh xuất sắc đó, giáo viên lại chọn ra năm học sinh tiêu biểu của lớp để trao phần thưởng của trường. Như vậy là xuất sắc của xuất sắc, thật buồn cười... [Bùi Thị Ngọc Mai, phụ huynh]

Thay đổi từ ?

Phải hiểu từ ‘xuất sắc’ ở đây không phải là vượt trội, là thần đồng mà thực hiện đúng yêu cầu của chương trình đề ra là đã đạt. Có lẽ bộ giáo dục và đào tạo nên thay đổi từ này cho phù hợp hơn. [Lê Ngọc Diệp, phó phòng tiểu học Sở giáo dục-đào tạo TPHCM].

Đi đâu cũng dụng... xuất sắc

- Hết học kỳ I, có những lớp tiểu học ở TPHCM 100 % học sinh đều xuất sắc... Quá siêu ?

- Theo tự điển, xuất sắc là “ đạt những thành tích vượt trội ” !

- Nhưng ông ‘chức năng’ đã giải thích đầy rồi : “ *xuất sắc không phải là thần đồng mà là thực hiện đúng yêu cầu của chương trình đề ra* ”. Chắc tự điển lạc hậu so với thực tế !

- Ông cũng lạc hậu nữa. Vì nhờ đột nhiên ‘xuất sắc’ như thế, nhiều ‘ông’ mới có thể bỗng dưng đạt nhiều thành tích, lên nhanh như diều. Không ‘vượt trội’ là gì ?

- “ *Thành tích vượt trội* ” từ con nít đến người lớn như thế, hèn chi đi đâu cũng gặp... xuất sắc, xuất sắc khắp nơi ! Không biết có nên vui ? [Bút Bi]

Thành tích và hậu quả

Mấy ngày nay, thấy cậu em út học lớp 4 cứ mãi miết chép bài từ lúc đi học về đến khuya, cả nhà thấy lạ (vì học kỳ I đã xong, học kỳ II mới bắt đầu) và lo lắng quá. Hoá ra phòng giáo dục quận sắp xuống trường kiểm tra ‘vở sạch - chữ đẹp’. Và vì là ‘lớp chọn’ trong trường nên cả giáo viên và học sinh trong lớp đều phải ráo riết chuẩn bị. Vậy là đồng loạt tất cả các môn, nhất là hai môn văn - toán, giáo viên đều cho học sinh... chép bài lại. Khổ nổi từ đầu năm đến nay đã qua hơn 20 tuần học với vô số các bài toán, chính tả, luyện tập... nên cậu em út mới phải vất vả đến thế. Đặc biệt hơn, tất cả các môn học sau khi được chép lại đều được cho điểm lại, trong đó đáng lưu ý là các bài toán trước đây có điểm 7-8 thì nay cứ nhất nhất là 10 (vì được sửa đúng). Cứ thế, một khi phòng giáo dục xuống kiểm tra, cả lớp cứ vở sạch - chữ đẹp, điểm số cứ cao ngút.

Hiệu quả trước mắt thì thấy rõ : giáo viên có thể được thưởng, lớp được khen, trường sẽ giữ vững danh hiệu, thành tích. Thế nhưng hậu quả cũng thấy rõ. Có lẽ sau vụ này, nhiều học sinh sẽ dần dần cảm nhận rằng “ *thật thà thẳng thắn thường thua thiệt* ”. Trong tương lai sẽ còn bao nhiêu học sinh nữa vô tình là nạn nhân trực tiếp của ‘căn bệnh thành tích’, của ‘lớp chọn, tường điểm’, và liệu có bao nhiêu học sinh sẽ bị ‘nhiễm bệnh’ ? [Đoàn Từ Duy]

Học sinh ngày nay giỏi hơn xưa quá nhiều ?

Mới đây, tôi nhận được một tấm học bạ bậc trung học của một học sinh cũ của tôi, nay là hiệu trưởng ở Hà Nội, phó giáo sư, nhà giáo ưu tú, anh Đ.Q.C. Tôi xin phép trích một phần học bạ năm 1949-1950 và lời phê của các thầy giáo : “ *Kỳ thi chung niên = 6,99/10, thứ hạng 1/38. Lời phê của hiệu trưởng : Giỏi nhất lớp - đáng khen về học và hành* ”. Ngoài ra, tôi còn nhận được học bạ của một học sinh cũ khác, niên học 1945-1946, là cụ H.Đ.T., viên chức về hưu. Cụ H.Đ.T. cũng đứng đầu lớp (thứ hạng 1/38), nhưng số điểm trung bình toàn diện của cụ lúc đi học lớp 3 (tương đương lớp 8 ngày nay) chỉ là 6,78/10.

Tôi hiện giữ các học bạ ấy để làm kỷ niệm, đồng thời làm tài liệu nghiên cứu về cách đánh giá học sinh (cho điểm và phê bình) của các thầy và trường học thời xưa. Điểm nhận xét đầu tiên của tôi là điểm số các môn học ngày xưa sao thấp đến thế, ngay cả với học sinh đứng nhất lớp như các thí dụ trên. Với những điểm số trung bình toàn niên như trên, một học sinh ngày nay chắc chắn không thể nào được nhận vào các ‘trường điểm’, ‘trường chuyên’ của chúng ta và phụ huynh chắc sẽ buồn lòng vô cùng ! Vậy phải chăng các thầy giáo chúng tôi ngày xưa không bị áp lực bởi thi đua đạt thành tích nên có thể cho điểm trung thực hơn ? Phải chăng chúng tôi quá khắt khe với học sinh ? Hay là học sinh ngày nay giỏi hơn xưa quá nhiều ? Tôi xin phép dành các câu hỏi này cho các đồng nghiệp của chúng ta suy ngẫm và tìm ra giải đáp. [Dương Thiệu Tống]

Quyết định trên được đưa ra sau khi cơ quan Kiểm tra chất lượng thực phẩm Anh quốc thông báo họ vừa tìm thấy hàm lượng chất nitrofurantoin quá cao trong các lô tôm nhập từ 5 nước châu Á. Thuốc này đã bị cấm sử dụng ở EU vì nó có thể gây ra bệnh ung thư. Hiện nay, EU mới chỉ thực hiện kiểm tra xác suất hàng thủy sản nhập khẩu.

Đồng thời, EU cũng sẽ kiểm tra tất cả các lô tôm nhập từ Myanmar và Thái Lan ; thịt gà sản xuất tại Thái Lan. Tuy nhiên, Indonesia và Malaysia không phải thực hiện quy định này. Hồi tháng 1, EU đã ngừng nhập tôm từ Trung Quốc sau khi phát hiện các sản phẩm có chứa chloramphenicol - một chất kháng sinh đã bị cấm sử dụng từ năm 1994. (theo Reuters)

Đường Hồ Chí Minh : cắt nhỏ để khởi xin phép ?

Ngày 18.3, ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh cho biết, đường Hồ Chí Minh đoạn từ Hà Tĩnh đi Kon Tum dài 985 km đã được nối thông hoàn toàn. Nhưng ba ngày sau, tại quốc hội, một số đại biểu đã lên tiếng phản đối rằng dự án này là một công trình lớn của quốc gia, với số vốn đầu tư hơn chục nghìn tỷ đồng, thì phải được Quốc hội xem xét, thông qua. Thế mà, công trình này đã khởi công mà đại biểu không hề được chính phủ báo cáo. Các dân biểu cho rằng, chính phủ đã “*chặt nhỏ dự án thành mức đầu tư thấp để khởi phải xin phép Quốc hội*”.

Theo bộ trưởng xây dựng Lê Ngọc Hoàn, dự án khả thi về tổng thể đường Hồ Chí Minh dài 2 600 km từ Cao Bằng xuống Cà Mau, “*sẽ được trình Quốc hội xem xét, thông qua vào kỳ họp đầu của Quốc hội khóa XI*”, vào tháng 6 tới.

Theo ông Hoàn, do nhu cầu cấp bách, năm 1999, bộ Chính trị đã chỉ đạo cho thi công 985 km từ Khe Cò (nằm giữa tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh) tới Ngọc Hồi (Kon Tum). Mức đầu tư hiện nay cho phần công trình này là 5.300 tỷ đồng, và phải di dời khoảng 4.000 dân. Theo quy định của pháp luật, dự án ở quy mô này không phải đưa ra Quốc hội xem xét. (Nhân dân điện tử 18.3 và VnExpress 21.3.2002)

Rùa hồ Gươm có thể chỉ còn một con

Qua quan sát trực tiếp hơn 100 lần rùa nổi, hàng trăm bức ảnh chụp cùng nhiều thước phim quý giá, TS Hà Đình Đức, người nghiên cứu rùa hồ Gươm từ 10 năm nay, phán đoán rùa ở đây hiện còn một con duy nhất.

Cá thể này có chiều dài khoảng 1,8-2 m, khi bơi thân mình thường nghiêng về bên trái và đầu có một đốm trắng rõ nét. Tuy nhiên, trong buổi làm việc sáng qua, ông Đức cho rằng phải có các cuộc khảo sát thực tế mới cho kết quả tin cậy được, sự phỏng đoán của ông chỉ dựa trên quan sát trực tiếp.

Cho đến nay, chưa ai sờ được vào rùa hồ Gươm nên không biết nó là đực hay cái, bao nhiêu năm tuổi và trọng lượng thế nào. Bãi đẻ trứng cho rùa đã hoàn thành khá lâu cũng chưa thấy dấu hiệu đáng mừng nào. (Theo Lao Động)

Trại điêu khắc quốc tế tại Huế

Bộ VH TT cho biết, đến nay đã có 38 nhà điêu khắc nhận lời tham gia Trại sáng tác điêu khắc quốc tế lần thứ 3 tổ chức

Văn Tiến Dũng

(1917-2002)

Đại tướng Văn Tiến Dũng đã từ trần ngày 17.3.2002, thọ 85 tuổi. Đám tang của ông đã được tổ chức theo nghi lễ “*nhà nước*” trước khi thi hài được an táng tại nghĩa trang Mai Dịch (Hà Nội) chiều ngày 21.3.

Tên tuổi Văn Tiến Dũng hầu như biến mất sau Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam (1986). Trước đó, ông được thế giới biết tới như tư lệnh tài ba của trận Buôn Mê Thuột (10.3.1975) và chiến dịch Hồ Chí Minh (26.4.1975) mở đầu và kết thúc cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 75.

Sinh năm 1917 tại Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, Văn Tiến Dũng làm thợ dệt từ năm 1935, tham gia phong trào 1936, gia nhập Đảng cộng sản năm 1937. Từ đó đến Cách mạng Tháng Tám 1945, ba lần bị bắt giam, hai lần vượt ngục (lần chót bị kết án tử hình vắng mặt). Có thời mất liên lạc, đã ẩn mình trong chùa và hoạt động độc lập.

Từ tháng 4-1945, tổ chức khởi nghĩa vũ trang. Trong những năm đầu kháng chiến, chỉ huy kiêm chính uỷ Quân khu 3 (đồng bằng sông Hồng), rồi Đại đoàn 320. Từ năm 1953, làm Tổng tham mưu trưởng Bộ tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân (liên tục cho đến năm 1978). Trước khi vào Nam chỉ huy cuộc tổng tiến công mùa xuân 75, đã trực tiếp chỉ huy chiến dịch Nam Lào (1971), mặt trận Quảng Trị (1972).

Về mặt đảng, ông được cử vào Ban chấp hành trung ương từ 1951, uỷ viên dự khuyết Bộ chính trị từ năm 1972, uỷ viên chính thức Bộ chính trị năm 1976. Năm 1980, được làm bộ trưởng Bộ quốc phòng, thay thế đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Sáu năm sau, một sự kiện chấn động giới quân sự và chính trị Việt Nam : ông không được Đại hội đảng bộ Quân đội cử làm đại biểu tham dự Đại hội toàn quốc lần thứ sáu, rồi được “*vót*” làm đại biểu thứ 72 (trong số 72 người) của Quân đội sau khi thượng tướng Lê Trọng Tấn đột tử vài ngày trước đại hội. Theo các nhà quan sát, sự mất uy tín của đại tướng Văn Tiến Dũng xuất phát từ hai nguyên nhân : một là gia đình ông đã quá vơ vét chiến lợi phẩm sau ngày đại thắng, hai là trong cuốn hồi ký *Đại thắng mùa xuân* (xuất bản năm 1976), ông đã quá đề cao vai trò của các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và của chính mình, đồng thời nhận chìm công lao của Võ Nguyên Giáp trong thắng lợi năm 1975. Giới quân sự đã phản ứng khá mạnh mẽ và công bằng, cụ thể là qua hai hồi ký của thượng tướng Trần Văn Trà và đại tướng Hoàng Văn Thái.

tại thành phố Huế vào tháng 5 này, trong số đó có 7 tác giả quốc tịch Nhật Bản, 6 tác giả quốc tịch Australia, 5 quốc tịch Mỹ, 4 Đức, còn lại là người của các nước Ý, Thụy Sĩ, Braxin, Mêhico, Acentina, Pháp, Thụy Điển, Hà Lan,, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaixia, Philipin, Indônêxia, Lào, CPC, Trung Quốc, Mianma, Ấn Độ, Việt Nam. Cho đến nay, Trại đã nhận được số tiền tài trợ 45 000 USD từ Quỹ Rockefeller và 40 000 USD từ quỹ Ford. (Tin Tức TTXVN, 20-3-2002)

Hạn hán và cháy rừng

Theo Trung tâm quốc gia dự báo Khí tượng - Thủy văn, từ nay đến giữa tháng 4-2002, lượng dòng chảy trên các sông suối, lượng nước đến các hồ đập ở Tây Nguyên, các tỉnh Nam Trung Bộ có khả năng thiếu hụt khoảng 30 - 50% và các tỉnh Nam Bộ thiếu hụt khoảng 20-30% so với mức trung bình cùng kỳ các năm. Tình hình khô hạn, thiếu nước, xâm nhập mặn đang diễn ra nghiêm trọng tại một số địa phương, gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân. Tình hình thời tiết, khí hậu còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

Thống kê của Cục quản lý nước và công trình thủy lợi cho biết, tính đến ngày 20.3, các tỉnh thuộc Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và vùng ven biển ở đồng bằng sông Cửu Long đã có 34 660 ha lúa, hơn 7 000 ha cây công nghiệp (trong đó có 6 300 ha cà phê ở Đắk Lắk) bị hạn, khả năng mất trắng hơn 11 nghìn ha lúa.

Theo số liệu báo cáo từ các chi cục kiểm lâm, từ đầu mùa khô đến nay, đã xảy ra 129 vụ cháy rừng, thiệt hại hơn 1 665 ha, chủ yếu xảy ra ở các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai.

Chiều ngày 19.3, rừng tràm tại xã Khánh An, huyện U Minh, Cà Mau, bùng cháy dữ dội. Ngọn lửa thiêu rụi 200 ha rừng, với trên 15 000 cây tràm mới 3 năm tuổi và nhiều động vật hoang dã, quý hiếm. Nguyên nhân cháy ban đầu được xác định là do nhóm người khai thác tận thu tràm gây ra. Điểm phát cháy đúng ngay chỗ họ vừa khai thác trong ngày. Có thể trong khi làm việc, họ đã bất cẩn vứt mẩu thuốc lá chưa dập tắt.

Để khắc phục lửa lan tỏa sang 500 ha rừng bên cạnh, chủ tịch huyện U Minh cho biết, ngoài lực lượng chữa cháy trên 500 người gồm kiểm lâm, công an, nhân dân địa phương, tỉnh sẽ điều thêm trên 100 người dân từ các xã lân cận vào dập lửa. Theo thông tấn xã Đức DPA ngày 21.3, khoảng 600 tù nhân nhà tù Cái Tàu cũng đã được điều động tham gia chữa lửa. Chủ tịch huyện U Minh Lê Thanh Triều đã xác định rằng tất cả đã trở về an toàn, không có ai bỏ trốn.

Bom bi nổ làm chết người

Ngày 20-3, tại khu tập thể Công ty bánh kẹo Hải Châu, quận Hai Bà Trưng (Hà Nội) đã xảy ra vụ nổ bom bi làm bảy người bị thương. Một người bị chết sau đó ít giờ.

Quả bom bi còn sót lại từ thời chiến tranh nằm lẫn trong khối sỏi xây dựng đã phát nổ khi công nhân bốc từ xà lan lên bờ. Cả bảy nạn nhân đều bị những viên bi nhỏ găm vào ngực, chân tay và cổ. Riêng anh Nguyễn Duy Quang trú quán tại Thiệu Duy, Thiệu Hóa, Thanh Hóa được đưa vào bệnh viện Việt Đức cấp cứu và đã bị chết sau đó hơn 2 giờ.

Một nạn nhân khác là anh Lê Văn Vui, 32 tuổi, bị thủng phổi trái và ruột non, có 4 vết thương ở ruột già và một vết ở thận. Ngoài ra, anh còn bị giập nát cẳng chân và nhiều vết thương khác trên khắp cơ thể. Các bác sĩ đã phải cắt đi 1,5 m ruột non và truyền đến 2 lít máu. Anh đang ở trong tình trạng nguy hiểm, nguy cơ nhiễm trùng và tử vong rất cao.

Các bác sĩ cũng đang cố gắng giành giật Lê Văn Phúc khỏi bàn tay tử thần. Nạn nhân này mất một đoạn khí quản dài và bị một số vết thương ở phổi trái. Những nạn nhân khác đã qua cơn nguy kịch.

(xem thêm Tin tức trang 16, 17)

Xã hội đen... (tiếp theo trang 1)

nước ấy có thể đã là đầu mối của cuộc rút dài của Năm Cam. Tháng 11.2000, Dung Hà, một nữ tướng trùm băng đảng nổi tiếng hung hãn ở Hải Phòng, bị đàn em của Năm Cam lừa bán chết ở TP HCM. Theo tướng Nguyễn Việt Thành trong buổi báo cáo nói trên, chính ban chỉ đạo điều tra vụ án Dung Hà đã “*xác định chính xác âm mưu, thủ đoạn và tính chất xảo quyệt, hung hãn coi thường pháp luật*” của tổ chức Năm Cam.

Tại sao chỉ qua một năm điều tra đã đạt “*thắng lợi toàn diện*” to lớn đó, trong khi Năm Cam đã hoành hành từ hàng chục năm nay, đã giết hại bao nhiêu người, làm tiêu tan cuộc sống của bao nhiêu người khác? Năm Cam chỉ bị bắt tạm giam một thời gian ngắn vào năm 1995, và trong thời gian ở tù vẫn tiếp tục chỉ huy các hoạt động của đàn em. Những năm gần đây, Năm Cam còn xuất ngoại tới 14 lần đi Mỹ, Hong Kong, Ma Cao, Đài Loan, Hàn Quốc... khó tin là không phải để móc nối với những tổ chức tội phạm nước ngoài, thiết lập đường dây rửa tiền, mở rộng tầm hoạt động xuyên quốc gia.

Tường thuật buổi báo cáo ngày 21.12.2001 của tướng Thành trên báo **Nhân Dân** không hề gọi lên câu hỏi về những ‘*tự do đi lại, hành nghề*’ ấy của ông trùm, nhưng hiển nhiên nghi vấn về một (hay nhiều) đường dây... do bảo kê cho những hoạt động của Năm Cam trước khi Dung Hà bị hạ sát là không thể tránh khỏi. Chỉ ba ngày sau, VnExpress đã thuật lại là, bên hành lang cuộc họp quốc hội cuối năm, các nhà báo đã đặt ra với bộ trưởng công an Lê Minh Hương nhiều câu hỏi liên quan tới vai trò của công an tiếp tay, bao che cho hoạt động phi pháp của Năm Cam, buộc ông bộ trưởng phải cam kết sẽ “*làm rõ*” nghi vấn nêu lên.

Hơn hai tháng sau, có vẻ như lời hứa đó đã bắt đầu phát huy hiệu lực.

Chiều 1.3, bộ Công an công bố quyết định đình chỉ công tác hai thượng tá Công an TP HCM, các ông Dương Minh Ngọc, trưởng phòng Cảnh sát hình sự, và Nguyễn Mạnh Trung, phó phòng Cảnh sát điều tra (phụ trách trọng án). Theo thiếu tướng Trương Hữu Quốc, tổng cục trưởng tổng cục Cảnh sát nhân dân, “*vì hai cán bộ này không làm tròn nhiệm vụ trong công tác phòng chống tội phạm xã hội đen, nên phải đình chỉ công tác để phục vụ cho việc điều tra. Trước mắt họ phải làm kiểm điểm. Nếu công tác điều tra sau đó phát hiện thấy họ có dấu hiệu liên quan đến băng nhóm Năm Cam thì cơ quan chức năng sẽ tiến hành truy tố*”. Ông cũng hứa, sắp tới cơ quan chức năng sẽ tiếp tục “*làm rõ để xử lý một số cán bộ, có thể ở cấp cao hơn*”. Công an cũng sẽ làm rõ hành vi liên quan đến băng nhóm Năm Cam của một số cán bộ ngoài ngành công an, trong đó có phóng viên. Ông nói: “*Chúng tôi đã có danh sách tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này. Họ sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi của mình*”.

Xin chú ý sự khác biệt trong lời nói của tướng Trương Hữu Quốc khi thay đổi đối tượng. Những cán bộ công an thì “*phải làm kiểm điểm*” và “*nếu sau đó*”... Vai trò của pháp luật chỉ được nêu ra sau cuộc “*xử lý nội bộ*” của ngành, “*nếu...*”! Những người khác không được hưởng chữ “*nếu*” đó.

Nhưng ngày 5.3, trong cuộc trao đổi với báo giới, đại tá

Nguyễn Chí Dũng, giám đốc Công an TP HCM, đã phải đối đầu với câu hỏi thẳng thừng :

“ Năm Cam và các băng nhóm xã hội đen khác đã hoành hành một thời gian rất dài. Tại sao đến giờ mới bắt đầu xử lý hai trong số những người có trách nhiệm phòng chống tội phạm của thành phố, và chỉ xử lý nội bộ ? ”.

Ngày 6.3, chính thiếu tướng Nguyễn Việt Thành, trưởng ban chuyên án Năm Cam của bộ công an đã phải trả lời nhà báo về quan hệ của ông với hai thượng tá Ngọc và Trung, cam kết rằng mọi việc sẽ được xử lý nghiêm minh. Nhưng đồng thời, ông cũng phải công nhận là bộ chính trị và ban bí thư đảng đã thành lập một ban chuyên án Năm Cam song song với ban chuyên án của bộ công an ! (Tuy vậy, ngoài thông tin này từ tướng Thành, cho tới nay chưa thấy báo chí trong nước đưa tin nào từ ban chuyên án của bộ chính trị.)

Cùng ngày, lãnh đạo Tổng cục Cảnh sát cho biết đã xác định nhiều vụ trọng án sẽ được xem xét và phục hồi điều tra vì có dấu hiệu "làm sai lệch hồ sơ", như các vụ Dung Hà bị bắn chết, vụ bắn chết người tại vũ trường Metropolis... Nghiêm trọng nhất là vụ cảnh sát hình sự Phan Lê Sơn (đội 2 phòng CSHS công an thành phố) bị nhóm côn đồ thuộc hạ của Năm Cam chém chết. Một vụ cố tình sát hại người thi hành công vụ, được sắp xếp bởi bàn tay của nhóm xã hội đen, theo các nhà báo, nhưng quá trình điều tra lại cho rằng đây là một vụ va chạm, xô xát ngoài quán nhậu, dẫn tới án mạng...

Áp lực của dư luận coi bộ vẫn mạnh, một cuộc họp (ngày 10.3) giữa thành ủy TP HCM, trung tướng Lê Thế Tiệm, ủy viên trung ương đảng, thứ trưởng bộ Công an, và thiếu tướng Nguyễn Việt Thành, về việc " làm rõ và xử lý số cán bộ trong, ngoài ngành thuộc phạm vi quản lý của thành phố, có liên quan đến Năm Cam ", đã sáng tạo ra một hành xử mới của ngành : " công khai xử lý nội bộ " (sic). Kết quả của hành xử ấy, ngày hôm sau, báo chí được biết có thêm 5 sĩ quan cảnh sát hình sự (4 đại úy và một thượng úy trong các bộ phận đặc nhiệm chống tội phạm) bị tạm đình chỉ công tác 3 tháng để làm kiểm điểm... Đồng thời, cuộc họp đã xem xét danh sách hơn 80 người liên quan đến Năm Cam, và rút ra 51 người cần phải xử lý. Trong số này, người ta chỉ được biết tên hai nhà báo Hoàng Linh (phóng viên Tuổi Trẻ, đã bị công an khởi tố, bắt tạm giam ngày 22.3 vì " có dấu hiệu bỏ trốn ") và Quang Thắng (phó ban thư ký tòa soạn Công an Thành phố HCM).

Sau cuộc họp, đáp câu hỏi của báo **Tuổi Trẻ** về 'mối băn khoăn' của dư luận thấy mới chỉ có một số cán bộ cấp dưới trong ngành công an bị xử lý, " còn cao hơn chưa thấy động tới ", thiếu tướng Nguyễn Việt Thành cho biết " chưa có tài liệu nào minh chứng " trách nhiệm của cấp cao hơn. Nhưng theo **Thanh Niên** (12.3), người ta được biết một phó giám đốc Công an TP HCM, tên Thân Thành Huyện, từng nhận của ông trùm 30 000 USD để đi phẫu thuật tim ở nước ngoài. Tờ báo nói thêm, ông Huyện chỉ là một trong nhiều quan chức thành phố bị nghi ngờ có liên quan đến Năm Cam, và, theo tài liệu điều tra ban đầu, còn một vị hiện là thủ trưởng cơ quan bảo vệ pháp luật cấp thành phố cũng bị Năm Cam cho vào bẫy : con trai của ông này, đang là sinh viên đại học năm thứ 3, đã nung nấu vào chiếc bạc 3 xe máy xịn, và được Năm Cam đứng ra bảo lãnh lấy xe về...

Vẫn chưa thấy bóng dáng của một ông, bà biện lý, công tố viên, thẩm phán hay luật sư.

Phải đợi thêm vài ngày nữa (16.3) mới thấy báo đăng tin Viện kiểm sát nhân dân TP HCM đã trả lại cho cơ quan điều tra công an TP hồ sơ về vụ giết người tại vũ trường Metropolis để điều tra bổ sung, đồng thời đề nghị với cơ quan điều tra " xem xét trách nhiệm hình sự " với nhà báo Hữu Phú (báo **Thanh Niên**) về tội danh " không tố giác tội phạm ". Hữu Phú là người viết nhiều phóng sự nhất trong vụ Năm Cam, với rất nhiều thông tin về các hoạt động của ông trùm và đàn em.

Về việc này, chính thiếu tướng Trương Hữu Quốc cũng công nhận " Chỉ nguyên việc nhà báo Hữu Phú theo sự chỉ đạo của Ban biên tập đi tìm gặp đối tượng A Lý để viết bài điều tra về vụ án và đăng trên báo cũng đã hoàn thành việc tố giác tội phạm. Chưa nói tới việc, sau khi gặp A Lý, nhà báo này đã báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP HCM những thông tin về đối tượng. Vừa báo cáo sự việc với cơ quan chức năng, vừa viết bài trên báo để phản ánh cuộc gặp đó, thì rõ ràng nhà báo này không chỉ hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn mà còn làm tròn nghĩa vụ công dân, không hề che giấu tội phạm. Do đó không thể có việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với nhà báo này ".

Thế nhưng, ngày 20.3, trả lời chất vấn của báo **Thanh Niên**, ông viện trưởng VKS thành phố vẫn bào chữa cho việc viện kiểm sát yêu cầu 'xem xét trách nhiệm hình sự' với nhà báo.

Một đảng 'xử lý nội bộ' những cán bộ có trách nhiệm trực tiếp về an ninh xã hội nhưng đã để một trùm mafia tự do hoành hành, phạm nhiều tội ác trong hàng chục năm. Một đảng hăm he 'xem xét trách nhiệm hình sự' một nhà báo đã góp phần đưa ra ánh sáng công luận những tội ác đó (và phần nào cất nghĩa được tại sao thủ phạm không hề bị trừng phạt trong một thời gian dài).

Nói cho cùng, *Mafia* ở đâu cũng chẳng thích người ta thọc mạch tìm xem những mối dây liên hệ vô hình mà cũng rất thực tế của nó với một vài cá nhân trong bộ máy quyền lực. Nhưng khi thói 'xử lý nội bộ' trong bộ máy đó đã thành thể chế (dành các cơ quan luật pháp cho việc xem xét trách nhiệm hình sự các nhà báo !), thì, nói gì thì nói,

Các **xã hội đen** ở nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa VN coi bộ tương lai còn sáng lắm !

H.V.

Dùng nhục hình gây chết người ở Vĩnh Phúc

Theo báo **Pháp Luật**, một vụ dùng nhục hình làm chết bị can ở Công an huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc đã xảy ra trong tháng 1.2002. Và sau hơn một tháng nghiên cứu vụ án, các cơ quan pháp luật Vĩnh Phúc và trung ương mới chỉ đạt được thống nhất là chuyển vụ việc lên Cục Điều tra Hình sự VKSND Tối cao. Còn những người trực tiếp liên quan (một thiếu tá và hai đại úy công an) vẫn chưa bị khởi tố !

Thậm chí, theo lời thượng tá Phùng Tiến Bộ, Phó giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc, thì: " Xét về động cơ họ không có lợi ích riêng tư mà vì hoạt động chống tội phạm, chỉ có điều phương pháp làm sai, thì nên chăng xét đó như một tình tiết giảm nhẹ ". Miễn bình.

Dioxin, Việt Nam, và Mỹ : giữa tình cảm và khoa học

Nguyễn Văn Tuấn

Chất màu da cam (hay *Agent Orange*) và dioxin [1] có một mối quan hệ với Việt Nam và Mỹ trong hơn bốn thập niên qua. Ngày 20 tháng 11 năm 1961, tổng thống Kennedy phê chuẩn quyết định cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch Ranch Hand để khai hoang đồng cỏ Việt Nam [2]. Mục đích chính của chiến dịch là làm cho quân đội đối phương không còn cây xanh để trú ẩn. Trong thời gian mười năm từ 1962 đến 1971 quân đội Mỹ đã rải xuống Việt Nam khoảng 19 triệu gallons (tức khoảng 71.9 triệu lít) thuốc khai hoang, trong đó có 11 triệu gallons (41.6 triệu lít) chất màu da cam [3]. Người ta ước tính 11 triệu gallons chất màu da cam chứa khoảng 368 pounds (167 kg) dioxin [4]. Tổng diện tích mà quân đội Mỹ đã rải là 1.5 triệu hectares, tức gần 10% diện tích của miền nam Việt Nam, trong đó có nhiều vùng bị rải hơn 4 lần. Theo báo cáo chính thức của Chiến dịch Ranch Hand, kết quả là quân đội Mỹ đã phá hủy khoảng 14% diện tích rừng nam Việt Nam, kể cả 50% các vườn xoài [5].

Có thể nói câu chuyện dioxin và chất màu da cam trôi sụt theo sự thăng trầm của quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt. Sau chiến tranh, cựu quân nhân Mỹ từng tham gia vào chiến dịch Ranch Hand phản nản về tình trạng sức khỏe của họ. Một số con họ sinh ra có dị tật, và dioxins bị tình nghi là thủ phạm. Tiếp sau đó là một loạt nghiên cứu, trong đó có một nghiên cứu qui mô trên hơn 2000 cựu quân nhân Mỹ, để xác định mối quan hệ giữa dioxins và bệnh tật. Qua hơn 20 năm nghiên cứu, các nhà khoa học Mỹ đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng dioxins gây ra ung thư tế bào mềm (Soft-tissue sarcoma), Non-Hodgkin's lymphoma, bệnh Hodgkin, và ban chlor (chloracne). Nhưng họ vẫn chưa có đủ bằng chứng để phát biểu dứt khoát về ảnh hưởng của dioxins đến các bệnh khác như dị tật, dị thai, ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer), tiểu đường, một số bệnh thần kinh cấp tính, bệnh nứt đốt sống (spina bifida), các bệnh thuộc hệ thống nội tiết và tiêu hóa (như loét, thay đổi enzyme của gan, bất bình thường lipid), các chứng miễn nhiễm, bệnh tim, bệnh đường hô hấp, và ung thư da [6]. Nói tóm lại, họ cần có thêm dữ kiện khoa học.

Về phía Việt Nam, sau năm 1975, giới y tế Việt Nam cũng ghi nhận một số trường hợp dị tật bẩm sinh và ung thư trong cư dân thuộc các vùng từng bị rải chất màu da cam trong thời chiến tranh. Tuy nhiên, vì cách thu thập dữ kiện chưa được hệ thống, và phương pháp nghiên cứu cũng như xử lý số liệu chưa phù hợp với các tiêu chuẩn khoa học, nên những phát hiện này không được thế giới chú ý. Dù dữ kiện còn hạn chế, chính phủ Việt Nam đã nhiều lần lên tiếng gián tiếp yêu cầu Mỹ nên có trách nhiệm với những người mà họ cho là nạn nhân của dioxin. Phía Mỹ không từ chối trách nhiệm, nhưng họ cho rằng cần phải có đầy đủ dữ kiện khoa học thì mới có thể có chương trình hành động. Ngay cả trong giới cựu quân nhân Mỹ, chỉ khoảng 7% cựu quân nhân được chính phủ đồng ý trợ cấp trong số đòi bồi thường về thiệt hại sức khỏe do dioxin.

Nhu cầu cho một Hội nghị Việt - Mỹ

Tình trạng qua lại về trách nhiệm và bằng chứng dang dai mãi cho đến khi Mỹ và Việt Nam chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Sau năm 1995, hai bên đã từng gặp nhau và thảo luận phương cách giải quyết vấn đề. Trong lần họp mặt ở Singapore vào năm 2001, hai phái đoàn Việt Nam và Mỹ đồng ý tổ chức một hội nghị khoa học vào năm 2002.

Theo thỏa thuận trên, ngày 3 tháng Ba vừa qua, Hội nghị Khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng của Chất màu da cam (viết tắt : AO) và dioxin trong sức khỏe con người được diễn ra tại Hà Nội. Hội nghị được tiến hành trong 3 ngày, nhưng một số bàn thảo ngoài chương trình hội nghị vẫn tiếp diễn vài ngày sau đó. Đây là một Hội nghị có tính lịch sử, được sự bảo trợ của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Quốc gia Mỹ (National Institute of Environmental Health Sciences) và Bộ Y tế Việt Nam. Gần 300 nhà khoa học Việt Nam, và 120 nhà khoa học từ Mỹ, Úc, Canada, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Tân Gia Ba, Thụy điển, Nga, Lào, Tân Tây Lan, Na Uy, Hàn Quốc, và Đài Loan, tham dự Hội nghị.

Mục đích chính của hội nghị là để các nhà khoa học trên thế giới trình bày những kết quả nghiên cứu của mình, và tạo điều kiện trao đổi ý kiến xung quanh vấn đề ảnh hưởng của dioxin và AO trong sức khỏe con người. Họ đặc biệt quan tâm đến các bệnh ung thư, dị tật bẩm sinh, và các chứng bệnh liên quan đến hệ thống tái sản sinh.

Chương trình khoa học là thế, nhưng Hội nghị đã được khai mạc với vài “liều lượng chính trị” nho nhỏ. Chẳng hạn như, lúc đầu Ban tổ chức Mỹ - Việt không muốn cho các kí giả ngoại quốc tham dự, nhưng sau họ đổi ý và các kí giả đã tham dự ngày khai mạc và ngày bế mạc hội nghị. Bài diễn văn khai mạc của phía Việt Nam mang chút màu sắc chính trị và cảm tính, trong đó người phát biểu nói một cách thẳng thừng rằng Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, và nhắc lại lời kêu gọi Mỹ phải có trách nhiệm với nạn nhân người Việt Nam. Một nhóm đại diện cho cựu quân nhân Mỹ cũng kêu gọi chính phủ Mỹ phải giúp đỡ nạn nhân của dioxin ở Việt Nam. Tuy nhiên, đại sứ Mỹ ở Hà Nội không đồng ý với nhận xét “chiến tranh hóa học.” Ông đại sứ còn nhắc lại rằng khi thương lượng bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, Việt Nam đã đồng ý không đòi bồi thường chiến tranh [7].

Một vài báo cáo khoa học đáng chú ý

Ban tổ chức đã dự trù Hội nghị sẽ rất khó và tế nhị, những “trục trặc” như thế sẽ xảy ra, nên họ cũng không ngạc nhiên, và theo đuổi chương trình nghị sự khoa học đã định sẵn. Khoảng trên dưới 100 đề tài lớn nhỏ được bàn thảo ; trong đó người ta thấy có một số phát hiện đáng chú ý như sau :

Thứ nhất, nghiên cứu của giáo sư Arnold Schecter, một chuyên viên về dioxin (thuộc Trường đại học Texas), cho thấy mức độ tích tụ dioxin trong cư dân thuộc một số vùng như Biên Hòa, Đà Nẵng, Giồng Trôm (Bến Tre), Tân Uyên (Sông Bé), Trà Nóc (Cần Thơ), A Lưới (Huế), v.v. vẫn còn cao hơn trung bình, và có thể nói là ở một mức độ có hại cho sức khỏe (nồng độ “an toàn” là khoảng 2 ppt). Khoảng 36 % đối tượng nghiên cứu có nồng độ dioxin cao hơn 100 ppt. Ông Schecter trình bày một trường hợp đặc biệt là một thanh niên sinh năm 1973 có nồng độ dioxin lên đến 413 ppt !

Thứ hai, trong một nghiên cứu khác của ông Schecter liên quan đến cá nhập cảng từ Việt Nam vào Mỹ. Ông thử nghiệm 20 mẫu cá được nhập cảng và bán ở hai bang Texas và California. Kết quả nghiên cứu này cho thấy cá nhập cảng từ Việt Nam có hàm lượng dioxin thấp hơn thực phẩm sản xuất ở Mỹ. Ông Schecter ví dụ : trong một mẫu cá tra (catfish) được phân tích, hàm lượng tích tụ dioxin chỉ 0.01 phần ngàn tỉ (0.01 parts per trillion, hay 0.01 ppt). Mức độ tích tụ dioxin trong cá tra trên đây quả rất thấp so với thực phẩm Mỹ. Theo một số nghiên cứu được công bố gần đây, các thực phẩm bày bán ở Mỹ có hàm lượng dioxin tương đối cao, nhưng chưa hẳn đáng quan tâm. Chẳng hạn như theo một nghiên cứu được công bố vào năm 2001, nồng độ dioxin trong cá nước ngọt là 1.7 ppt ; trong kem (ice cream), 0.33 đến 0.51 ppt ; trong sữa, 0.16 ppt ; trong bơ, 1.1 ppt [8]. Ngoài ra, còn có bằng chứng cho thấy những thực phẩm như cá tra khi được nấu chín hay đun sôi thì nồng độ PCDD sẽ giảm xuống đến 50% [9].

Thứ ba, nghiên cứu của giáo sư Lê Quang Bách (Hà Nội) trên 6570 dân cư sinh sống trong các vùng chịu ảnh hưởng chất màu da cam trong thời chiến cho thấy tỉ lệ dị tật bẩm sinh trong thời gian 1975 - 2000 là 2.18 trên 1000 dân số, hay 5.38 trên 1000 trường hợp đẻ sống. Bại não là dị dạng chiếm tỉ lệ cao nhất. Dị dạng thường xảy ra trong những đứa con thứ nhất và thứ hai. Ông Bách kết luận “*Loại trừ yếu tố ảnh hưởng đến nguyên nhân gây ra dị dạng bẩm sinh trên người mẹ cũng như yếu tố thời gian sinh sống của người mẹ trong khu vực nghiên cứu, cho phép nhận định dị dạng bẩm sinh chịu hậu quả lâu dài của chất độc da cam / dioxin*”.

Giá trị bằng chứng : nghiên cứu khoa học hay quan sát lâm sàng ?

Báo cáo khoa học của Việt Nam về liên hệ giữa dioxin và dị tật bẩm sinh cũng như vài bệnh khác đã bị các khoa học gia Mỹ chất vấn. Theo họ (khoa học gia Mỹ), muốn khẳng định một mối liên hệ như thế cần phải có nghiên cứu và theo dõi bệnh nhân hàng chục năm, chứ không đơn giản chỉ trình bày vài trường hợp là xong, mà cần phải có những đối chứng (controls) trong nghiên cứu. Theo người viết bài này, người Mỹ có lí do để chất vấn, và phía Việt Nam cũng có lí do để tin tưởng vào những phát biểu của mình. Tôi không rõ những bệnh cụ thể nào được xem là “dị tật bẩm sinh” trong nghiên cứu của giáo sư Lê Quang Bách, nhưng rõ ràng tỉ lệ 2.18 trên 1000 dân thì quá thấp, vì thông thường tỉ lệ này cao hơn nhiều (ở giữa 2 và 5 phần trăm). Ngay cả trong các bà mẹ người Việt ở California, tỉ lệ dị tật bẩm sinh được ghi nhận vào khoảng 1.92 %, thấp hơn các bà mẹ người Mỹ và Mỹ [10]. Do đó kết quả của phía Việt Nam cần phải được thẩm định kỹ hơn.

Đối với các nhà nghiên cứu thuần túy, một kết luận nghiên cứu chỉ đáng tin cậy khi nào nó được xác nhận bằng một hay nhiều nghiên cứu độc lập khác, và những “phương pháp khoa học” (scientific methods) dùng trong nghiên cứu được xem là thích hợp. Về mặt phương pháp học, rõ ràng các phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam còn quá đơn sơ, nếu không muốn nói là không thích hợp, để cho phép một kết luận gì giữa dioxin và dị tật bẩm sinh. Đây là một lĩnh vực mà giới nghiên cứu Việt Nam cần được giúp đỡ trong tương lai.

Phía Việt Nam, các bác sĩ làm việc trực tiếp với chương trình nghiên cứu chất độc màu da cam và dioxin khẳng định

[có khi mạnh mẽ] rằng qua quan sát lâm sàng, họ biết rõ những ai là nạn nhân của dioxin. Họ trưng bày một số dữ kiện và trường hợp dị tật bẩm sinh trong cư dân các vùng bị ảnh hưởng nặng chất độc này trong thời chiến. Dù nhận xét này cần phải được xác định qua nghiên cứu, tôi vẫn nghĩ bác bỏ những dữ kiện của Việt Nam trong khi cân nhắc mối liên hệ giữa dioxin và bệnh tật là không công bằng. Nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu chỉ là một vế của phương trình y học, nó không phải là câu trả lời dứt khoát cho mọi vấn đề. Những quan sát lâm sàng cũng đóng một vai trò rất quan trọng, và giá trị của kinh nghiệm lâm sàng không nên gạt bỏ qua. Thực vậy, nhiều khi một nhận xét lâm sàng còn có giá trị hơn cả mười năm nghiên cứu. Trường hợp về tác hại của Thalidomide [11] là một ví dụ hùng hồn về giá trị của quan sát lâm sàng.

Đối tượng nghiên cứu : con người hay môi trường ?

Ngoài các thảo luận, tranh cãi khoa học như trên, người ta cũng có thể ghi nhận một vài khác biệt chính giữa phía Việt Nam và Mỹ về đối tượng nghiên cứu, và ưu tiên trong nghiên cứu. Về đối tượng nghiên cứu, phía Mỹ muốn tập trung và quan tâm đến môi trường ; còn phía Việt Nam thì đặt trọng tâm vào sức khỏe người dân. Về đường hướng ưu tiên, phía Mỹ muốn tiến hành những nghiên cứu khoa học, trong khi phía Việt Nam đặt nặng vấn đề giúp đỡ nạn nhân.

Có thể giải thích và thông cảm được sự khác biệt về quan điểm này. Về phía Mỹ, thành phần chủ đạo trong Ban tổ chức Hội nghị là những nhà nghiên cứu trong Viện nghiên cứu Môi trường Mỹ, do đó không ai ngạc nhiên khi đứng trên góc độ nghề nghiệp, họ muốn tiến hành những nghiên cứu để thẩm định sự tác hại của dioxin đến môi trường ở Việt Nam. Ngược lại, phía Việt Nam, những người nằm trong Ban tổ chức Hội nghị là những bác sĩ thuộc Bộ Y tế, nên họ quan tâm đến sức khỏe dân chúng hơn là môi trường.

Ngoài sự khác biệt về chuyên môn, người ta cũng có thể giải thích quan điểm của người Mỹ về nhu cầu dữ kiện. Trong thời gian trên dưới 30 năm qua, Mỹ đã bỏ ra một ngân sách khá lớn để nghiên cứu tác hại của dioxin trong dân chúng, đặc biệt là trong giới cựu quân nhân từng tham chiến ở Việt Nam. Trong thời gian đó họ đã thu thập một lượng dữ kiện khá dồi dào, và hiện nay nhiều chương trình nghiên cứu của họ vẫn tiếp tục. Do đó họ không có nhu cầu thu thập thêm dữ kiện về sức khỏe trong người Việt Nam. Ngược lại, họ cần có thêm dữ kiện về dioxin trong môi trường, và Việt Nam là một nơi lí tưởng để thu thập thêm dữ kiện này.

Tuy nhiên, những dữ kiện về mối quan hệ giữa dioxin và bệnh tật trong người Việt Nam vẫn còn quá ít, nếu không muốn nói là không đáng kể. Đại đa số các nghiên cứu trong thời gian qua về AO và dioxin đều tập trung vào đối tượng là những quân nhân Mỹ, người dùng nó trong chiến tranh, nhưng một đối tượng đáng lẽ cần và đáng nhận được sự ưu tiên và quan tâm nhiều hơn là những nạn nhân của nó : đồng bào Việt Nam sống ở các vùng bị ảnh hưởng độc chất này. Thực vậy, có thể nói đối tượng lí tưởng cho nghiên cứu tác hại của AO hay dioxins trong sức khỏe con người phải là đồng bào Việt Nam ở các vùng bị ảnh hưởng độc chất, vì họ sinh sống trực tiếp với môi trường dioxin. Trong hầu như tất cả các báo cáo khoa học có liên quan tới dioxin mà tôi đã từng theo dõi, các nhà khoa học đều đề cập và trông đợi các số liệu đến từ phía Việt Nam.

Thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào ở Việt Nam liên quan đến tác hại của chất độc màu da cam trong dân cư người Việt được công bố trên các tờ tạp chí y học hàng đầu như *New England Journal of Medicine*, *Lancet*, *Annals of Internal Medicine*, *Journal of the American Medical Association*, v.v. Do đó, theo người viết bài này, quan điểm của Việt Nam về nhu cầu thu thập dữ kiện và nghiên cứu sự ảnh hưởng của dioxin trong sức khỏe con người là một đường hướng hoàn toàn hợp lý.

Bồi thường trước hay nghiên cứu trước ?

Khác biệt thứ hai giữa hai bên là đường hướng ưu tiên. Phía Việt Nam muốn Mỹ giúp đỡ những người mà họ tin là nạn nhân của dioxin và AO, trong khi nghiên cứu. Trong khi đó, phía Mỹ thì đặt nặng vào nhu cầu nghiên cứu khoa học hơn là giúp đỡ tài chính trong giai đoạn này. Một bên quả quyết rằng nạn nhân cần phải được giúp đỡ ; một bên thì đòi hỏi phải có bằng chứng và dữ kiện trước khi thảo luận đến vấn đề tài trợ. Như nói trên, các bác sĩ Việt Nam thì cho rằng họ có lí do lâm sàng để biết ai là nạn nhân và ai không. Nhưng người Mỹ đặt vấn đề cũng chính đáng : làm sao họ biết một cách khách quan rằng đó là những nạn nhân của dioxin và chất màu da cam ? Một bên dựa vào cảm tính do chứng kiến và tiếp cận với nạn nhân ; một bên dựa vào lí trí và khoa học.

Đây là một mâu thuẫn mà tôi nghĩ khó có thể phân giải để đi đến một giải pháp tối ưu. Tuy nhiên, người ta có thể thấy được logic của phía Việt Nam như sau :

Thứ nhất, đó là sự bỏ lỡ cơ hội. Tính đến nay, chất màu da cam và dioxin do Mỹ rải xuống Việt Nam đã qua một thời gian đúng 40 năm, tức là hơn một thế hệ con người. Sau hơn 10 năm, lượng dioxin còn tồn tại trong con người chỉ trên dưới 50 %. Nếu có thể khái quát hóa kết quả nghiên cứu trong giới cựu quân nhân Mỹ và một vài nơi khác ở Âu châu cho tình trạng sức khỏe của người Việt Nam, thì có thể nói rằng đã có nhiều người chết trong thời gian dài đó vì đã ít nhiều chịu ảnh hưởng chất màu da cam. Nói một cách khác, nhiều “đối tượng lí tưởng” nhất, nạn nhân khả tín nhất của dioxin và chất độc màu da cam, không còn nữa. Những nạn nhân hay đối tượng còn sống ngày nay có thể chỉ là nạn nhân thuộc thế hệ hai.

Thứ hai, vấn đề thời gian. Thời gian theo dõi đối tượng phải từ 10 năm đến 20 năm trong một nghiên cứu có hệ thống, có ý nghĩa khoa học cao. Chương trình nghiên cứu của Ý kéo dài hơn 20 năm [12]. Chương trình nghiên cứu trong cựu chiến binh Mỹ cũng đã tiến hành hơn 20 năm. Một nghiên cứu từ Việt Nam, nếu được tiến hành ngay bây giờ, thì cũng phải chờ đến khoảng 2020 mới có kết quả để làm bằng chứng khoa học cho giới làm chính trị quyết định. Và đến đó thì nhiều người cũng sẽ qua đời ! Nạn nhân ít đi dần. Đối tượng ít đi dần. Và đến khi có dữ kiện để xem xét việc giúp đỡ thì đã quá muộn, nếu không muốn nói là không có ý nghĩa gì nữa.

Giá trị của nghiên cứu không chỉ là thông tin khoa học, hay cống hiến vào kho tàng tri thức của nhân loại, mà còn là giá trị thực tiễn của thông tin. Nếu những thông tin nghiên cứu sau 20 năm chẳng giúp ích gì cho người dân Việt Nam thì thiết tưởng những nghiên cứu như thế đã mất đi ít nhiều lí tưởng của khoa học. Nhà cầm quyền nắm ngân sách có lí do để đặt vấn đề có nên nghiên cứu hay không, nếu như kết quả không có một viễn ảnh thực tế giúp đỡ người dân.

Mặt khác, người ta cũng không thể phủ nhận cái logic trong sự suy nghĩ của các nhà khoa học Mỹ. Nếu không có thông tin xác tín, thì làm sao biết ai mà giúp đỡ. Đối tượng nào, với bệnh gì, ở đâu, điều kiện ra sao, v.v. cần giúp đỡ ? Khó mà trả lời những câu hỏi này một cách khẳng định nếu như không có những nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu gì ?

Việt Nam đã bỏ lỡ một cơ hội tốt quá lâu trong công việc này. Tuy nhiên, chậm trễ còn hơn là không có gì. Do đó, nhu cầu nghiên cứu và thu thập dữ kiện về ảnh hưởng của dioxin và sức khỏe cũng như môi trường ở Việt Nam thật là cấp thiết. Nhưng vấn đề được đặt ra là cần nghiên cứu gì ? Tôi xin đề nghị một số đường hướng nghiên cứu cụ thể như sau :

Thứ nhất, *xác định mức độ nghiêm trọng của vấn đề*. Trong bất cứ một vấn đề y học nào, điều quan trọng và cần thiết trước nhất là cần phải biết bao nhiêu người bị ảnh hưởng. Hiện nay, phía Việt Nam thường đưa ra con số 1 triệu người, tuy nhiên, con số này chỉ là một ước tính chưa có cơ sở khoa học vững vàng lắm. Vì thế cần tiến hành nghiên cứu “epidemiology” qui mô ở mức độ dân số để trả lời những câu hỏi sau đây : số người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam hay dioxin ; thời gian ảnh hưởng đã bao lâu ; bao nhiêu thế hệ ; ở những vùng nào ; và đo lường nồng độ tích tụ dioxin trong từng cá nhân.

Thứ hai, *xác định mối liên hệ giữa dioxins và một số vấn đề sức khỏe trong người Việt*. Đây là một nhu cầu cực kỳ cấp bách, vì cho đến ngày nay chưa ai biết rõ dioxin đã ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe của nạn nhân Việt Nam một cách cụ thể, và đó cũng chính là một nguồn gốc của tranh cãi hiện nay giữa Mỹ và Việt Nam về việc bồi thường hay không bồi thường nạn nhân. Qua theo dõi các nghiên cứu của Mỹ và Ý, người ta thấy có khoảng 20 bệnh có thể liên hệ đến dioxin, và những bệnh này có thể là những đối tác đầu tiên cho một nghiên cứu ở Việt Nam. Tuy nhiên, tôi đề nghị chọn ra một số bệnh “ưu tiên” để tập trung nghiên cứu như sau : dị tật bẩm sinh, các loại ung thư vú (trong phụ nữ), tuyến tiền liệt (đàn ông), hệ thống tiêu hóa, và các bệnh liên quan đến nội tiết như bệnh tiểu đường, bệnh xương, và các bệnh tâm thần.

Thứ ba, *cần phải nghiên cứu tác hại của dioxin trong cấu trúc di truyền của cá nhân*. Đã có một số bằng chứng khoa học gần đây cho thấy dioxin hay TCDD có khả năng làm thay đổi cấu trúc di truyền của con người, do đó, nếu ảnh hưởng của dioxin kéo dài qua nhiều thế hệ thì yếu tố di truyền (genes) nhất định phải đóng một vai trò quan trọng. Vì thế, tôi đề nghị cần phải tập trung nghiên cứu vào những đối tượng gia đình (chứ không chỉ trong những cá nhân không có quan hệ huyết thống), để có thêm dữ kiện cho phân tích di truyền.

Ba hướng nghiên cứu trên đây có thể thực hiện được, một số với cơ sở vật chất sẵn có ở Việt Nam, và một số có thể cần sự giúp đỡ về kỹ thuật của các nhóm nghiên cứu ngoại quốc. Những nghiên cứu cụ thể theo ba chiều hướng trên đây cần phải được vạch ra để có kế hoạch tiến hành. Có lẽ một trong những điều cần làm ngay là thành lập một uỷ ban chuyên nghiên cứu, gồm các nhà khoa học ở trong nước và các chuyên gia người Việt và người ngoại quốc ở các nước như Mỹ, Úc, Canada, Thụy điển, v.v. Uỷ ban này nên có đại diện của giới y tế công cộng, thống kê học, khoa học cơ bản, công nghệ sinh học, di truyền học, dân số học, v.v..

Nói tóm lại, cho đến nay không ai còn nghi ngờ sự độc hại của dioxin cho con người. Nhưng chứng minh rõ ảnh hưởng của dioxin trên sức khỏe con người vẫn còn là một thách thức khoa học lớn. Ngoài một số bệnh ung thư mà giới khoa học đã có đầy đủ bằng chứng để cho rằng dioxin là một nguyên nhân chính, một số bệnh khác vẫn còn trong vòng nghi vấn hay cần thêm bằng chứng. Ở Việt Nam, sự hiện diện của dioxin trong môi trường ở một số vùng và ở một mức độ có hại cho sức khỏe là một thực tế không ai có thể chối cãi. Nhưng nếu kết quả của các nghiên cứu ở Mỹ và Ý đem vào áp dụng cho tình hình Việt Nam, người ta có thể nói rằng đã có nhiều nạn nhân dioxin đã bỏ mạng, và nhiều người vẫn còn đang sống với ảnh hưởng của độc chất này. Nhưng dữ kiện khoa học cụ thể từ Việt Nam để phát biểu những nhận xét này vẫn còn thiếu. Thực vậy, trường hợp dioxin và sức khỏe ở Việt Nam là một sự bỏ lỡ cơ hội. Hơn một phần tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt, Việt Nam vẫn chưa tiến hành những nghiên cứu qui mô, có hệ thống để xác định mức độ nghiêm trọng cũng như tác hại của dioxin trong sức khỏe của người Việt Nam.

Vì thiếu dữ kiện khoa học, mối liên hệ giữa dioxin và người Việt Nam cũng như người Mỹ trở nên một vấn đề phức tạp. Bản chất nó mang tính khoa học, nhưng chịu ảnh hưởng của cảm tính, màu sắc chính trị, ngoại giao. Không thể chỉ dựa vào khoa học hay chỉ dùng cảm tính để thuyết phục giới hữu trách Việt Nam và Mỹ. Dù thiếu dữ kiện khoa học, nhưng kinh nghiệm lâm sàng không thể bỏ qua, và nạn nhân của dioxin ở Việt Nam là một thực tế. Do đó, một mặt chính quyền Việt Nam cần huy động nhân lực và chuyên gia trong cũng như ngoài nước để tiến hành những chương trình nghiên cứu qui mô có hệ thống, một mặt chính quyền Mỹ cũng nên giúp đỡ những nạn nhân người Việt, qua kinh nghiệm trong giới cựu quân nhân Mỹ trong hơn hai thập niên qua.

Những tranh luận bằng chữ nghĩa sẽ không giải quyết được một vấn đề cần hành động thực tế.

Nguyễn Văn Tuấn
Senior Research Fellow
Bone and Mineral Research Program
Garvan Institut of Medical Research
Darlinghurst, Australia

Chú thích và tài liệu tham khảo :

[1] Dioxins là tên gọi chung cho một số hóa chất trong nhóm dibenzodioxin, dibenzofurans, và polychlorinated biphenyls (PCBs). Ở Mỹ, dioxins được định nghĩa là tập hợp của 29 hợp chất gồm 7 chất 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin (hay TCDD, hay *dioxin*), 10 chất furans, và 12 chất PCBs. Ở Âu châu, dioxins là tập hợp của 210 hóa chất, trong số này, 17 chất, kể cả TCDD, được xem là độc hại nhất. Gần đây, Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu Ung thư (IARC) xếp dioxin vào loại độc chất số 1 gây ra ung thư. Xem báo cáo “*Polychlorinated dibenzo-para-dioxin and polychlorinated dibenzofurans*,” IARC monographs on the carcinogenic risks to humans, Vol. 69, Lyon, France, 1997.

Dioxins hiện diện trong môi trường, chủ yếu là từ những phó sản của kỹ nghệ. Những nơi gần các hãng sản xuất hóa chất, lò đốt rác, lò đốt dụng cụ y khoa, thường có nồng độ dioxins cao hơn những nơi khác. Một khi đã thải vào không khí, dioxins có thể bay đi khá xa, tích tụ thành cặn bã ở trên mặt và trong lòng đất, và nước, rồi lợn, bò, cá... ăn vào. Khi chúng ta ăn thịt cá dioxins “di chuyển” vào cơ thể con người. Theo một số nghiên cứu gần đây, khoảng 80% đến 95% dioxins trong con người xuất phát từ thực phẩm, nhất là những thứ có

chất béo cao như mỡ, bơ, sữa. Dioxins tồn tại khá lâu trong cơ thể con người, có khi trên 10 năm (J.L. Prikle và đồng nghiệp : “Estimates of the half-life of 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin in Vietnam Veterans of Occupation Ranch Hand”, *Journal of Toxicology Environmental Health*; n. 1989, số 27, tr. 165-71 ; W.H. Wolfe và đồng nghiệp : “Determinants of TCDD half-life in veterans of Operation Ranch Hand”, *Journal of Toxicology Environmental Health*; n. 1994, số 41, tr. 481-8).

[2] Theo tài liệu Record, 4th SECDEF Conference, HQ CINCPAC, March 21, 1962. Trích từ William A. Buckingham, Jnr : “Operation Ranch Hand : Herbicides in Southeast Asia 1961-1971”.

[3] Joan Stephenson : “New IOM Report links Agent Orange exposure to risk of birth defect in Vietnam Vets’ children”, *Journal of the American Medical Association (JAMA)*, số 275, 10.04.1996, tr. 1066-1067.

[4] Michael Gough : “Agent Orange : exposure and policy”, *American Journal of Public Health*, n. 1991; số 81, tr. 289-290.

[5] Theo báo cáo của Công ty Tư vấn Hatfield (Canada), #201-1571 Bellevue Avenue, West Vancouver, BC V7V 1A6, Canada.

[6] “Veterans and Agent Orange : Update 2000” ; Institute of Medicine, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ.

[7] “Intake of dioxins and related compounds from food in the U.S. population”, *Journal of Toxicology and Environmental Health A*, n. 2001, Bộ 11, tr. 1-18.

[8] “A comparison of dioxins, dibenzofurans and coplanar PCBs in uncooked and broiled ground beef, catfish and bacon”, tập san *Chemosphere*, n. 1998, số tháng 10-11, tr. 1723-1730.

[9] Nguyên văn phát biểu của Tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội, theo bản tin của Reuters (của kí giả David Brunnstrom) ngày 4 tháng 3, 2002: “U.S. Vietnam relations were normalized in 1995 after Vietnam dropped claims war reparation / compensation”.

[10] “Congenital malformations in offsprings of Vietnamese women in California 1985 — 1997”, G. W. Shaw và đồng nghiệp, *Teratology*, năm 2002, số 65, trang 121-124.

Dị tật bẩm sinh (danh từ y khoa tiếng Anh : “congenital malformation”) là những dị dạng có từ lúc mới sinh, do di truyền hoặc do các yếu tố môi trường gây ra. Có 50 nhóm, gồm khoảng 200 dị tật khác nhau, từ não đến xương và các bộ phận trong cơ thể. Thường được chú ý là : quái thai không não (anencephaly), tật nứt đốt sống (spina bifida), thoát vị não (encephalocele), tràn dịch não (hydrocephalus), tứ chứng Fallot (tetralogy Fallot), các loại nhiễm thể tam đồng (trisology), khe hở miệng hay môi, thừa ngón tay, ngón tay dính lại, thoát vị rốn (exomphalos), hội chứng Edward, hội chứng Klinefelter...

[11] Thalidomide là một loại thuốc được dùng rất rộng rãi trước đây cho những phụ nữ mang thai, để làm dịu. Trong thập niên 1960s, Bác sĩ William McBride (Úc) qua quan sát vài trường hợp trong bệnh nhân của ông đã khám phá rằng trong khi mang thai trong 3 tháng đầu tiên, thuốc có thể gây ra dị thai. Phát hiện này làm rung động thế giới y khoa một thời. Trong trường hợp này, người ta không cần phải có bằng chứng nghiên cứu. Do đó, lập tức sau phát hiện của Bác sĩ McBride, thuốc này bị cấm dùng trong các phụ nữ đang mang thai.

[12] Tháng Bảy năm 1976, một hãng sản xuất thuốc diệt cỏ 2,4,5-trichlorophenol (TCP) tại vùng Seveso (Ý) bị cháy, nổ tung, và thải ra môi trường chung quanh khoảng 30 kí lô dioxin. Do đó, kể từ năm 1977, chính phủ Ý đã thành lập một nhóm nghiên cứu gồm các nhà khoa học và bác sĩ chuyên nghiên cứu về tác hại của dioxin trong sức khỏe của dân cư trong vùng Seveso và phụ cận. Có thể xem : “Health effects of dioxin exposure : a 20-year mortality study” do Pier A. Bertazzi và đồng nghiệp, *American Journal of Epidemiology*, n. 2001; số 153, tr. 1031-44; và “Paternal concentration of dioxin and sex ratio of offspring”, do Paolo Mocarelli và đồng nghiệp, *Lancet*, số 355, 27.05.2000, tr. 1858-1863.

Đã một năm...

Phạm văn Đình

*Mùa xuân lên đồi cỏ thơm
Mùa hạ nhìn trời mây khói
Thu tím chân cầu tím núi
Đông xa ngày trắng mưa dầm
Nhìn trời ngẩn ngơ anh nói
Mới thôi mà đã một năm¹*

Tin Trịnh Công Sơn (TCS) mất đến với tôi một buổi chiều chủ nhật, một chiều chủ nhật không buồn, nắng đẹp đầu xuân, tôi đang quay quần trên căn vườn ngoài hiên, mấy chục thước vuông nhật hoài không hết lá. Tôi nhấc điện thoại lên, tiếng của Liêm, Paris vừa gọi xuống, nói TCS mất rồi. Ai thông tin ? RFI hay AFP gì đó ! Tôi hốt cẳng, nhưng cố bấu lại, bữa nay là 01/04, *poisson d'avril*, cá tháng tư ! Vội vã bấm về 47c Duy Tân, tiếng của Xíu meo máo, cậu Sơn mất rồi! Điếng người, ngơ ngẩn. Mới ngày kia tôi đã gọi về, được báo cậu Sơn sắp ra bệnh viện !...

Một thiên tài vừa nằm xuống, một người bạn đã ra đi, tuy đã gặp nhau rất nhiều, rất nhiều lần, nhưng chừng như chưa nói với nhau chưa được bao, tình ly còn vơi vắng, *làm sao ta gặp, làm sao ta gặp được nhau*. Nên từ đó, tôi lang thang trên trang sách vở, trên mạng trên mail, lảng đãng trên trí nhớ con tim của chính mình, của bè bạn, tìm dấu chim di nơi cỗi vô thường.

Trịnh Công Sơn và Diễn Đàn

Diễn Đàn (ĐĐ) là một trong vài tạp chí đưa tin và có bài sớm nhất trên mạng. Ngày 02/04/2001, ngay trang đầu, có ảnh TCS, viên hai băng tang xé dọc với dòng chữ *Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vừa ra đi* và liên kết với một số hình ảnh ở mấy trang sau. Và sau đó, mỗi ngày bài vở cứ tăng dần, ngày 06/04, Nguyễn Duy chiêm ngưỡng *Huyền thoại cát bụi*, phân vân *Ngày sau sỏi đá...*, Đỗ Tuyết Khanh chia sẻ *Một vài kỷ niệm nhỏ về anh TCS* trong đầu những năm 80, nhẹ nhẹ, man mác, mà ai có lạ cà thời đó cũng nhận ra ngay những ánh nét chân thật. Rồi lần lượt Phạm Duy tỏ *Lời truy điệu*, Tương Lai tường thuật đám tang trong *Một cõi đi về*, Nam Dao so nhìn *TCS như cánh vạc bay*². Rồi tháng sau, với số đặc biệt Tưởng niệm TCS³ tập hợp những bài viết của bạn bè sinh sống ở Âu Mỹ, và những tháng kế tiếp rải rác các bài của Đình Cường⁴, Phạm văn Đình⁵, Bửu Chỉ⁶, Văn Ngọc⁷, Thái Kim Lan⁸, Đặng Tiến⁹..., ĐĐ quả có góp phần đáng kể trong cuộc hành trình chia sẻ và giải bày những tình lý yêu mộ ca thơ TCS, mến chuộng con người TCS của bao thế hệ, hôm nay và của mai sau. Phải nói thêm, cuối tháng 5/2001, bạn bè khắp nước Pháp và mấy nước phụ cận đã tụ về Paris, trong một Đêm hoài niệm TCS rất trang trọng, người đông hơn sức chứa của hội trường, với sự đóng góp của nhiều nhạc sĩ, ca sĩ không xa lạ gì với TCS, như Thanh Hải, Lê Thu, Hồng Ngọc, Trần Vĩnh... Riêng

tôi, rất thích thú với các “thuyết văn” duyên dáng, dí dỏm của Cao Huy Thuần về *Tình yêu và giấc ngủ*, *Mưa và gót chân hoàng cung*, và tức nhiên, về các đề tài không thể thiếu khác, như *Chiến tranh*, *Kiếp người*, *Tuyệt vọng*, *Đường tuyệt vọng*, trên đường tìm *Một cõi đi về*. Đáng ghi nhớ khác : một giây phút* bất ngờ : Hồng Anh, mà hình như chưa ai biết tiếng, một mình *Bay đi thăm lặng*, đơn côi vượt phím guitare, thật trong sáng, tâm tình đến lạng diên^{10, 11}.

Ấn bản

Cũng trong đầu trung tuần tháng 4/2001, tạp chí điện tử Văn Học Nghệ Thuật¹² đã nhanh chóng đưa lên mạng một Phụ Trương Đặc Biệt, phong phú và đa dạng, tranh ảnh, văn thơ, tiếng nhạc, giọng ca, có cả bài văn thơ tiếng Anh, và với nhiều bài rút đăng lại từ các sách báo trong nước, ngoài nước. Đặc biệt có trích nhiều đoạn từ *Phác thảo chân dung tôi* của TCS. Tôi chú ý 2 bài hồi ký của Khánh Ly, tìm đọc *Ghi lại buổi nói chuyện của Trịnh Cung về TCS* ở Little Saigon ngày 4/4/2001, để biết cái sự việc, sự lời gì đã đem buồn phiền cho tình bạn¹³. Phụ trương đặc biệt này cũng được một hội ái hữu bên Đức đem vào trang nhà Câu lạc bộ Người-Việt¹⁴, cùng với một vài bài vở và bài hát khác.

Đặc biệt tôi trân trọng website tiếng Pháp của Patrick Guenin, “Le Việt Nam, aujourd’hui”¹⁵, công phu, nhiều hình ảnh đẹp, cập nhật luôn, dự trữ nhiều tư liệu và địa chỉ liên quan đến VN. Và tức nhiên có những trang về TCS, có cả hình Thanh Hải và TCS hát năm nào ở Paris¹⁶, có luôn kết dẫn đến trang nhà Khánh Ly¹⁷. Cũng nên nói qua một chi tiết nhỏ, ngộ, dù không có giá trị khoa học sắc xuất thống kê, về một cuộc thăm dò dư luận lướt sóng : chuyện gì quan trọng nhất đã xảy ra ở VN trong năm 2001 (trong 10 sự kiện được tác giả đề ra để chọn, có Hiệp ước thương mại Việt-Mỹ, ô. Nông Đức Mạnh đắc cử chức TBT, vv..., và TCS...) ? Chắc độc giả cũng đoán được sự cố gì đã được internautes đánh giá là hệ trọng nhất ? Không biết có phải phạm huý không ?

Ấn bản

Chỉ trong nội ngày chủ nhật 01/04, bạn bè, người Việt toàn thế giới đã hay/báo nhau tin buồn, rồi báo hằng ngày, hằng tuần, tạp chí nào, trong nước, ngoài nước, cũng có tin tức, bài vở, hình ảnh về/của TCS, không thể kê khai hết...Cả những tạp chí “chơi chơi” như Trẻ Magazine¹⁸, vài ngày sau ngày 1 tháng tư, cũng có số đặc biệt dầy cộm về TCS, gom góp đăng lại sự việc, hình ảnh, bài vở từ các báo khác bên Mỹ, như Người Việt, Việt Mercury, Việt Báo, Sài Gòn Nhỏ, vv...

Ngoài ĐĐ, phải kể tạp chí Văn¹⁹, số tháng 5-6/2001, với một chân dung TCS tự hoạ trước hung nhật cỡ hơn một năm, hết sức lạ lùng, đem cho người nhìn một cảm giác ghê ghê, khó chịu, toả từ một hình hài méo mó, ung bứu đã vây quanh, quấn kín mũi miệng cổ, như cấm ngăn lời ca, tiếng hát, hơi thở, chỉ chừa một đốm mắt, còn cái nón vật thể thì không hề hấn gì...Trong 156 trang dành cho chủ đề TCS, phần lớn in lại từ những trang tôi đã đọc được đó đây (Đặng Tiến, Phạm Duy, Tô Thuỳ Yên, Nam Dao, Đình Cường, Trịnh Cung, Trường Kỳ, vv...), cũng có vài bài lần đầu tôi tiếp cận, như *Về Trịnh Công Sơn* của Bùi Bảo Trúc, một nỗ lực đáng kể, vận hành trong mấy ngày liền sau khi TCS mất, để phân tách, giải bày, phân loại một số ca khúc TCS. Và trong số đó, phải nói đến

* sic

một bất ngờ lý thú : *Chú Lộ*, truyện ngắn (duy nhất ?) của TCS, mà Tuổi Trẻ Chủ Nhật (8-14/04/2001) đã “phát hiện” được, một văn bản tuy còn dang dở, nhưng cũng hiện dạng rất rõ nét những nổi nhấn uất của *Người nô lệ da vàng*...

Kế tiếp, phải kể đến Hợp Lưu²⁰, tuy không phải là một số dành riêng cho đề tài TCS, như Thư toà soạn đã ghi chú và khất hẹn trong một số về sau, xứng đáng hơn với tâm vóc TCS, nhưng ban biên tập cũng đã dành được 72 trang đầu cho anh chàng rong chơi có *Một cõi đi về*. Trong đó, Hà Thái Thủy có ý kiến hay, khi kêu gọi độc giả bổ sung danh sách kê khai 194 nhạc phẩm TCS của mình, nhưng, tôi nghĩ, nếu muốn có hiệu quả, tác giả nên đưa lên mạng một danh sách được nhật cập thường xuyên để mọi người có thể dễ dàng tham gia. Tôi cảm ứng với *Đâu có bao giờ*, trong đó Y Chi kể những kỷ niệm quá ngắn ngủi, so với ước mơ của người con gái, từ lúc còn là “con nít”, cùng lũ bạn, kéo qua quán Monge “coi mặt” TCS, rồi lần hồi cũng “du” được anh chàng hay say họ Trịnh sang chơi phòng trọ, mà hồng đôi má, *Hồng đi nhé, trong ngần áo lụa*, cho đến lúc màu hồng ấy đã bị nắng Sài thành phủ phai qua gác nhỏ. Và từ đó, từ đó mới biết *Nỗi buồn đâu có bao giờ gặp nhau*, một thứ buồn mà hình như ít ai muốn vung vãi, mà cứ muốn ấp ủ, thỉnh thoảng hé ra, cho nó chập chờn, lơ lửng, lững lờ trên tâm thức, lúc sáng, lúc tối, như một đốm sao ma...

Kế nữa là Văn Học²¹, với một số đôi dày dặn, tụ họp các đóng góp dưới tựa đề *Tình yêu, quê hương, thân phận* (là những ám ảnh bằng bạc trong hầu hết các ca khúc TCS), hiện trên bìa Đinh Cường, một Đinh Cường “cổ điển”, với một thiếu nữ cũng rất cổ điển ĐC, đứng trước một màn cây chưa khép, thanh thản buồn, như có chút gì phân vân trước định mạng. Tôi để ý mấy bài có tính cách nghiên cứu, như *Một cái nhìn về ca từ TCS* của Trần Hữu Thực, tác giả xem ngôn ngữ TCS như một cuộc *hôn phối* với nhiều “nỗi” khác nhau, hoặc, như công trình thật công phu, đồ sộ của Bùi Vĩnh Phúc, *Trịnh Công Sơn, ngôn ngữ và những ám ảnh nghệ thuật*. Đón nhận được một món quà bất ngờ, với bút ký của Nguyễn Thanh Ty *Về một quãng đời của Trịnh Công Sơn*, người bạn và người đồng nghiệp đã sống hằng ngày với TCS 2 năm tại Trường sư phạm Quy Nhơn (1962-1964), và tiếp kế, 3 năm dạy học ở Blao : những năm vô cùng quan trọng trong sự hình thành con người và phong cách nhạc phẩm TCS, của những *Diễm xưa*, *Biển nhớ*, *Như cánh vạc bay*..., và *Ca khúc da vàng*.

TCS ít viết về chuyện đời mình, chỉ mới *Phác thảo chân dung tôi*, *Để bắt đầu một hồi ức*, thỉnh thoảng chỉ viết tay một, hai trang giấy, theo yêu cầu báo chí. Thường thường người của toà soạn “đến hẹn lại lên” (thang lầu), lần thứ hai, lần thứ ba, nhưng cũng phải ngồi chờ, chờ TCS nhâm nhi viết, nhiều khi không buồn đọc lại, mà bản thảo cứ trơn tru, chữ uốn bay vừa phải, dễ đọc. Hình như chưa bao giờ tôi thấy có dấu xoá, câu sửa : nếu rút con chữ từ trong túi ra như Nguyễn Xuân Khoát hình dung, thì TCS cũng không cần sắp xếp, chỉ cần hốt một nắm vung lên, tự nó cũng tự nguyện ngay tình, thẳng ý mà nằm sượng như mơ trên giấy.

Nhưng cũng may, bạn bè TCS vô số kể, dùm trăm, dùm ngàn, rồi thế nào cũng chấp nối được những sự việc riêng lẻ thành một chuỗi đời nguyên vẹn. Hình như chuyện này, có Nguyễn Đắc Xuân^{22 23} đang tiến hành, với những bước đầu rất khả quan, khi moi tùm lại được nguyên bản Trường ca đã trảng²⁴, của “thời Quy Nhơn”, có cả hình TCS đang điều khiển ban hợp xướng bốn năm chục giáo sinh Sư phạm, đồng mặc áo dài

trắng, complet đen, coi rất “xôm tụ”, không thua gì các đêm văn nghệ Tết Việt kiều, của những năm tháng còn đầy ước mơ, vọng ảo...

Thư bản

Hè 2001, trên kệ sách, lần lượt người ta thấy xuất hiện quyển *Trịnh Công Sơn, một người thơ ca, một cõi đi về*²⁵, gồm, hình như “tất cả”, các bài vở thu tóm được trên sách báo và màn hình, rồi cố in ra cho kịp, nhưng không biết kịp với cái gì, nên biên soạn qua loa, trình bày sơ sài, in ấn thô thiển, có chêm cả lời của mấy chục ca khúc TCS, cho đầy cộm ?

Tháng sau, được Như An về nước đem sang cuốn *Trịnh Công Sơn, người hát rong qua nhiều thế hệ*²⁶, cũng may, trang trọng hơn nhiều, bìa cứng, có jaquette chân dung tự hoạ của TCS, năm 1999, sau một cơn bệnh “thập tử nhất sinh”, trình bày đẹp, in ấn thanh nhã, tụ họp phần nhiều là những bài báo, nên trong non 400 trang mà người ta đếm tới 26 bài viết của TCS, 28 bài viết về TCS trước ngày 1 tháng tư, 87 bài của bạn bè, đồng nghiệp sau 1/4/2001, không kể một số ảnh và tư liệu về TCS. Rất mong, nhà văn Nguyễn Quang Sáng, người đồng chủ biên quyển này, và là người đã rong chơi nhiều với TCS từ sau 75, trong một tương lai gần sẽ có một công trình tương xứng với sự hiểu biết sự đời TCS trong khoảng thời gian ấy.

Cũng giữa mùa hè, nhà xuất bản Phụ Nữ cũng có phát hành một cuốn sách nhỏ, khiêm tốn hơn, in thoáng, chữ rõ, tụ họp một số bài vở thiên về người mẹ, người tình, dưới cái tựa hơi “cải lương” *Trịnh Công Sơn, rơi lệ ru người*²⁷, trong đó có *Thư gửi Ngô Kha* khá dài của TCS, đề năm 1974, khi nhà thơ Ngô Kha đang bị nhốt khám lần thứ ba, văn bản này gây bất ngờ, vì văn phong rất “hiện thực”, không thấy dấp dính gì với các văn bản cùng thời, bất ngờ hơn nữa là nội dung rất “dấn thân”, lời lẽ cổ vũ đấu tranh liên tục, không chùn...

Và như để đón mừng năm mới, cuối tháng 12/2001, anh bạn dạy toán thích rong chơi gắm câu của tôi, cũng công cán đem về được một quyển sách rất đẹp, sang, trang trọng, chữ rõ, bìa thanh thoát : con diều bay mà vực thẳm không buồn theo. Với sự đóng góp của nhiều văn nghệ sĩ thân thuộc của TCS từ bao năm nay, trong nước và ngoài nước, để nói về *Cuộc đời âm nhạc* của TCS. Ai chưa biết TCS như một hoạ sĩ, sẽ có dịp làm quen với một số tranh tiêu biểu²⁸. Một quyển sách với dạng album nghệ thuật, có tâm vóc đôi xứng.

Sơn ơi, tuần tới này, Toulouse, cùng với Thanh Hải, Như An từ Đức bay sang, bạn bè từ Paris đánh xe lăn xuống, sẽ cùng nhau quây quần một đêm không ngủ giữa trời hát ca. Nhâm ngọc, đừng quên cỡi con ngựa hồng về chơi, Sơn nha.

Phạm văn Đình, 23/03/2001.

- 1 Hoàng Phủ Ngọc Tường : Trích từ *Dù năm dù tháng*, trong tập thơ *Người hái phù dung*, nxb Hội nhà văn, Tp HCM, 1992, 58 tr.+2 phụ bản màu của TCS; ĐĐ vừa chép lại bài này trong số Xuân Nhâm Ngọ (115, 02/2002), và Phạm Trọng Cầu đã phổ nhạc trong những năm 80, dưới tựa đề *Cho dù năm tháng*, có in lại trong tập *Trường làng tôi*, nxb Sóng Nhạc, Tp HCM, 1991.
- 2 Lạ thay, Quỳnh Dao có bài cùng tựa, Văn Học, số 10-11/2001, tr. 201-207, Garden Grove.
- 3 Diễn Đàn-Forum, Paris, số 107, tháng 5/2001. Bìa TCS tự hoạ (1989), với bài của Đinh Cường, *Gửi Sơn, những đoạn ghi nhớ của người bạn ở xa*, Đặng Tiến, *Đời và nhạc TCS*, Cao Huy Thuần, *Buồn bã với những môi hôn*, Thanh Hải, *Anh TCS và tôi*, v.v.

- 4 Đinh Cường : *Tình bạn, hồi sinh cơn hôn mê*, Diễn Đàn, số 108, tháng 6/2001.
- 5 Phạm văn Đình: *TCS : một sản phẩm...?*, Diễn Đàn, số 109, tháng 7/2001.
- 6 Bửu Chỉ : *Về những ca khúc phản chiến của TCS*, ĐĐ, số 110, tháng 9/2001.
- 7 Văn Ngọc : *TCS, Khánh Ly & những khúc tình ca một thời*, ĐĐ, số 110, tháng 9/2001.
- 8 Thái Kim Lan : *TCS, nơi vùng ưu tư thành tiếng du ca*, ĐĐ, số 111, tháng 10/2001, hoặc <http://perso.wanadoo.fr/diendan/archpag6/s14tklan.html>
- 9 Đặng Tiến : *TCS, tiếng hát hoà bình*, <http://perso.wanadoo.fr/diendan/archpag6/s14dtien.html>
- 10 Đêm Hoài Niệm được Ban tổ chức ghi lại trên 2 CD, trong một album đẹp, âm thanh khá tốt, chỉ tiếc tiếng đàn guitare của Thanh Hải nghe nhỏ quá, không phối trợ được nhiều cho tiếng ca, phải chỉ có thêm một cây guitare thùng, hay một saxo, để thêm dẹt, bày vẽ, mơn trớn, vuốt ve giọng hát nữa thì tuyệt !
- 11 Nguyễn Hạnh Hoài Vi có bài về album này trên : <http://www.giaodiem.com>, ngoài ra trên các trang Giao Điểm khác, còn có nhiều bài giá trị về TCS, của Bửu Chỉ, Thái Kim Lan, Nguyễn Đắc Xuân...
- 12 <http://www.saomai.org/TCS-pt/tcs.htm>
- 13 Xem thanh minh của Hoàng Phủ Ngọc Tường : *Cũng sẽ chìm trôi...* trên ĐĐ điện tử, tháng 5/2001
- 14 <http://www.hoi-ai-huu.de/>, hoặc <http://www.nguoi-viet.de>
- 15 <http://perso.wanadoo.fr/patrick.guenin/cantho/>
- 16 Hình chụp ở Nhà VN, đêm 27/05/1989, chủ trang để lộn là mars 1990.
- 17 <http://www.khanhly.com/>
- 18 Trẻ Magazine, Số đặc biệt TCS, 5/80, 15/04/2001, Huntington Beach, Cali.
- 19 Văn, số 53-54, tháng 5-6/2001, San Jose, Cali, e-mail : van@0996@aol.com
- 20 Hợp Lưu, số 59, tháng 6-7/2001, bìa TCS do Đinh Cường, Garden Grove, e-mail: tchl@aol.com
- 21 Văn Học, ấn bản đặc biệt, tháng 10 & 11/2001, 246 tr., Garden Grove, Cali., e-mail: vanhoc@saigononline.com
- 22 Nguyễn Đắc Xuân : *TCS với cao nguyên bụi đỏ sương mù*, <http://giaodiem.com>
- 23 Nguyễn Đắc Xuân : *TCS và phố biển Quy Nhơn*, trên những sdd.
- 24 Nguyễn Đắc Xuân : *Tìm được tác phẩm Dã tràng ca của TCS*, Nhân Dân điện tử, 07/01/2002.
- 25 *Trịnh Công Sơn, một người thơ ca, một cõi đi về*, Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha và Đoàn Tử Huyền sưu tầm và biên soạn, nxb Âm Nhạc (Dihavina), Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông-Tây, 520 tr., khổ 14,5x20,5cm, Hà nội, 2001, in 1000 cuốn, giá : 63000VNĐ.
- 26 *Trịnh Công Sơn, người hát rong qua nhiều thế hệ*, Nguyễn Quang Sáng và Phạm Sỹ Sáu biên tập, nxb Trẻ, 392 tr., khổ 14x20cm, Tp. HCM, in 5000 c., giá 62000VNĐ.
- 27 *Trịnh Công Sơn, rơi lệ ru người*, Lê Minh Quốc sưu tầm và tuyển chọn, nxb Phụ nữ, 208 tr., khổ 13x19cm, Hà Nội, in 1500 cuốn, giá 20000VNĐ.
- 28 *Trịnh Công Sơn, cuộc đời, âm nhạc, thơ, hội hoạ và suy tưởng*, Trịnh Cung và Nguyễn Quốc Thái soạn thảo & biên tập, bìa Bửu Chỉ & Đinh Trường Chinh, 286 tr., khổ 18x23cm, nxb Văn Nghệ, Tp. HCM, 2001, in 1000 c., giá 145000VNĐ.

TIN TỨC - TIN TỨC - TIN

Mười tiêu chí về chất lượng đại học

Bộ Giáo dục - Đào tạo đã quyết định chọn 10 tiêu chí cơ bản để bắt đầu sử dụng đánh giá chất lượng đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng của các trường ĐH từ năm học 2002 - 2003. GS Nguyễn Đức Chính, chủ nhiệm đề tài "Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo dùng cho các trường đại học Việt Nam" cho biết 10 tiêu chí được chọn lựa áp dụng trong giai đoạn từ nay đến năm 2005 gồm: công tác tổ chức và quản lý, tỷ lệ sinh viên trên cán bộ giảng dạy, tỷ lệ cán bộ có học hàm và học vị, năng lực của sinh viên, chương trình học và tài liệu chuyên môn, phương pháp giảng dạy và học tập, đề tài nghiên cứu khoa học, hệ thống hạ tầng cơ sở, kinh phí hằng năm và các hoạt động quan hệ quốc tế phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong mỗi tiêu chí có những chỉ số cụ thể để làm căn cứ đánh giá theo các mức tốt - khá - đạt - không đạt yêu cầu.

Hợp tác nghiên cứu khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng của chất độc da cam/dioxin

Ngày 10-3, tại Hà Nội, ông Nguyễn Ngọc Sinh, Cục trưởng Môi trường Việt Nam và bà Anne Sassaman, Trưởng đoàn đại diện Viện Khoa học môi trường và sức khoẻ quốc gia Mỹ đã ký bản ghi nhớ "Hợp tác nghiên cứu khoa học Việt - Mỹ về ảnh hưởng của chất độc da cam/dioxin đối với sức khỏe con người và môi trường".

Văn bản này là kết quả cuộc làm việc giữa hai đoàn đại biểu Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp ngay sau Hội nghị khoa học Việt - Mỹ về hậu quả chất độc da cam/dioxin đối với sức khỏe con người và môi trường tại Hà Nội trong thời gian từ ngày 3 đến 6-3 (xem bài viết của Nguyễn Văn Tuấn, trang 10), nhằm triển khai chương trình hợp tác nghiên cứu về hậu quả của chất độc da cam/dioxin lên sức khỏe con người và môi trường. Tuy nhiên, văn bản không đề cập gì tới việc giúp đỡ những nạn nhân của chất khai quang mà Mỹ đã rải hàng loạt lên VN trong chiến tranh. Trong một tuyên bố ngày hôm sau, bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao VN đã hoan nghênh bước tiến bộ có ý nghĩa trong việc hợp tác nghiên cứu này, đồng thời nhắc lại "trách nhiệm tinh thần và đạo lý" của Mỹ đối với vấn đề nhân đạo cấp bách là góp phần giải quyết những hậu quả của chiến tranh. (AFP, Reuters 11.3.2002)

Ca Huế thính phòng và ca Huế trên sông Hương

Ca Huế thính phòng xưa thịnh hành tại phủ các ông hoàng như Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Tuy Lý Vương Miên Trinh, các công chúa của vua Minh Mạng như Trọng Khanh, Thúc Khanh, Quý Khanh..., các dinh quan phủ ở Vĩ Dạ, Kim Long, Thành nội, hay các nhà giàu có... Vua Thiệu Trị, Tự Đức rất mê ca Huế và đã từng sáng tác lời cho nhiều bài ca Huế. Chương trình một đêm ca Huế như các cụ xưa tổ chức có thể bắt đầu bằng những bản hoà tấu *Lưu Thủy, Kim Tiền, Xuân Phong*, rồi đến các bài ca như *Tứ đại cảnh, Nước non ngàn dặm*, rồi đến các phách điệu Bắc như : *Phú Lục, Long ngâm*,

Cổ bản, hay các điệu Nam như : *Nam ai, Hành vân, Tương tư khúc*. Sau đó, đến các điệu lý của Huế, như : *lý hoài xuân, lý hoài nam, lý con sáo, lý tình tang*. Cuối chương trình là hát chầu văn Huế, và hát tuồng Huế... Từ lúc có chiến tranh, ca Huế thính phòng thưa dần, nhưng một hình thức khác của ca Huế thính phòng lại đang phát triển rầm rộ, đó là ca Huế trên đò sông Hương. Đêm trăng Huế trên sông Hương, ở khoảng đò chiều trải, rượu rót, các ca sĩ mờ ảo trong những phách điệu đam mê, làm ai cũng mềm lòng. Nhưng sự xô bồ đang làm tha hoá ca Huế trên sông Hương. Mọi người đua nhau mở lớp đào tạo ca sĩ ca Huế cấp tốc. Chỉ học qua đôi lần điệu đã dắt nhau xuống đò ca hát ! Hát ca Huế cổ thì ít mà “ tân nhạc giao duyên ” thì nhiều, làm khổ du khách sành điệu ! Thậm chí người ta đưa ca Huế lên sân khấu quảng diễn với những lời mới viết khá thô thiển, ấu trĩ. Ca Huế là loại hình nghệ thuật rất kén khách. Lời ca Huế cổ rất bác học, tinh tế, trí tuệ và trau chuốt, phản ánh tâm trạng, tâm linh, nên không thể phù hợp với những cuộc vui dung tục. Khôi phục lại các đêm ca Huế thính phòng là một cách cứu nguy ca Huế ! (Ngô Minh, TTCN, 24-2-2002)

Phiên chợ cầu may

Chợ có từ lâu lắm, gắn với nhiều truyền thuyết lịch sử, song mang một ý nghĩa duy nhất : đó là phiên chợ cầu may trong năm mới. Mỗi năm chợ chỉ họp một phiên vào ngày 8-1 âm lịch, nhưng từ đêm mùng 7 chợ đã nhóm, hàng quán đã được bày biện. Chợ Viêng được họp ở Gò, Vụ Bản, Nam Định, chiều dài đến 3km, từ xã Trung Thành sang xã Kim Thái tới gần phủ Giày, đền thờ Bà chúa Liễu Hạnh. Chợ Viêng gần như là phiên chợ đông nhất nước. Và khi mua bán chẳng ai tính toán thiệt hơn, vì là cầu may mà !

Cũng như từ xưa xưa, chợ bán những món hàng truyền thống của các làng nghề tài hoa. Đồ kim loại gia dụng như : dao, kéo, trảng, đục, cày, bừa, cuốc, lưỡi hái... là của lò rèn Văn Chàng. Các đồ thờ cúng bằng đồng như : lư, đèn, chuông, khánh, tam sự, ngũ sự, của các lò ở Hà Bắc, Nam Định, Hà Tây và cả Huế. Các đồ gốm sứ của Bát Tràng-Hà Nội, Chu Đậu-Hải Dương, Hương Canh-Vĩnh Phúc. Các đồ gỗ chạm khắc như tủ chè, bàn ghế của Ninh Xá-La Xuyên, hay sơn mài khảm xà cừ của Cát Bang. Ngoài ra, chợ còn bán đủ các loại cây hoa cảnh của các làng Nhật Tân, Ngọc Hà (Hà Nội), Hạ Lũng, Đàng Hải (Hải Phòng) và các loại cây ăn quả đặc sản như nhãn Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà, táo Thiên Phấn. Món ăn “ độc chiêu ” của chợ Viêng từ xưa đến nay là bê thui chấm tương gừng. Không ai ra khỏi chợ mà trên tay không có xâu thịt bò, thịt bê. Mức tiêu thụ thịt bò, bê (cả ghé) ở chợ Viêng có thể tính gộp bằng lượng thịt cả năm bán ở chợ huyện, chợ tỉnh và các hàng bán phở của Nam Định. (L.H.-Nguyễn Nhung, TTCN, 24-2-2002)

TIN NGẮN

* Ngày 15.3, **Quốc hội khoá X** đã bắt đầu kỳ họp thứ 11, và cũng là kỳ họp cuối trước khi **hết nhiệm kỳ**. Ba đạo luật dự kiến sẽ được thảo luận và thông qua là Luật tổ chức toà án nhân dân, luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân và luật sửa đổi, bổ sung luật lao động. Kỳ họp sẽ kéo dài khoảng 3 tuần.

* **Pho tượng Phật lớn nhất ở Việt Nam**, bằng đồng, cao hơn 7 m, do các nghệ nhân huyện Ý Yên, Nam Định thực hiện sẽ tọa lạc trên một ngọn núi thuộc huyện Sóc Sơn (Hà Nội), cạnh đó sẽ dựng một ngôi chùa mới. Phần thân của pho tượng nặng hơn 20 tấn, bệ hoa sen đặt tượng cao 1 m, nặng hơn 10 tấn.

* Theo một điều tra của Trung tâm hỗ trợ xã hội được công bố ngày 13.3, năm 2001, **55,4% số phụ nữ hành nghề bán dâm tại Hà Nội đã bị nhiễm vi khuẩn bệnh sida**. Con số này cao hơn những con số tương đương ở TP HCM (24 %) và Hải Phòng (21 %).

* Nhà nước đã khởi công **xây dựng lại và mở rộng quốc lộ số 3** nối Hà Nội tới Cao Bằng, đi qua Thái Nguyên, Bắc Cạn. Đường này dài 344,4 km, trị giá công trình ước tính khoảng 30 triệu đôla, dự trù sẽ hoàn thành vào năm 2004.

* Từ đầu tháng 1 đến ngày 13.3, bệnh viện Bạch Mai đã tiếp nhận 76 bệnh nhân bị **ngộ độc thực phẩm**, chủ yếu là ăn phải hóa chất có trong rau muống, bắp cải, cà chua và táo. Riêng trong cuối tuần 9-10.3, bệnh viện Thanh Nhàn đã tiếp nhận 18 người bị ngộ độc do ăn rau muống, trong đó 12 người bị nặng đã được rửa ruột kịp thời.

* Ngày 9.3, ngư dân xã Tam Hòa (huyện Núi Thành, Quảng Nam), đã phát hiện cá trên **sông Trường Giang** nổi lên chết hàng loạt. Hai người (một công an, một ngư dân) lặn xuống vớt được hai bao xi măng nhưng lại **bị ngộ độc** nặng. Cơ quan chức năng đã xác định những bao trên có trọng lượng 100 kg, chứa cyanua !

* Mặc dù nền kinh tế Việt Nam tương đối ổn định với một mức lạm phát giảm, **tình trạng đô la hoá tiếp tục tăng** trong những năm gần đây. Tỷ lệ tiền gửi bằng ngoại tệ trên tổng số tiền gửi ngân hàng vào cuối 2001 là 43,87%. Riêng ở Ngân hàng ngoại thương, tỉ lệ này là trên 73%.

* **Festival Huế 2002** sẽ diễn ra từ ngày 4 tới 15.5 ở Ngọ Môn - Đại Nội - Cung An Định. Kỳ này, ngoài hai nước khởi xướng VN và Pháp, còn có sự tham gia của nhiều đoàn văn nghệ các nước láng giềng (Hàn, Thái, CPC, Nhật...). Ngoài biểu diễn văn nghệ, thời trang, Festival còn có những gian hàng mỹ nghệ, và triển lãm nghệ thuật. Hoạ sĩ Lê Bá Đảng sẽ có phòng triển lãm ở Huế trong dịp này.

* Theo những số liệu đăng ký thi đại học năm 2001 ở Thành phố Hồ Chí Minh, **những ngành học đặc biệt hấp dẫn** thí sinh và có tỉ lệ ‘chọi’ (tỉ lệ giữa số thí sinh đăng ký dự thi / chỉ tiêu tuyển sinh) cao nhất là : kinh tế đối ngoại 1/32 ; thư viện thông tin 1/37 ; dược 1/40 ; báo chí 1/52 ; giáo dục tiểu học 1/54.

* Theo một cuộc điều tra về răng miệng, tình trạng sâu răng của người Việt Nam đang ở mức rất cao và gia tăng theo tuổi. **Tỉ lệ sâu răng sữa ở trẻ em 6-8 tuổi là 84,9%** ; ở nhóm tuổi 9-11, tỉ lệ này là 56,3%. Tỉ lệ sâu răng vĩnh viễn ở nhóm tuổi 18-30 là 75% ; ở nhóm tuổi 35-44, tỉ lệ này là 83,2% ; ở nhóm tuổi trên 45, tỉ lệ là 89,7%.

* Bắt đầu từ cuối tháng 4 này, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ biến hai khu vực chợ Bến Thành và phố Nguyễn Huệ thành **khu dành cho người đi bộ**. Khu vực chợ Bến Thành cũng được bố trí thành phố chợ bán ban đêm.

Về tự Tố Như 素如 của Nguyễn Du qua *Hồ Xuân Hương Nàng là ai*

Alexandre Lê

Cách đây hai năm, Phạm Trọng Chánh đã cho ra mắt độc giả cuốn *Hồ Xuân Hương nàng là ai ?¹*, một công trình nghiên cứu về con người và cuộc đời Hồ Xuân Hương 胡春香 (1772-1822) qua sáng tác của bà và những danh nhân đương thời như Nguyễn Du 阮攸 (1765-1820), Phạm Đình Hổ 范廷琥 (1768-1839), Tôn Phong 巽峯 (XVIII-XIX),... Công trình có mục đích đi sâu hơn nữa về nhân vật này và đồng thời cũng có ý sửa sai cho những người đi trước.

Lần đầu đọc tác phẩm của Phạm Trọng Chánh, tôi nhận thấy nó chứa đựng rất nhiều thông tin. Nhưng khi gấp sách lại thì rất nhiều câu hỏi được đặt ra trước những *khám phá* của tác giả. Một trong số đó là : Tác giả đã tìm được những tư liệu nào cho phép khẳng định những điều mà tác giả đã khẳng định ?

Sau khi đọc lại hai chương III và IV, tôi nhận thấy cái quyền rũ của những bài dịch và cái hấp dẫn của những thông tin mới ấy có một cái giá rất đắt mà tác giả đã phải trả : những yếu tố nhất định được diễn rộng ra, rộng đến mức khó chấp nhận được.

Ngay những trang đầu, tác giả đã phân bác *hiệu* Tố Như của Nguyễn Du và xem bài *Độc Tiểu Thanh Ký* 讀小青記 là bài thơ Nguyễn Du viết về và cho Hồ Xuân Hương. Đó là một xác thuyết. Và để đi đến xác thuyết của mình, tác giả đã đưa ra một số lập luận mà tôi xin trích dẫn lại đây² :

"Các nghiên cứu về Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương trong cả thế kỷ 20 đã sai lầm, ngay cả bút hiệu Tố Như gán cho Nguyễn Du, cũng là một lầm lẫn nghiêm trọng, tố như không phải là bút hiệu Nguyễn Du, mà chỉ có nghĩa là người con gái có phẩm hạnh cao quý như nàng Tiểu Thanh... Người đầu lầm lẫn cắt nghĩa bừa tố như là bút hiệu, sách vở cả thế kỷ nhầm mất xưng tụng Cụ Tố Như và khóc cụ Tố Như..." [s.d.d. tr. 10]

Đó là phần dẫn nhập mà tác giả phát triển trong phần III.10.

¹ Phạm Trọng Chánh (Nhất Uyên), *Hồ Xuân Hương Nàng là ai ?*, Paris: Bông Sen, 2000, 162 tr. Chúng tôi sử dụng bản in lần thứ hai do Khuê Văn xuất bản tại Paris năm 2001, 171 tr. Cả hai bản đều có phần phỏng vấn tác giả do Đặng Tiến (*) thực hiện. Riêng bản 2001 có thêm phần viết chữ Hán.

²(*) *Chủ thích của Diễn Đàn : Sự thật, đây là lời của PTC phát biểu và khẳng định, khi trả lời ĐT phỏng vấn cho một đài phát thanh. Cuối cùng, bài phỏng vấn không được truyền thanh, và PTC đã sử dụng vào những việc khác. Nhưng dù sao, nó cũng chỉ có giá trị như một cuộc phỏng vấn, người hỏi, và người trả lời, chỉ chịu trách nhiệm riêng về những phát biểu của mình.*

Vì không có quyền sửa nguyên văn trong khi trích dẫn, tôi xin giữ đúng cách hành văn như trong sách. Để tránh cảm tưởng bóp mép tư tưởng của tác giả và để độc giả có một ý niệm rõ về vấn đề, tôi xin trích dẫn rộng rãi các đoạn nguyên văn.

Bài viết này nhằm mục đích trao đổi với tác giả nhưng chỉ giới hạn trong nhận định về hai chữ "Tố Như" trong chương III. Sự lựa chọn này một phần là do khuôn khổ một bài báo nhỏ không cho phép viết nhiều và phần khác vì chừng ấy cũng đủ để nêu lên một số vấn đề do nhu cầu khái quát hóa trong nghiên cứu mang lại.

Bài viết này có hai phần. Phần một là những trích dẫn luận cứ của Phạm Trọng Chánh mà tôi đúc kết lại thành *Xác thuyết "Tố Như" không phải là hiệu của Nguyễn Du* cùng với những phân tích và phản nhận định của tôi. Phần hai là các chứng tích khác liên quan đến tự Tố Như của Nguyễn Du.

Về mặt thư tịch, tôi đã sử dụng nhiều nguồn khác nhau, không những xem lại một số nguồn được tác giả sử dụng mà còn tìm kiếm thêm những nguồn khác liên quan đến hai chữ "Tố Như". Chủ yếu là những tập thơ văn của những người cùng thời với nhân vật lịch sử này.

I. Xác thuyết "Tố Như" không phải là *hiệu*³ của Nguyễn Du và nhận định về lập luận của tác giả.

I.1. Trích dẫn luận cứ của Phạm Trọng Chánh về hai chữ "Tố Như"

"Việc khám phá mối tình Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã phân bác bút hiệu TỐ NHƯ mà người đời sau gán cho Nguyễn Du, tố như 素如 chỉ có nghĩa là người đẹp tài sắc giống như thế. Theo Tự điển Hán Việt của Thiều Chửu, Tố 素 là tơ trắng, nghĩa bóng chỉ người có phẩm hạnh cao khiết, như 如 là như cũ, như vậy, giống như." [tr. 33]

"Nguyễn Du hiệu là Thanh Hiên Bút hiệu Thanh Hiên, Nguyễn Du ghi rõ ràng trên Tập thơ Thanh Hiên thi tập, nhưng Tố Như chỉ thấy trên bài Độc Tiểu Thanh Ký. Gia đình Nguyễn Du thường dùng chữ Hiên trong bút hiệu, cụ Nguyễn Nghiễm, cha Nguyễn Du bút hiệu Nghị Hiên, Nguyễn Nể bút hiệu Quế Hiên." [tr. 34]

"Hiện nay không có một bút tích nào chứng tỏ Nguyễn Du tự là Tố Như. Nguyễn Lộc trong Nguyễn Du con người và cuộc đời nxb. Đà Nẵng 1990. tr 90-91 có trích hai bài Hoài Tố Như đệ và Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tố Như từ [sic] của Nguyễn Nể viết cho Nguyễn Du, hai tựa đề trên không đủ sức thuyết phục Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du, vì xưa nay anh em ruột thịt không gọi nhau bằng bút hiệu, Nguyễn Du viết cho anh Nguyễn Nể cũng chỉ đề : Ưc gia huynh và cho em Nguyễn Ưc thì gọi là Ngô gia đệ. Tựa đề hai bài trên có lẽ chỉ là Hoài đệ và Ký đồng hoài đệ từ [sic], người đời sau thêm vào bút hiệu Tố Như, bài thứ hai viết cả hai Thanh Hiên và Tố Như, vì sợ Thanh Hiên không ai biết, lẽ thường người ta chỉ viết Thanh Hiên Nguyễn Du, bút hiệu đi liền với tên thật chứ chẳng ai viết cùng lúc hai bút hiệu." [tr. 34]

I.2. Nhận định về lập luận của tác giả.

Qua những dòng trên, ta có thể thấy ba xác tín chủ yếu của tác giả :

1. "Việc khám phá mối tình Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã phân bác hiệu Tố Như mà người đời gán cho Nguyễn Du".
2. Những người đi trước không ra công tìm hiểu ngữ nghĩa của hai chữ "Tố Như 素如" nên đã gán bừa là hiệu của Nguyễn Du trong khi không có "bút tích" nào chứng minh điều ấy. Tác giả kết luận cụm từ này "chỉ có nghĩa là người đẹp tài sắc giống như thế" [tr. 33] hoặc "chỉ có nghĩa là người

³ Nhiều chứng tích cho biết Tố Như là tự chứ không phải là hiệu của Nguyễn Du.

con gái có phẩm hạnh cao quý như nàng Tiểu Thanh" [tr. 10].

3. Không thể có *hiệu* Tổ Như khi cả gia đình của Nguyễn Du đều dùng hiệu trong đó có chữ "Hiên 軒". Hơn nữa, anh em không gọi nhau bằng bút hiệu.

Khi tuyên bố "việc khám phá mối tình Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã phân bác hiệu Tổ Như mà người đời gán cho Nguyễn Du", Phạm Trọng Chánh không cho biết cụ thể ai ngoài ông ra đã bác *tự* Tổ Như và đã làm thế nào để đi đến phân bác đó. Ở trang 29, ông chỉ cho biết chính tập *Lưu hương ký* 留香記 do Tôn Phong 巽峯 biên tập đã vén màn cho thấy Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng không hề nói rõ ai đã phân bác và công hiến của tập thơ trên như thế nào.

Tôi đã tìm trong tập *Lưu Hương ký*, song vẫn không thấy có bài thơ *Cảm cữu kiêm trình Cẩn chánh Học sĩ Nguyễn Hầu* được cho là bài thơ chính thức công nhận quan hệ yêu đương giữa Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du⁴. Tạm thời xin không đề cập đến bài thơ trên và ý nghĩa lịch sử của nó.

Về nghĩa của "tổ" và "như", Phạm Trọng Chánh đã không theo định nghĩa của Thiệu Chử đã được chính ông trích dẫn và mặc nhiên thừa nhận. Ông lái nguyên nghĩa của "Tổ Như" sang "người con gái có phẩm hạnh cao quý như nàng Tiểu Thanh" rồi sang "người đẹp tài sắc giống như thế"⁵. Theo tôi, ông đã định nghĩa theo cảm tính.

"Tổ 素" ở đây không hề mang nghĩa về đẹp của thể chất, mà chỉ sự trong trắng về mặt tinh thần. Còn "như 如" không đơn thuần có nghĩa là "như cũ" hoặc "giống như" mà chỉ sự mong muốn được như cái mà từ đứng trước nó biểu đạt. "Tổ như" mang hàm nghĩa của sự mong muốn được trong sạch, thanh cao về phẩm chất⁶. Khi cho "tổ như" dùng để chỉ một người con gái vừa "tài sắc" vừa "cao quý" "giống như thế", phải chăng ông đã để cho *tổ nữ* 素女 của Hồ Xuân Hương nhầm vào Tổ Như 素如 của Nguyễn Du?

Lập luận trong các trích dẫn trên đồng thời cũng tập trung phân bác cứ liệu của những người đi trước, từ lời nói của cụ nghệ Nguyễn Mai, do Phan Sĩ Bàng và Lê Thước ghi nhận, đến những chứng tích do Nguyễn Lộc công bố liên quan đến *tự* Tổ Như của Nguyễn Du.

Trong khi tiểu thuyết hóa cuộc đời của Nguyễn Du, Nguyễn Lộc đã công bố hai bài thơ⁷ cho ta thấy Nguyễn Đề (hay Nguyễn Nễ), anh của ông, đã ghi rõ Tổ Như là *tự* của

ông. Bằng vào xác tín của mình, Phạm Trọng Chánh cho rằng không có lẽ dùng hai hiệu cùng một lúc, tức không thể có "Thanh Hiên Tổ Như Từ"⁸ như đã được ghi trong nhan đề của bài thơ thứ hai. Và để triệt để hơn trong phân bác, ông đã *sửa sai* không những cho các nhan đề mà còn cho cả câu thơ đầu của bài *Hoài Tổ Như đệ* bằng cách đổi nguyên tác "Tổ Như hà xứ trú" [Tổ Như đang ngụ nơi đâu] thành "Du đệ hà xứ trú" [Em Du đang ngụ nơi đâu] [tr. 34].

Tôi nghĩ rằng việc sử dụng chữ "Hiên" trong hiệu theo truyền thống gia đình (từ cha, anh rồi đến Nguyễn Du) không hề loại trừ khả năng có một hiệu khác hoàn toàn nằm ngoài. Hiệu Hồng Sơn Liệp Hộ 鴻山獵戶 và Nam Hải Điều Đồ 南海釣徒 là hai bằng chứng cụ thể⁹. Hơn nữa, nếu hiệu Thanh Hiên 清軒 tôn trọng truyền thống gia tộc và "Hồng Sơn Liệp Hộ" hay "Nam Hải Điều Đồ" biểu thị sở thích (đi săn và đi câu) lúc nhàn rỗi, thì *tự* "Tổ Như" với giá trị tinh thần của nó theo tôi không phải là một điều phi lý¹⁰.

Về việc dùng hiệu và *tự*, tôi không dám khẳng định như Phạm Trọng Chánh và cho rằng việc gọi một người bằng cả hiệu lẫn *tự* là một việc có thể có. Bằng chứng là chữ ký của Tôn Phong sau bài tựa viết cho tập *Lưu hương ký*¹¹ và cụ thể hơn là nhan đề của bài thơ *Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tổ Như Từ* như ta đã biết.

Trên đây là phần trao đổi dựa trên cơ sở ngữ nghĩa và văn hóa. Dưới đây, tôi sẽ dẫn ra những cứ liệu khác rút từ những nguồn thư tịch khác nhau cho phép ngã về khả năng "Tổ Như" là *tự* của Nguyễn Du.

II. Cứ liệu về *tự* "Tổ Như"

"Tổ Như" với tư cách là *tự* của Nguyễn Du không chỉ được xác nhận bởi hai nhan đề thơ do Nguyễn Lộc cung cấp mà còn ở một số tư liệu khác. Như ta sẽ thấy, người đương thời không chỉ gọi ông bằng Tổ Như mà còn gọi bằng Tổ Như Từ 素如子 và Tổ Như Thị 素如氏.

Tôi xin trích dẫn ra đây ba nguồn thư tịch khác nhau trong đó có hai nguồn là những ghi nhận của Đoàn Nguyễn Tuấn 段阮俊 (1750-?), anh vợ của Nguyễn Du, và của Nguyễn Hành 阮衡 (1771-1824), cháu của ông. Nguồn thứ ba do một tập thơ được khắc in cung cấp mang niên đại Minh Mạng thứ ba

⁸ Phạm Trọng Chánh đã đọc lầm "từ" thành "tử" nên đã sửa sai nhan đề bài thứ hai *Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tổ Như Từ* thành *Ký đồng hoài đệ tử*.

⁹ Cả hai đều đã được Phạm Trọng Chánh ghi nhận [sdd., tr. 31].

¹⁰ Phạm Trọng Chánh đã đánh đồng *tự* và *hiệu* khi nhắc tới Tổ Như. Khác với hiệu, *tự* được đặt ra để thay thế cho tên húy. Vì thế, một khi đã trưởng thành, anh em trong gia đình cũng có thể gọi nhau bằng *tự* để tránh tên tục. Ngoài ra, Bùi Văn Nguyên còn đặt thêm hiệu Tổ Thanh cho Nguyễn Du bằng cách ghép Tổ Như và Thanh Hiên [Xem Bùi Văn Nguyên, *Nguyễn Du người tình và Nguyễn Du tình người*, Việt Nam: nxb. Khoa học Xã hội - nxb. Mũi Cà Mau, 1992, tr. 17]. Tôi thấy việc làm như thế vô ích vì chỉ là một ảo tưởng cá nhân.

¹¹ Nguyên văn như sau: "Thời Long phi, Giáp tuất trọng xuân. Đồng quận Nham Giác Phu Tôn Phong Thị thư vu học viện thứ 時龍飛甲戌仲春同郡岩覺夫巽峰氏書于學院次 [Thời "Rồng bay" [chỉ dưới triều đại của vị vua-thánh nhân], giữa xuân năm Giáp tuất (1814). Người cùng quận Nham Giác Phu Tôn Phong Thị viết tại nơi học viện]".

⁴ Tôi đã sử dụng tập *Lưu Hương Ký* đóng chung với nhiều sách, sau cuốn *Du Hương Tích Động ký* 遊香跡崗記, vì ảnh của thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO, Paris, ký hiệu Microfilm I. 288). Bản này là bản chụp vi ảnh từ bản A. 2814, hiện được lưu trữ tại thư viện Viện Hán Nôm (Hà Nội) (theo *Di sản Hán Nôm - Thư mục đề yếu* [Catalogue des livres en Han Nôm], Hà Nội: nxb. Khoa học Xã hội, 1993, t. 1, tr. 431). Có khả năng còn có một bản *Lưu hương ký* khác nữa mà tôi chưa được tham khảo.

⁵ Phạm Trọng Chánh hiểu "giống như thế" là 'giống như Tiểu Thanh' và trên danh nghĩa đó, phải chăng chỉ có Hồ Xuân Hương mới giống?

⁶ "Tổ" ngoài ra còn chỉ cái vốn có từ trước. Tổ Như còn có thể chỉ thêm sự mong muốn được như bản chất vốn có từ đầu. Nhưng đây là một khả năng thứ yếu.

⁷ Nguyễn Lộc, *Nguyễn Du con người và cuộc đời*, Việt Nam: nxb. Đà Nẵng, 1990, tr. 90-91.

(tạm dịch)

Diễn Đàn số 117 (4.2002) **20**

Hy vọng hai dẫn chứng trên đây phần nào trả lời cho câu "Hiện nay không có một bút tích nào chứng tỏ Nguyễn Du tự là Tố Như" [tr. 34] của Phạm Trọng Chánh.

II.2. "Tố Như" qua ghi nhận của Nguyễn Hành trong các tập thơ văn của ông.

Nguyễn Hành đã để lại nhiều chứng tích về chủ ruột của mình trong hai tập thơ văn *Quan Đông Hải* 觀東海 và *Minh Quyên thi tập* 鳴鵑詩集²⁰. Ông đã hai lần nhắc tới tự Tố Như của Nguyễn Du. Một lần sau nhan đề bài thơ *Văn thúc phụ Lễ bộ Tham tri công phó âm cảm tác* 聞叔父禮部參知公訃音感作 [Cảm tác khi nghe tin chú là Lễ bộ Tham tri mất]²¹. Và một lần khác trong nguyên dẫn về bài *Liệp tụng* 獵誦²² của Nguyễn Du.

Trong bài thơ đầu, nguyên dẫn như sau : "Công tự Tố Như. Tính hiếu liệp, tự hiệu Hồng Sơn Liệp Hộ. Canh Thìn bát nguyệt sơ, thập nhật tốt vu Phú Xuân quan xá 公字素如性好獵自號鴻山獵戶庚辰八月初十日卒于富春官舍" [Ông tự Tố Như. Tính thích đi săn, tự gọi mình là Hồng Sơn Liệp Hộ. Mất tại nơi làm quan ở Phú Xuân ngày mười tháng tám năm Canh Thìn (1820)].

Không chỉ thế, ông còn xác nhận trong hai câu thơ đầu của bài thơ trên như sau: *Thập cửu niên tiền Tố Như Tử* 十九年前素如子, *Nhất thế tài hoa kim dĩ hĩ* 一世才華今已矣... [Mười chín năm trước, Tố Như Tử, Tài hoa nhất thế nay thôi nhĩ...]. Nguyên dẫn và câu thơ đầu thống nhất với nhau về tự Tố Như (Tố Như Tử) của Nguyễn Du.

Trong nguyên dẫn bài *Liệp tụng*, ông ghi : "Thúc phụ Tố Như Tử Nguyễn Du hiếu liệp, tác tụng dĩ phú. Kỳ từ viết: ... 叔父素如子阮攸好獵作誦以諷其辭曰..." [Chú là Nguyễn Du, [tự] Tố Như Tử, thích đi săn và có làm bài tụng để ngụ ý. Lời rằng ...].

Đây là chứng tích thứ ba, sau Nguyễn Đề và Đoàn Nguyễn Tuấn, cho ta thấy Nguyễn Du tự là Tố Như. Như thế tạm thời có thêm bốn nguồn thư tịch xác nhận tự Tố Như của Nguyễn Du.

II.3. Tố Như trong Hoa Nguyên thi thảo 華原詩草 của Lê Quang Định 黎光定 (1759-1813), do Trịnh Hoài Đức 鄭懷德 hiệu Cán trai 艮齋 cho in năm 1822²³.

²⁰ Có những bài như:

- *Tổng thúc phụ Đông các Đại học sĩ phó Nam kinh - nhất thủ* 送叔父東閣大學士赴南京 - 一首 [Tiền chủ là Đông các Đại học sĩ triều Nam kinh - một bài] [*Quan Đông Hải*, tờ 4b]

- *Thượng thúc phụ Đông các Học sĩ* 上叔父東閣學士 [Dâng gửi chú là Đông các Học sĩ] [*Quan Đông Hải*, tờ 36a]

- *Văn thúc phụ Lễ bộ Tham tri công phó âm cảm tác* 聞叔父禮部參知公訃音感作 [Cảm tác khi nghe tin chú là Lễ bộ Tham tri mất] [*Minh Quyên thi tập*, xem *Nam Phong tạp chí*, No. 165, août-septembre 1931, phần Hán văn: tr. 4.]. Bài thơ này đồng thời cũng cho biết Nguyễn Du mất vì bệnh dịch. Về cái chết vì dịch tả của Nguyễn Du, Bùi Văn Nguyên thì nghi ngờ [sdd., tr. 145] còn Nguyễn Lộc thì thừa nhận [sdd., 232].

²¹ *Tạp chí Nam Phong*, No. 165, Hán tr. 4.

²² *Quan Đông Hải*, phần: tập thơ, tờ 25a-b.

Tập thơ này tập hợp các bài thơ của tác giả khi làm chánh sứ sang nhà Thanh cầu phong cho Gia Long. Điều đáng chú ý là nhiều bài thơ trong tập được kèm theo lời bình của Ngô Phong Khê 吳豐溪 và Nguyễn Tố Như 阮素如. Qua bối cảnh, tôi nghĩ rằng Nguyễn Tố Như ở đây chính là Nguyễn Du. Ở cuối bài thứ sáu *Trư Sơn Đường văn bạc* 豬山塘晚泊 [Chiều muộn đỗ thuyền tại Trư Sơn Đường] [tờ 3a] ghi : "Nguyễn Tố Như viết : Tùy bút trực tả kính kiện vô thất 阮素如曰隨筆直寫勁健無匹" [Nguyễn Tố Như nói : Theo bút mà viết thẳng một cách rắn rỏi, có một không hai]. Hoặc ở tờ 21b cuối bài *Quá Vũ Thắng quan* 過武勝關 [Qua cửa Vũ Thắng] ghi "Nguyễn Tố Như viết : Bút pháp hữu lực, bất tại dụng lực 阮素如曰句法有力不在用力" [Ng. Tố Như nói : Bút pháp có sức mạnh, không phải vì dùng lực], v.v.

Ta có thể truy tìm thêm nữa trong các tập thơ văn mà tác giả là bạn hay đồng nghiệp của Nguyễn Du, nhưng như thế cũng đủ để thấy rằng Tố Như (Tố Như Tử, Tố Như Thị) là tự của Nguyễn Du. Rất tiếc Phạm Trọng Chánh đã không kiểm tra lại thuyết của mình trước khi đoan chắc tất cả mọi người đều sai. Theo các chứng tích trên, cách hiểu và dịch bài thơ *Độc Tiểu Thanh ký* của ông cũng không còn đúng nữa.

Qua những phản nhận định trên, tôi chỉ muốn một phần trao đổi với Phạm Trọng Chánh về một số lập luận của ông và phần khác để nói lên khó khăn của thao tác khái quát hóa trong nghiên cứu. Nếu khái quát hóa là một nhu cầu trước những thông tin rời rạc hay mang tính sự kiện của thư tịch Việt Nam thì làm thế nào để tính chủ quan không đẩy ta đi quá xa so với dữ liệu ban đầu, nếu không, tiến trình dân gian hóa (thay vì lý thuyết hóa) văn học cổ điển sẽ tiếp diễn và nó sẽ tiến mãi vì nhu cầu khái quát hóa lúc nào cũng có và lúc nào cũng lớn.

Nhân vật Hồ Xuân Hương đã khơi dậy khoảng một thế kỷ nay biết bao tình cảm và đam mê. Phải chăng Hồ Xuân Hương sẽ mãi mãi là một huyền thoại ? Một huyền thoại trong đó không có chỗ đứng cho sự tỉnh táo và lý trí ?

Hồ Xuân Hương nàng là ai ? là một công trình nửa tiểu thuyết, nửa nghiên cứu. Về thể loại, nó cũng không khác gì *Nguyễn Du con người và cuộc đời* của Nguyễn Lộc hay *Nguyễn Du người tình và Nguyễn Du tình người* của Bùi Văn Nguyên, những nỗ lực tiểu thuyết hóa hành trạng và con người Nguyễn Du. Song, nó lại hoàn toàn tuyệt đối trong phân bác và lập luận. Qua đây ta cũng có thể thấy sự đan chéo giữa những tình cảm đặc biệt của nhà thơ Nhất Uyên dành cho Hồ Xuân Hương và tính khách quan của nhà nghiên cứu Phạm Trọng Chánh.

Alexandre Lê

²³ *華原詩草 Hoa Nguyên thi thảo*, 明命三年孟春鐫 明命三年孟春鐫 Minh Mạng tam niên mạn xuân tuyên, 艮齋藏板 艮齋藏板 Cán Trai tàng bản. Ở cột dọc đầu trang nhan đề còn có ghi chữ "黎 Lê". Đây có thể là một trong một loạt tập thơ do Trịnh Hoài Đức chủ trương in [EFEO Microfilm I. 11, sau *Thập Anh Đường thi tập* 拾英堂詩集].

Giải thưởng Nguyễn Trường Tộ

Nhằm mục đích cổ vũ tinh thần canh tân đất nước của mọi người Việt Nam, **Quỹ Tương Trợ Việt Nam Canada**, tên tiếng Pháp **Fonds d'Aide Vietnam-Canada**, tiếng Anh **Fund Aids Vietnam-Canada**, viết tắt QTTVC, FAVC đặt ra một tặng thưởng hàng năm lấy tên là Nguyễn Trường Tộ. Tặng thưởng dành cho cá nhân hay tập thể người Việt Nam, hay gốc Việt Nam, thể hiện rõ nét nhất tinh thần canh tân đất nước Việt Nam. Tặng thưởng có giá trị bằng tiền là 4000 CAD (bốn nghìn).

1. Ứng cử và đề cử

Mọi người Việt Nam hay gốc Việt Nam, trong nước hay ngoài nước, đều có quyền ứng cử hoặc đề cử.

Hồ sơ ứng cử, đề cử phù hợp với yêu cầu và trong hạn định được thông báo dưới đây.

2. Tiêu chuẩn của ứng cử viên hay người được đề cử

- Thể hiện rõ nét tinh thần yêu nước Việt Nam nhưng không cực đoan và cực bộ.
- Thể hiện tinh thần canh tân đất nước Việt Nam và phù hợp với trào lưu thời đại.
- Mang tính chất khoa học và thực tiễn.
- Có công trình cụ thể đã được thực hiện, công bố hay đang ở dạng bản thảo hoàn chỉnh.
- Là người Việt Nam hoặc gốc Việt Nam, sinh sống ở trong hoặc ngoài nước Việt Nam.

3. Hồ sơ ứng cử, đề cử

Lý lịch cơ bản của đương sự (tên họ, ngày, năm sinh, nơi sinh, địa chỉ, nghề nghiệp...), tên, địa chỉ (nếu có thể địa chỉ email, điện thoại) của người đề cử.

Giới thiệu các công trình (có thể ở dạng khác nhau : xây dựng, âm nhạc, ba-lê, sách....), nhất là những công trình mang tính chất canh tân đất nước.

Tầm quan trọng và ảnh hưởng của tinh thần canh tân đất nước của đương sự.

Hồ sơ gồm khoảng 5 trang đánh máy (nếu được chuyển bằng đĩa, CD, email). Nếu cần, kèm theo các tài liệu sách, báo, mô hình, hình ảnh, phim ảnh, âm nhạc... Tốt nhất là dưới các dạng có thể thu vào đĩa computer.

Hồ sơ của ứng cử viên hay người được đề cử được giữ kín, chỉ phổ biến trong nội bộ hội đồng giám khảo.

Hồ sơ gửi về :

QUỸ TƯƠNG TRỢ VIỆT NAM CANADA

5732 Esplanade, MONTRÉAL, Québec, Canada, HT 3A1,
Tel : (514) 2799509 ; Email : Lotusluong@videotron.ca,
qttvc@yahoo.ca

4. Tặng thưởng

Tặng thưởng cho năm 2002 là 4000 CAD, cho năm 2003 là 4000 CAD. Cho các năm sau, sẽ được xác định thêm.

Tiền tặng thưởng được chuyển đến tay người thụ hưởng. Nếu có yêu cầu, số tiền có thể sử dụng để in ấn tác phẩm của người trúng giải.

5. Thời hạn nộp hồ sơ và việc công bố kết quả

Cho năm 2002, thời hạn cuối để nộp hồ sơ là 1/5/2002.

Kết quả sẽ được công bố vào 1-15/7/2002.

QTTVC chỉ công bố tên tuổi, sự nghiệp của người được giải.

QTTVC không công bố tên tuổi những người không được giải.

6. Hội đồng giám khảo

Hội đồng giám khảo gồm các uỷ viên Ban Điều Hành của QTTVC và một số giám khảo được thỉnh mời.

Mỗi giám khảo đều nhận đầy đủ hồ sơ, mỗi vị nêu ý kiến của mình và có một phiếu bầu có giá trị ngang nhau.

Thành phần giám khảo cho tặng thưởng năm 2002 là :

Giám khảo được thỉnh mời :

- Sư gia Phan Huy Lê, giáo sư tại ĐHQG Hà Nội, giám đốc Trung tâm Việt Nam Học
- Nhà khoa học Phan Đình Diệu, giáo sư tại ĐHQG Hà Nội
- Nhà văn Nhật Tiến, Mỹ
- Nhà báo Nguyễn Ngọc Giao, nhóm chủ trương báo Diễn Đàn, Đại học Paris VII, Pháp
- Nhà khoa học Nguyễn Tường Bách, vừa làm kinh tế vừa nghiên cứu Phật học, Đức

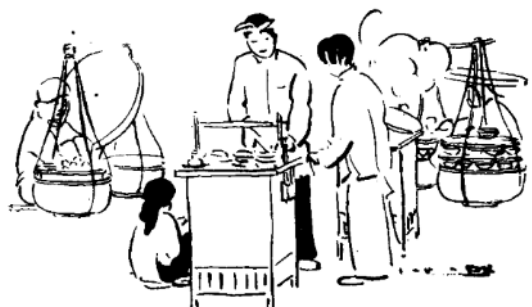
8 uỷ viên ban điều hành QTTVC :

- Bà Tôn Nữ Thị Nga, chủ tịch QTTVC, cựu giáo sư đại học Montreal, chủ nhiệm khoa hóa học
- Ông Nguyễn Khánh Long, thủ quỹ QTTVC, cựu giáo sư tiếng Pháp ở Việt Nam, chuyên viên tư liệu, dịch giả
- Ông Lương Châu Phước, thư ký QTTVC, cựu chủ bút tạp chí Thế Hệ, Đất Việt, Người Việt (Canada)
- Ông Nguyễn Trọng Lương, cựu hiệu trưởng trường sư phạm Qui Nhơn, giáo sư trường cao đẳng Vanier (Montreal)
- Ông Phạm Ngọc Tuấn, chuyên viên kế toán, cựu giảng viên đại học UQAM
- Ông Nguyễn Văn Sơn, chuyên viên quản lý công nghiệp
- Ông Nguyễn Tiến Văn, nhóm chủ trương tạp chí Trăm Con (Toronto), giám đốc nhà xuất bản Thời Mới
- Bà Lý Thu Linh, cựu chuyên viên điện toán, người hoạt động từ thiện, dịch giả, thường trú tại TP Hồ Chí Minh

Một giới hạn cần được thông cảm :

Do vấn đề chính trị thường dễ gây những hiểu lầm và giới hạn sự hợp tác, cho vài năm trước mắt, QTTVC xin được phép không xét đến những hồ sơ dính líu trực tiếp đến những vấn đề chính trị.

Những hàng quà xưa ở Hà Nội



Lê Văn Đệ, hàng phở gánh, ký họa (1925)

Văn Ngọc

Tình cờ, nhìn những bức ký họa của sinh viên hai khoá đầu tiên trường Cao Đẳng Mỹ thuật Đông Dương, vẽ vào những năm 1925-26, ghi lại hình ảnh của những người bán hàng rong, hàng quà, ngồi trước những gánh hàng, hay lướt đi vội vã trên đường phố Hà Nội xưa, làm tôi lại nhớ lại cả một quãng đời thơ ấu đã lắng sâu trong ký ức. (*)

Ấu cũng là một dịp để hồi tưởng lại những tiếng rao, tiếng động phố phường, mỗi ngày nào còn gần gũi ...

Những tiếng động của xe cộ lúc sớm mai trên đường phố, những tiếng rao quà trong trưa nắng, những tiếng hát của người xẩm loa lúc phố xá lên đèn, tất cả những âm thanh đó, những hình ảnh đó, đã ghi khắc vào tâm hồn tôi.

Ôi, những hàng quà xưa ! Bây giờ nhớ lại, cũng như thể nhớ lại tuổi thơ của mình, nhớ lại một cái gì đẹp lắm, đã mất đi và có lẽ không bao giờ trở lại nữa !

Ở Hà Nội ngày xưa, nhất là ở các phố buôn bán trong khu phố cổ, người ta có thói quen ăn quà từ sáng đến tối, và lúc nào cũng có hàng quà ! Bọn trẻ chúng tôi – và ngay cả người lớn – chỉ biết thưởng thức các món quà đó một cách ngon lành, và vô tư, còn tìm hiểu tại sao lại có cái truyền thống “ăn quà” ấy, tại sao Hà Nội lại có những món ăn ngon ấy, thì dường như chẳng ai nghĩ tới !

Ngay cả khi lớn khôn lên, nghĩ lại, tôi cũng vẫn thấy khó lý giải được các hiện tượng này, kể cả cái thị hiếu, nói chung, của người Hà Nội, từ sự thẩm định các món ăn, cho đến sự lựa chọn các hàng quà !

Người ta thường bảo người Hà Nội ăn uống “thanh cảnh, kén chọn”. Hồi nhỏ, mẹ tôi nói thế, và tôi nghe cũng chỉ biết vậy, nhưng chắc hẳn điều đó phải có một phần đúng. Người ở đất đế đô cũ nào mà chẳng thế ? Thật ra, ăn uống “kiểu cách”, “đài các” thực sự, thì có lẽ phải nói đến người Huế, nhất là trong các gia đình khá giả, quyền quý ! Nhưng đây là chỉ nói về cách ăn uống và các món ăn trong các bữa cơm thôi, còn quà thì có lẽ không đâu phong phú và “thanh lịch” như ở Hà Nội. Cùng món phở, cùng món bún chả đấy, mà đi xuống Hải Phòng, hay xuống Nam Định, thấy cũng đã khác rồi !

Sau này cái máu dân dã, vốn có sẵn ở trong người tôi, đã trỗi dậy không biết từ lúc nào, và khiến tôi lại nghĩ rằng, nếu cứ thả cửa ra thì người Hà Nội cũng thích ăn uống xô bồ, cũng ưa “nhậu nhẹt” như ai thôi ! Bởi một lẽ đơn giản là người Hà Nội, ngay từ xưa vốn vẫn là dân *tứ chiếng* (tứ trấn : Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Đông, Sơn Nam), từ các vùng quê Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Phủ Lý, Nam Định, Thái Bình, v.v. kéo nhau lên Kẻ Chợ làm ăn, rồi định cư ở đây. Có gia đình đã định cư từ lâu lắm rồi, song có lẽ ít ai gốc gác Kẻ Chợ từ quá năm, sáu đời nay ! Tuy nhiên, khi cái vòng lẩn quẩn khép lại, thì những gia đình vốn chỉ là dân buôn bán, gốc gác “tứ chiếng”, từ nông thôn lên kia, lại muốn duy trì một thứ nề nếp nào đó – mà thật ra họ không có – như một kiểu “học làm sang”, một cách làm cho “phải đạo” mà thôi ! Họ cũng dạy con cái “ăn nói” sao cho dịu dàng, lễ độ, phép tắc, v.v. và cũng chính họ mới là những người quan tâm đến truyền thống ẩm thực nhất, và biết... ăn quà nhất ! Tầng lớp thương gia, tiểu thương, thủ công nghệ, vẫn luôn luôn đóng một vai trò tích cực trong đời sống đô thị. Còn những gia đình thật sự là cổ ở Hà Nội, thì trước hết là rất hiếm, sau nữa, là vì đã là nhà gia giáo, ông bà cha mẹ có chút ít Khổng học, thì giáo dục ở trong nhà cũng nghiêm khắc hơn, ăn uống cũng thanh đạm hơn, con cái có khi không được ra ngoài đường để ăn quà nữa !

Hà Nội luôn luôn có những cư dân mới đến nhập cư, từ trong Thanh, trong Nghệ, Quảng Nam, Quảng Ngãi, thậm chí có cả những người tập kết từ trong Nam ra rồi ở hẳn lại ngoài này. Đây là chưa kể những đợt di dân ồ ạt từ nông thôn ra thành thị từ những năm 54-55 trở đi, đã du nhập đến đây nhiều tập quán lai tạp, xô bồ, từ trong cách ăn nói, cách phát âm, cho đến phong cách ăn, mặc. Bây giờ “lời ăn tiếng nói” của người Hà Nội cũng không còn như xưa nữa !

Nói chung, từ ngày đất nước thống nhất, văn hoá ẩm thực cũng đã thừa dịp giao lưu tự do, thoải mái ! Chẳng thế mà từ nhiều năm nay, ở các “chợ vỉa hè” Hà Nội, thấy có đầy những hàng bán trứng vịt lộn, người ngồi ăn xì xụp, điều mà trước kia không bao giờ có ! Cũng như những hàng “cơm bụi”, trước kia đâu có ? Có chăng là những hàng “cơm bình dân” dành cho người lao động, thường cũng là những hàng quán kín đáo, chứ không khi nào lại lấn ra vỉa hè ! Có lẽ truyền thống “cơm bụi” đã được nhập trực tiếp từ nông thôn, rập theo khuôn mẫu các hàng quán ở “chợ quê” chăng ?

Có phải vì Thăng Long là chốn đế đô cũ, là đất “ngàn năm văn vật”, mà người Hà Nội xưa có tập quán ăn uống “thanh lịch” và “kén chọn” không ? Điều này có thể là đúng ít ra về mặt “thanh lịch”, còn ăn uống “kén chọn” lại là một chuyện khác nữa, và có những lý do khác. Kẻ Chợ do là nơi tập trung nhiều truyền thống ẩm thực từ nhiều nơi đem đến, cho nên người Hà Nội có cái thuận lợi là có được một sự chọn lựa rộng rãi. Những gì không ngon đều bị loại đi ngay, còn những gì mới mẻ, độc đáo cũng phải trải qua một cuộc thử nghiệm khe khắt rồi mới được sự đồng thuận của mọi người ! Tôi không tin rằng cái gu ẩm thực của người dân Kẻ Chợ trước kia đã chịu một ảnh hưởng đáng kể nào của các triều đại vua chúa đã từng ngự trị ở đây ! Có chăng, thì cái ảnh hưởng đó cũng không phải chỉ một chiều. Có những quà “tiến” vua, như nhân lồng Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà (nghe nói vải thiều của ta đã được đưa sang “cống” vương triều nhà Đường

(618 - 906), từ thời Dương Quý Phi. Những thức ngon, vật lạ này thực ra cũng chỉ là những sản phẩm do nhân dân sản xuất ra, tiếng đồn lan truyền, rồi đến một lúc nào đó trở thành quà tiến vua. Song, chắc hẳn cái sự kén chọn của các tầng lớp quý tộc đã ảnh hưởng trở lại lên cái gu của quần chúng.

Ngược lại, cái gu dân dã của “thị dân”, do không bị ràng buộc bởi những ước lệ gò bó, nên đến một trình độ phát triển nào đó, lại hấp dẫn, chinh phục được thị hiếu của các vua chúa : ngay từ thời Trần, thỉnh thoảng đêm hôm vua vẫn cải trang đi chơi ra ngoài hoàng thành thăm những khu dân ở ; thời vua Lê chúa Trịnh, các chúa đều xây cung điện ngay ở trong khu của dân. Không biết thời đó đã có các hàng quà chưa ? Đặc biệt là đã có phở chưa ? Và các vua chúa cải trang đi tối, có dám dừng lại ăn quà ở ngoài phố không ? Đó cũng là những điều bí ẩn, mà ngày nay ta chỉ có thể phỏng đoán, chứ không thể nào khẳng định được ! Song, cứ nhìn vào kinh nghiệm lịch sử của các nước khác mà suy xét, thì điều đó chắc hẳn đã phải có. Ở Nhật, khi thành phố Edo trở thành kinh đô mới, khi tầng lớp phú thương, những “nhà giàu mới” rủng rỉnh tiền bạc, có đôi chút uy quyền, lại muốn “học làm sang”, thì cái gu ở đây cũng xuất phát từ tầng lớp thị dân mới này, chứ không phải từ tầng lớp quý tộc nữa : lúc đó tranh khắc gỗ “phù thế” được tôn vinh, làm lu mờ hẳn đi những bức tranh cổ điển, lỗi thời và buồn tẻ, của các vua chúa. Cũng như khu thanh lâu nổi tiếng của kinh thành Edo thời đó cũng đã hấp dẫn không biết bao nhiêu là các vương hầu, khanh tướng ! Cũng vậy, ở Trung Quốc, khi vua Càn Long nhà Thanh cải trang du hành một mình tới Giang Nam, thì nhà vua cũng đã có dịp quan sát, học hỏi được không biết bao nhiêu điều kỳ thú trong đời sống thường ngày của nhân dân.

Một thí dụ cụ thể khác, để thấy rằng cái gu ẩm thực của người Hà Nội luôn luôn được nuôi nấng, bổ sung bởi cái gu dân dã của các “vùng quê gốc” của mình. Chiếc bánh chưng mà người dân Hà Nội thường ăn, thường gói và luộc vào tối giao thừa, chỉ được cái thanh cảnh, còn thì không phải là thứ bánh chưng ngon nhất. Ở dưới Thái Hà ấp, nhà bà ngoại tôi, tôi đã từng được ăn một thứ bánh chưng gói theo truyền thống của làng Bông, Hưng Yên, bánh gói đẹp, to gấp đôi gấp ba, và ngon hơn nhiều, nhất là bánh chưng đường !

Mấy thí dụ nêu trên cốt chỉ để minh chứng rằng cái gu dân dã của quần chúng, dầu là cư dân “tứ chiếng”, đôi khi cũng có một ảnh hưởng quyết định.

Trở lại câu hỏi : tại sao Hà Nội lại có nhiều hàng quà, và cái truyền thống hàng quà này đã có từ bao giờ ?

Ai cũng biết, cái tên Hà Nội mới chỉ có từ thời vua Minh Mạng (1830). Trước kia, người ta thường gọi nơi này là Kẻ Chợ, tên chữ Thăng Long chỉ để dùng trong các văn tự hành chính, hoặc trong văn chương, từ thời nhà Lý trở đi (1010).

Cái tên Kẻ Chợ nôm na, quê mùa, thoạt nghe hơi lạ lạ, nhưng xét cho cùng, lại thấy là rất chính xác !

Hà Nội không biết từ bao đời nay vẫn là một nơi trao đổi buôn bán giữa thành thị và nông thôn, nơi hàng hoá, vật dụng, thức ăn, thức uống, hoa quả, và hàng quà (nhất là hàng quà !), đổ về từ mọi miền đất nước. Phần lớn các mặt hàng là để phục vụ cho người dân thành phố, song cũng có những mặt hàng dành cho khách từ nông thôn lên mua. Bởi thế cho nên, để bảo đảm cái chức năng ấy, Kẻ Chợ không chỉ gồm có các *phường* nghề, các chợ, mà còn có cả một hệ thống các hàng rong nữa.

Các *phường* sau này trở thành phố buôn bán, với các cửa hiệu chuyên về từng thứ mặt hàng một, như : Hàng Gạo, Hàng Khoai, Hàng Đậu, Hàng Bún, Hàng Đường, Hàng Bột, Hàng Cá, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Giò, Hàng Cau (Hàng Bè), Hàng Cân, Hàng Bỏ, Hàng Bát, Hàng Khay, Hàng Than, v.v.

Các *chợ*, thường được bố trí ở những nơi giao thông thuận tiện, như chợ Gạo ở bờ sông Cái, chợ Bắc Qua, chợ Bạch Mã ở bờ sông Tô Lịch, trước kia trên bến dưới thuyền tấp nập. Các chợ khác, như chợ Đồng Xuân, chợ Cửa Nam, chợ Hàng Da, chợ Hòm, chợ Mới Mơ, chợ Bưởi, v.v. đều nằm dọc theo các đường tàu điện nối liền trung tâm thành phố với các cửa ngõ thông ra ngoại ô.

Một số hàng rong, hàng quà được sản xuất ở ngay tại các phường phố cổ, hoặc ở các làng nghề ngoại thành, chẳng hạn như : bánh gai Hàng Bè, bánh giò Đờ Măng (Phùng Hưng), bánh cốm Hàng Than, phở, bánh tôm, bánh cuốn nhân thịt, bún chả, xúc tắc, xôi lúa, xôi xéo, xôi lạc, xôi dừa, xôi nếp xường, giò, chả, bánh giầy gạo, bánh giò, bánh tây pa-tê, kẹo vùng, kẹo bột, kẹo lạc, ô mai, lạc rang (phá xang), tàu phở, thạch đen, thạch trắng, chè chân châu glacé, sấu dầm, kem que, xê cớ, lục tàu xá, chí mà phù, bát bảo lường xà, bánh bò chề, thịt bò khô, lóc bếu, v.v. Nhưng một số sản phẩm khác lại được đem đến từ những vùng nông thôn xa, như : bánh giầy Quán Gánh (Bản Yên Nhân), bánh cuốn Thanh Trì (Hà Đông), cốm Vòng, bánh đậu Hải Dương, nhãn Hưng Yên, vải thiều (Thanh Hà, Hải Hưng), cam Bó Hạ (Phú Thọ), đào Sa Pa, hồng, mận Lạng Sơn, bưởi Nghệ, Biên Hoà, xoài Cao Lãnh (Tiền Giang), v.v. Một số hàng quà quen thuộc khác ở Hà Nội mà tôi không còn nhớ nơi xuất xứ, như : bánh trôi, bánh chay, bánh mật, bánh do, bánh gai, bánh khúc, bánh đa, kê, bông, bánh đúc nộm, riêu cua, bún bung, bún ốc, v.v. chắc cũng từ các vùng ngoại ô đem vào. Quê ngoại tôi, làng Cối, bên Bắc Ninh, có mấy nhà làm bông, kẹo xiu, kẹo lạc, đem lên Hà Nội bán, nhưng chắc còn nhiều nơi khác chuyên về làm bông hơn.

Hàng quà, hàng bánh truyền thống ở Hà Nội tuy nhiều thế, nhưng người Hà Nội cũng đã để lọt không “chấm” hết được tất cả các món quà ngon của các vùng quê xung quanh, lẽ ra cũng hợp với khẩu vị của họ, như món bánh đúc nóng hành mỡ, chẳng hạn : năm 1944, khi trường tôi dọn xuống Tương Mai, để tránh bom Mỹ-Nhật, tôi đã được nếm một món bánh đúc nóng hành mỡ ngon tuyệt vời ở đây. Chưa bao giờ tôi được ăn một món quà sáng ngon như thế ! Bánh đúc nóng được đổ vào một chiếc bát dền rất nông, và được rưới hành mỡ nóng lên trên ! Trông thì đơn giản, nhưng nếu gán đi bán ở trên đường phố Hà Nội, thì không biết phải sửa soạn trước ra sao, và rồi bày bán ra sao ? Có lẽ vì quá điệu vợ và kém năng suất, cho nên người ta mới không đem cái món quà này lên tỉnh bán !

Nói về các hàng quà ở Hà Nội, để cho dễ phân biệt, có thể chia ra làm : quà sáng, quà trưa và quà tối. Tuy nhiên, có những món quà ăn suốt ngày được, như : phở, bánh cuốn, xôi, v.v., nhưng thông thường, đứng về mặt hàng quà, thì buổi sáng thường có : phở, bánh tôm, bánh tây cặp patê, xúc xích, bánh tây thịt bò nấu ragu (một phát minh vào những năm 40), bánh tây cặp bánh tôm rưới nước mắm dầm (cũng là một phát minh của đám học trò vào những năm 40), bánh cuốn Thanh Trì, xôi xéo, xôi lúa, xôi lạc, nếp xường lỗ mái phàn (xôi nếp xường) ; buổi trưa có : bún chả, bún riêu, bún ốc, bún thang, xúc tắc,

cháo lươn, bánh đa kê, bánh xèo, bánh đúc nộm, bánh dầy đậu, bánh trôi, bánh chay, bánh gai, bánh mật, bánh do, bánh giấy giò chả, bánh rán, bánh quế, thịt bò khô, bông, kẹo (kẹo bột, kẹo vừng, kẹo xiu, kẹo lạc, kẹo kéo, kẹo hồng, kẹo mạch nha), mùa nực có các thứ kem que, thạch, chè ; tối đến có : phở, cháo gà, bánh giấy bánh giò, lúa rang hạt dẻ, chế mà phù (chè vừng đen), lục tầu xá (chè đậu dãi), chè hạt sen, bát bảo lương xà, mùa nực có món xê có (một thứ sorbet au citron), các loại kem que, thạch, chè chân châu glacé, v.v.

Đây là còn chưa kể các món quà đặc biệt, đến mùa mới có, hoặc chỉ mỗi năm có một lần vào dịp lễ, tết, như : cốm Vòng, rượu nếp, chè lam, v.v. Cũng như chưa kể các thứ hoa quả, và các thứ củ ăn chơi theo mùa, như : na, ổi, nhãn, vải, mít, dứa, khế, hồng, đào, xoài, mơ, mận, doi, lựu, cam, quýt, sấu, chôm chôm, dâu da, hồng bì, dưa bở, dưa hấu, v.v. Các thứ củ như : củ đậu, củ bột, củ sắn, củ dong, củ ấu, khoai lang, khoai xọ, khoai môn, v.v.

Nhà tôi nằm ngay giữa một phố buôn bán không quá đông đúc và ồn ào như các phố Hàng Ngang, Hàng Đào, nên dễ quan sát được các hàng rong, hàng quà đi ngang qua, và dễ nhận biết được những tiếng rao của họ trên đường phố.

Có những hàng quà không cần phải rao, mà người ta vẫn phải tìm đến mua ở những địa điểm cố định, nơi các hàng này đặt gánh mỗi ngày. Đó là những hàng phở, bún chả, bánh tôm, bánh cuốn, bánh rán, xôi xéo-xôi lúa, bún riêu, bún ốc, v.v.

Ngược lại, có những hàng quà khác thì lại luôn luôn có tiếng rao, như : lạp xưởng lỏ mái phàn, bánh giấy bánh giò, bánh trôi bánh chay, phá xang (lạc rang), kẹo vừng kẹo bột, tàu phở, lục tầu xá, chí mà phù, kem que, xê có, lúa rang hạt dẻ, v.v. Hàng xê có đặt gánh ở một phố rồi cho người đi khua mõ rao khắp các phố xung quanh bằng hai khúc tre cột ngắn, gõ vào nhau phát ra hai thanh âm khác nhau nghe “ tục tắc, tục tắc ”.

Tiếng rao ngân dài nhất và giàu âm điệu nhất có lẽ là tiếng rao của hàng “ lạp xưởng lỏ mái phàn ”. Tiếng rao về đêm âm trầm và buồn bã nhất là tiếng rao “ Giầy ... giò ”. Tôi còn nhớ, có một đĩa hát của nhà Thiên Nhiên hồi đó bắt đầu bằng những

*Những hàng quà rong qua những nét ký hoạ

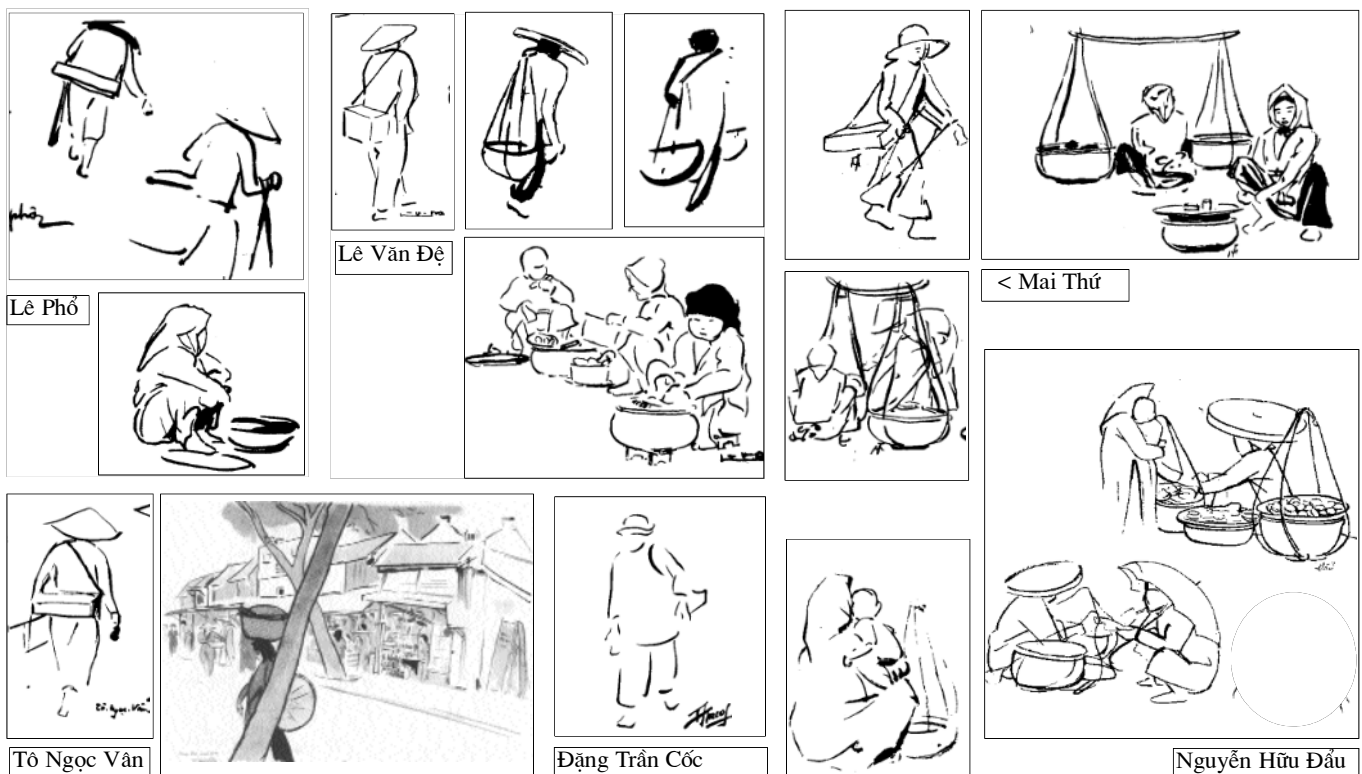
Năm 1926, lần đầu tiên, những bức ký hoạ vẽ những người bán hàng rong, hàng quà, trên đường phố Hà Nội, do các sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương : Lê Phổ, Lê Văn Đệ, Mai Thứ (Khoá 1), Tô Ngọc Vân, Nguyễn Hữu Đẩu, Đỗ Đức Thuận, Đặng Trần Cốc (Khoá 2), đã được đưa lên giới thiệu trên tạp chí *Indochine*. Năm 1980, một số các bức ký hoạ này được giới thiệu lại trong tập “ *Cris des rues au Viet Nam* ” do P.A.F. xuất bản (không thấy có bức vẽ nào của Nguyễn Phan Chánh, Georges Khánh, Công Văn Chung, Vũ Cao Đàm).

Người ta không khỏi xúc động và ngạc nhiên khám phá ra những nét bút sinh viên của các hoạ sĩ sau này đã làm nên danh phận.

Điều đáng chú ý là những bức ký hoạ này thể hiện một năng khiếu về hình hoạ được biểu lộ rất sớm ở nơi các nhà hoạ sĩ trẻ. Nét vẽ lột tả được một cách sinh động đáng đáp, nhịp điệu, của những người bán hàng quà rong. Không hiểu tại sao cái năng khiếu ấy sau này đã không được khai thác, và người ta thấy dần dần những hoạ sĩ như Lê Phổ, Mai Thứ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, v.v. đã đi theo cùng một phong cách hội hoạ trong đó nét vẽ không còn được tự nhiên nữa, và nhất là thiếu cấu trúc : các nhân vật, đặc biệt là các thiếu nữ trong tranh của họ thường có một thân hình ẻo lả, yếu ớt, không có vai, không có xương ! Nhìn chung, những hoạ sĩ Việt Nam ở những thế hệ đầu, ngoại trừ nhà hoạ sĩ lão thành Nam Sơn ra, có lẽ chỉ có Nguyễn Phan Chánh, Lê Văn Đệ, Tô Ngọc Vân, Lưu Văn Sín, là duy trì được một nét vẽ chắc chắn và hiện thực trong các bức hoạ của mình sau này.

tiếng rao này, lại còn có cả tiếng chó sủa nữa, bọn trẻ chúng tôi thường nghe đi nghe lại, lấy làm thích thú lắm.

Văn Ngọc



Vài ý nghĩ khi xem phim
MÙA ỔI
tại Liên hoan Phim **DEAUVILLE**
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Đây là lần đầu tiên tại Deauville có phim Việt Nam tham dự Festival phim Á châu – từ ngày 7 đến 10 tháng 3.2002 – nên chúng tôi, dù đã nhừ tử, bèo nhèo sau một tuần lễ làm việc và (hơn) một ngày rưỡi xem bảy, tám phim Tàu, Nhật và Đại Hàn¹, một mớ dân ghiền (xi nê) “đành quyết tâm”² ngồi lại xem *Mùa ổi* của Đặng Nhật Minh (2001). Phim trình chiếu nhưng không dự giải.

Phim mở ra với hình ảnh đôi chân đi dép của Hoà lẹp xẹp xê dịch dọc bờ tường cao, với nét tươi vui, Hoà chăm chú nhìn vào một biệt thự kín cổng, qua những lỗ mắt cáo. Anh khoảng 50 tuổi, làm người mẫu cho sinh viên trường Mỹ Thuật, sống độc thân trong một gian buồng nhỏ ở một ngôi nhà tập thể cũ, thỉnh thoảng có cô em gái đến thăm nom. Một hôm, chủ biệt thự (to con, kính râm, bệ vệ đáng vẻ quan chức cỡ bự, xe dài có tài xế lái) từ giã cô con gái tên là Loan. Ông vào Nam công tác một thời gian. Hoà leo cổng, đột nhập biệt thự. Loan sợ hãi gọi điện thoại cầu cứu (các bác) công an. Hoà trên cây ổi nhảy xuống, bị công an tóm về trụ sở. Cô em gái Hoà đến lãnh anh ra, sau đó tìm đến cô Loan xin lỗi và giải thích nguyên do. Qua những lời kể và hồi tưởng của cô em, khán giả biết được trí khôn Hoà đã không còn phát triển từ năm lên 12, khi bé Hoà ngã từ cây ổi xuống. Thì ra cây ổi Hoà ngắm nhìn là một cọt mốc thời thơ ấu.

Hoà có cảm tình với một cô gái trẻ đồng nghiệp mới. Cô vốn là con nhà nghèo, làm nghề gánh thuê trong chợ Đồng Xuân, thành người mẫu một cách tình cờ. Cảm tình sinh ra vì khi nhìn cô ngồi làm mẫu với chiếc áo dài nhung đỏ, cổ đeo chuỗi hạt trai, Hoà nhớ đến mẹ. Những hồi ức của hai anh em lần lượt dựng lại lịch sử gia đình chú bé Hoà. Biệt thự với cây ổi to là *ngôi nhà xưa* của gia đình họ hơn ba mươi năm về trước. Một gia đình khá giả, hạnh phúc, gồm ba (làm luật sư) mẹ và các con, hai trai một gái. Hoà bình 1954 đến, phần trệt của biệt thự trở thành một cơ quan nhà nước, gia đình Hoà ở tầng trên. Người mẹ bệnh nặng và qua đời đột ngột; Hoà ngã và bị chấn thương sọ não. Người cha không hành nghề được nữa, suốt ngày cặm cụi viết (dịch). Rồi cả nhà phải dọn đi nơi khác sống, vì anh em Hoà nghịch phá làm cơ quan mất về nghiêm chỉnh. Rồi ba bé Hoà mất. Người con trai lớn trưởng thành sang Đức làm ăn, giao trách nhiệm săn sóc Hoà cho cô em út. Hoà sinh sống bằng nghề làm người mẫu, cô em dạy học. Mỗi năm, vào mùa ổi, Hoà trở lại ngôi nhà xưa, ngắm nhìn và sống lại những khoảnh khắc êm đềm thời thơ ấu. Có bé Loan, một hôm chợt thấy Hoà lảng vảng trước cổng, mời anh vào “viếng” nhà và sau đó bằng lòng cho anh dọn đến ở. Hoà được Loan đối xử như người thân trong gia đình.

Nhưng nếu cuộc đời cứ êm xuôi như vậy thì... quá chán, cho nên bố cô Loan trở về Hà Nội, ông rất bất bình khi thấy Hoà trong nhà, thấy Hoà đưa cô bạn đồng nghiệp về nhà và trao tiền cho cô. Ấy là ông còn chưa biết Hoà hứa sẽ xin Loan cho gia đình cô bạn rời bỏ chỗ ở chật chội hiện tại đến ở cái

biệt thự to vắng này.

Bố cô Loan gọi điện thoại cho bệnh viện tâm thần. Hoà bị y tá đến bắt đi. Khi cô em đến bệnh viện lãnh anh về thì Hoà không còn nhìn ra ai nữa, anh quên cả những trái ổi mà cô em đau đớn cuống cuống chạy ra đầu đường mua về đưa cho anh xem. Hoà quên cả Loan, quên cả cô đồng nghiệp. Quên hết kỉ niệm xa gần; từ khung cửa gian buồng nhỏ nhà cô em trên một tầng cao tít một chung cư tồi tàn, Hoà đứng nhìn xuống đường bằng đôi mắt không còn quá khứ lẫn tương lai.

Phim kết thúc trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt của khán giả. *Mùa ổi* này mộc mạc, thơm ngon... như ổi. Những người không biết ổi ra sao thì khen: atypique, trữ tình, gây xúc động. Lời khen “khác thường” này chắc chắn đến từ sự so sánh *Mùa ổi* với đa số các phim Á châu khác trình chiếu trong đại hội.

Thật vậy, các phim này phần lớn đều có những màn nhiều bạo động, từ loạn sứ quân *Kagemusha* của Akira Kurosawa (bản chính nguyên vẹn inédit dài gần ba tiếng đồng hồ, một phim thực hiện năm 1980!) cho đến *Address unknown* (2001) của Kim Ki-Duk đạo diễn Đại Hàn sinh năm 1960. Phim sau được kèm chú thích báo động *có thể đụng chạm* cho những khán giả nhạy cảm.

Trong *The man who watched too much* một phim (video) Đại Hàn của một đạo diễn trẻ (sinh năm 1972) vào ngày cuối Đại hội được giải *Sen khán giả*; tài tử chính có đôi mắt vô hồn rất ngố, giữ vai một tên sát nhân.

Anh chàng Seong-Soo đang thu hình lên cô hàng xóm trên cuộn băng... thuê (Seong-Soo lấy nhầm băng) vô tình thu cả cảnh kẻ sát nhân đột nhập nhà và giết cô này. Tên sát nhân chợt khám phá ra mình bị thu hình. Thế là hấn rượt đuổi và cuối cùng giết được Seong-Soo. Nhưng trước khi bị giết, Seong-Soo kịp bỏ cuộn băng vào... thùng chứa băng trả của tiệm cho thuê phim video. Cuộn băng được nhân viên tiệm xếp vào chỗ của nó trong vô số băng đủ loại của tiệm. Thế là kẻ sát nhân trở thành *the man who watched too much* vì buộc lòng phải thuê xem hầu như tất cả các cuộn băng. Nhiều ngày đêm trong căn phòng nhỏ (với xác chết Seong-Soo giấu trong tủ, thỉnh thoảng... “thò” đầu, rơi tay ra và... bốc mùi), tên sát nhân mê mẩn xem hết phim này đến phim nọ. Xưa và nay. Đen trắng và màu. Từ phim quay bằng máy quay nhà nghề cổ điển có ghế tự động đến máy numérique cầm tay hiện đại. Từ *Soupeçons* đến *Titanic*, từ *Fenêtre sur cour* đến *Basic instinct*, *Mary à tout prix* vv và vv....

Khi tìm ra được cái băng chứng cứ, thì kẻ sát nhân trở thành người nghiện phim trình thám và *fan* cực kì hâm mộ Hitchcock. (*The man who knew too much* là tựa một trong những phim nổi tiếng nhất của Hitch với J. Stewart và Doris Day). Anh ta với tên hiệu là Hutchcock(!) quyết định thực hiện một phim trình thám, cũng viết script, cũng tuyển lựa tài tử, và rồi sau nhiều màn bị truy lùng (hơi điều...dở) anh ta bị tóm cổ, đi tù. Nhưng vẫn không rời bỏ cái đam mê làm phim. Màn cuối cho thấy anh ta vượt ngục theo một đường cống và đang thu hồi những mảnh giấy vẽ story board rơi vãi theo lối cống.

Đôi mắt rất “ngố”, rất sát nhân(?) sẽ rất hợp với vai người bị lobotomisé. Nhưng gương mặt tài tử này rất Đại Hàn, nghĩa là anh ta không thể đóng phim VN.

Một phim Đại Hàn khác, *Failan* – người vợ không bao giờ

cười (thiệt) –được giải nhất, người thực hiện phim đã hoà hợp tài tình một kiểu (giọt) yêu (*platonique*) say mê đôn hậu ngây thơ mà cảm lạnh trong một thế giới (đại dương) ôn ào tới tấp nhỏ nhen lãnh đạm và đầy bạo lực. Failan, người con gái di dân Trung Hoa, biết ơn và rồi thâm yêu anh chàng du đảng hạng cá kèo đã làm hôn thú giả để cô được ở lại Đại Hàn. Cuốn phim kể lại hành trình dẫn đến tình yêu song song với cuộc đời tối tăm của cô và cuộc sống thảm hại của chàng du đảng.

Hai nhân vật rất khác biệt và chưa bao giờ thật sự gặp nhau tuy hai đường đi có nhiều lúc đã giao nhau. Chàng chỉ gặp được nàng khi nàng đã chết (vì bệnh lao). Nghĩa là khi tất cả đã muộn màng.

Cả đám chúng tôi chấm điểm “ Vịt quay ” cho **Failan** (ba ngôi sao trên thang điểm từ một – cơm chiên, hai – chả giò hay gói cuốn gì đó – đến bốn sao – tôm hùm áp chảo – của giải *Sen khán giả*). Ban giám khảo tặng *Sen vàng* cho **Failan**, còn **The man who watched too much** được đa số các khán giả (khác) chấm bốn sao. Không hiểu sao càng lúc tôi càng không ưa kiểu cho điểm rất ảm thực Ba Tàu này, kì này không thích cả mấy cái trophée giải thưởng (design của nhà Hermès !) hình lá sen xanh rất đẹp trên đĩa sứ trắng (thứ đĩa đựng sushi và đậu hủ !), trên mâm gỗ điều acajou ; thời thì dành đồ thừa cho ảnh hưởng thời cuộc là vụ kí kết biên giới Hoa-Việt và nhất là lời mời người Việt về thăm *Bản Giốc* (của Trung Hoa) của Trung Quốc. Ngây thơ và khiêu khích đến thế thì thôi ! (TQ chứ không phải người viết bài này). Hay là chúng ta rủ nhau cùng tẩy chay du lịch TQ ?

Tóm lại đề tài các phim tham dự khác dù dự giải hay không, đều rất hiện đại vì các vấn đề chính nêu ra nằm trong đời sống xã hội toàn cầu hiện nay : bạo lực, khó khăn – và di dân - kinh tế, khẳng định tính danh trong một xã hội xô bồ, đi quá nhanh ³.

Cho nên, giữa những hình ảnh tạo cảm giác mãnh liệt như cảnh chiến trường (người, ngựa) hấp hối quay chậm và tưởng như bất tận của *Hình nộm / Bóng sứ quân* (Kurosawa) và cảnh người tình (chưa một lần gặp gỡ của *Failan*, nhưng anh ta đang bắt đầu yêu cô, *post mortem*!) bị giết ngay lúc anh ta khám phá một đoạn video thu hình **Failan** đang hát tặng anh ta, thì những nuối tiếc êm đềm hiên lành của *Mùa ổi* hẳn đã gây ra ấn tượng khác biệt cho khán giả.

Cái hiền lành, nhẩn nhện và đề nén, nhẹ nhàng toả ra từ tất cả các nhân vật và cảnh trí, cái hiền lành rất Việt Nam, có lẽ cũng đến từ người thực hiện phim. Nhiều cảnh rất cảm động như khi Hoà được Loan cho vào nhà, Hoà đi vào từng phòng rất tự nhiên quen thuộc và mỗi chỗ kéo theo các hình ảnh thời thơ ấu. Như khi Hoà xin xà bông rửa tay (thói ỏ sạch của con nhà giàu !) hay chạy theo trả tiền bà hàng cá (cả chợ vác hàng vác rổ chạy vì công an đến dẹp đường). Như hình ảnh êm ả vắng vẻ của ngôi trường Mỹ thuật, của ngôi nhà xưa, với kiến trúc thời thuộc địa đầu thế kỉ và chung cư đông đúc đen nhẻm nơi Hoà nhìn xuống với đôi mắt hiện tại. Êm đềm nhẹ nhàng và chấp nhận, an phận. Thôi nhé, không còn gì để thắc mắc, vương bận và thương tiếc nữa. Tất cả lại tiếp tục, nhẹ nhàng trôi đi.

Có lẽ tất cả đều nhẹ nhàng êm ả nên khó tìm ra những chi tiết độc đáo, mãnh liệt hay “ thô bạo ”, tôi chỉ thấy một chút thô bạo (dễ dàng) trong cái... tất tai của bố cô Loan, trong màn

chưa... cây ổi và màn những y tá... “ đề ” Hoà ra mà tôi tưởng lầm là người ta làm phẫu thuật (đắm vào thủy não) “ *lobo tomie* ”; nhưng bệnh viện về sau cho cô em biết (họ nói dối ?) họ chỉ tiêm cho Hoà “ một liều thuốc ngủ cực mạnh ”. Một trong những lời bàn cho rằng “ ổi nhiều hột ” là chỗ này hay vài chỗ lơ mơ khác vì nó vô lí, quá dễ dãi. Cái tát cũng bị xem là hột ổi nhưng có gì lạ đâu vì bố cô Loan vốn là người thô bạo, khán giả đã thấy ông thô bạo khi mắng con : “ *Kỉ niệm ! Kỉ niệm ! Kỉ niệm là cái (quái) gì ?* ”. Ông thô bạo khi gọi người bắt Hoà. Thô bạo là không nói năng suy luận lời thôi, là sử dụng sức mạnh, giải quyết nhanh gọn để dằn dả số chuyện.

Chỗ yếu của phim, xin nhắc lại là những cách đề cập và giải quyết vấn đề quá dễ dàng, tác giả không chịu hay không dám đi cho tới, thí dụ gọi “ quá khứ ” là “ kỉ niệm ” (vì ông quá lành ? Vì kịch bản – soạn năm 1998 – không có quyền hay không thể diễn tả rõ ràng hơn cái truyện ngắn của chính đạo diễn sáng tác năm 1993 ?) Vì đây là cách giải quyết chung chung dễ nhất cho và của mọi người, trong xã hội hiện nay ?) :

- (đạo diễn) xoá quá khứ bằng cách cho anh Hoà quên đi tất cả mọi chuyện.

- cô em Hoà giao được bản thảo của ba mình vào tay “ người tốt ” theo lời dặn dò của người anh cả không ? Vì sao một bản dịch một bộ luật xưa cũ có thể vẫn cần thiết và giá trị cho xã hội hiện tại ? Ngoài chuyện nhà cửa của Hoà ⁴, khán giả (nếu không là người Việt Nam) không hiểu tại sao xã hội ấy cần có luật lệ ?

- nhiều màn có tính cách dự báo nhưng không đi tới điều dự báo như a) những trái ổi mọng tít trên cao : cây cao nguy hiểm cho bé Hoà nhưng trái ổi mùi ổi quyến rũ, tác giả không xẻ ổi một lần cho ta thấy (lại) ruột ổi cũng như ông không tả “ mùi ổi ” ⁵ cho người không biết ổi là gì ; như b) những trang bản thảo bị gió thổi tung xuống đường phố, khiến ai cũng “ lo ngại ” nhưng sau đó cô em gom lại được cả ! ; như c) kẻ đặt tượng khoả thân trang trí khách sạn, đáng vẽ “ háo sắc ” (qua khe cửa “ thòm thềm ” nhìn trộm cô bé đang ngồi làm mẫu cho điêu khắc gia nắn tượng) nhưng rồi khán giả không thấy “ âm mưu ” hay chuyện không hay xảy ra sau đó cho cô bé người mẫu. Hay là đạo diễn cho chi tiết này để tô thêm về “ cái vốn văn hóa ” của kẻ đặt hàng ?

- Nhân vật Loan hơi thiếu cá tính ? : cô thương cảm hoàn cảnh Hoà và cho biết cô không hiểu lí do mất nhà xưa kia của gia đình Hoà, nhưng cô không chịu khó tìm hiểu.

Loan là nhân vật duy nhất thoải mái vô tư... cho đến cuối phim. Và đạo diễn báo trước cho chúng ta rằng rồi đây cô sẽ khổ. Bà hàng nước cho cô em anh Hoà biết : sau này Loan phản kháng bằng cách không theo bố vào Nam, không nhận chỗ làm tốt do bố nhờ bạn (ô dũ).

Cô không vào Nam theo bố mẹ và các em, cô sẽ khỏi phải khám phá ra thêm một vài bác Hoà khác trẻ hơn, tới một mùa nào đó mưa, lụt hay xoài, quýt, mận, thị... lảng vảng thò cổ nhòm nhỏ (lại một !) mái nhà xưa ? Nhưng tôi nghi rằng cô sẽ hết còn vô tư và thoải mái. Có những thắc mắc sẽ đeo đẳng và lớn dần theo thời gian.

Các cách giải quyết những vấn đề của quá khứ không chỉ thuần là luật lệ mà còn phải có cả phần chủ yếu thuộc về tâm lí và lịch sử. Nhưng đó không nhất thiết phải là việc của đạo diễn. Đạo diễn giao ngôi nhà xưa, cây ổi cũ cho chúng ta, đạo

diễn đã làm xong một cách tốt đẹp việc của mình. Leo ổi, chọn trái xanh, trái chín hay chặt cây ổi, sơn phết nâng niu nhà, có thể phá bỏ thay thế nhưng tìm hiểu và trân trọng diễn tiến cuộc đời nó hay số toét quá khứ nó, là cách giải quyết của mỗi người. Cũng là một cách chia sẻ những tiếc nuối và cảm ơn đạo diễn.

Nói cho cùng, những giới hạn của phim là giới hạn của tình hình giáo dục chính trị kinh tế xã hội. Tôi tin chắc với thời gian không xa (khi Loan trưởng thành ?) tôi sẽ được xem những phim của quê hương mình với Đặng Nhật Minh hay đạo diễn nào khác, mà khi đèn bật lên, thay vào cảm giác tủi thân⁶ là thèm được tán chuyện cùng bè bạn với một tâm trạng chán động, hân hoan mà bàng hoàng, cảm động mà phôi phới, thứ tình cảm tuyệt vời hầu như ai cũng có sau khi xem một phim tuyệt vời bất kể Âu hay Á, Mỹ hay Phi.

Một trong những cái hay của một tác phẩm là làm suy nghĩ, xúc động, gây tranh luận sôi nổi hay gợi nhớ.

Mùa ổi đã đưa tôi về hơn... 30 năm trước, về một kỉ niệm nhớ hoài trước cổng trường xưa năm đệ nhị hay đệ tam vào mùa... ổi. Mọi khi chúng tôi chỉ được quyền uống nước đá hay ăn vài món vớ vẩn của chú gác trường, gian hàng này rất kín đáo, ở hẳn trong nhà chú nếu tôi nhớ không lầm. Chắc chắn là các hàng quà vật bị cấm. Bỗng một hôm, phải là vào mùa ổi, trước cửa cổng xuất hiện một cô bé nhà quê, áo bà ba, quần đen, tóc dài kẹp sau lưng với một cần xé khổng lồ đầy nhóc ổi, toàn ổi là ổi. Thứ ổi xá lị to tướng, bằng nắm tay, da xanh bóng mượt màu mận non. Khác với ổi trong phim mà dân miền Nam kêu là ổi xẻ (sẻ?), trái nhỏ và chắc, thơm hơn và xanh hơn ổi xá lị nhưng chua ngọt tùy cây, ruột trắng, hồng hay đỏ.

Năm đồng một trái, khỏi trả giá ! Vài ba năm trước đó năm đồng là giá một bữa *cơm xã hội* hay *cơm bình dân* (cơm ăn tự do) với ba món (giới hạn) mặn xào canh hoặc giá vé xi nê Casino Đa kao “ năm đồng hai phim ” thường trực. Một vài đứa mua thử. Sao không có muối ớt hả em ? Năm đồng hơi mắc nghe em nhỏ. *Ổi ngon lắm, không cần muối đâu. Máy chị ăn thử thì biết.* Ăn liền. Rồi thì *mấy chị* kêu nhau ơi ổi. Cả lũ bu quanh em bán ổi. Hết đứa này chui ra tới đứa kia nhào vào. Đó là lần đầu tiên (và than ơicuối cùng) tụi tôi ăn được thứ ổi ngon như vậy. Vừa ngọt vừa dòn tan, cơm dày nhân nhỏ y như ...hình ảnh trái đất. Vỏ xanh mỏng, vị đậm như cò. Cơm trắng dòn mà không cứng, dày mà thanh không xảm, không lợn cợn cát. Mấy hột ổi to và rải rác trong phần ruột nhân cũng dòn ngọt không kém, hàm răng 16, 17 nào cũng cắn bể được mớ hột ấy (cho chúng đừng rơi nguyên vào ruột dư !). Chỉ một lát, cần xé trống trơn. Mấy chị ham ăn, dặn em nhỏ ngày mai tới nữa nghe. Và ngày mai em tới thiệt.

Kì này thì khỏi nói, cả trường với mấy lớp con gái đều nhào tới. Nhiều đứa chắc đập ống heo, mua cả đồng ổi. Cô bé đầu tóc rũ rượi, thở hổn hển, da mặt dòn lấm tẩm mồ hôi, vừa thâu tiền, thối tiền vừa dang tay đỡ gạt cho mấy chị khỏi té vô cái cần xé. Lâu lắm rồi, không còn hình dung được mặt cô bé, nhưng tôi nhớ hoài giọng đả đốn nhà quê vô cùng dễ thương và nhiều... bất mãn :

– Mấy chị làm gì dữ *dậy* ? Chen *dừa* *dừa* thôi chớ ! Một cần xé ổi lặn mờ !

Tụi tôi nhìn nhau tùm tùm nhưng chỉ lui ra sau khi đã đẩy ổi trong tay. Vài đứa còn cảm động (?) hỏi em quê ở đâu, giống ổi chi mà ngon quá vậy hè, nhớ mai mốt chở ổi về đọc

quyền trường mấy chị ghen em. Tôi ngẫm nghĩ chớ chi mà em ghé vô Hồ Ngọc Cẩn thì không biết mấy anh còn tán tỉnh tới đâu. Nhưng làm gì có chuyện đó xảy ra : con trai hình như không bao giờ ăn chua, ăn vật.

Chẳng nhớ cô bé trả lời và hứa hẹn ra sao. Tôi chỉ còn trong đầu dáng vẻ vui mừng và giọng nhà quê của cô bé. Năm sau rồi năm sau nữa cô nhỏ không trở lại lần nào. Vườn ổi bị thuốc khai quang ? Xe đồ bị đập mó không về được Sài Gòn ? Cô bỏ vườn vô bụng chống Mỹ, Ngụy ? Hay chỉ giản dị : bà hiệu trưởng hay cô Tổng giám thị không cho bất cứ quà hàng rong nào được cầm dùi trước cổng, nói chi đến chuyện gây náo loạn vì mấy trái ổi ?

Cho tới bây giờ, thỉnh thoảng mua được ổi xá lị gốc gác Việt Nam hay Thái Lan, tôi xui xẻo lần nào cũng mua nhầm ổi... giả hay ổi dầm, không còn chất ngon ngọt dòn tan và mùi thơm năm cũ. Hay là tôi nằm mơ ăn ổi hơn ba mươi năm trước ? Hồi bạn bè xưa, ai đã mơ cùng giấc đó xin nhắc nhở giùm tôi. Hay là trí nhớ tôi bắt đầu hư hao, chỉ mê đồ cũ kĩ ? Không, xin cam đoan rằng **Mùa ổi** còn khiến tôi nhớ *Mùi ổi thơm năm ấy*, tựa truyện của *ai đó* và trái ổi nghệ mùi thuốc phiện nhà thi sĩ Hoàng Cầm trong... giấc mơ của Phùng Cung. Các trái ổi trí nhớ này thì trẻ lắm, dăm ba năm tuổi là nhiều. Và màu mùi của ổi kỉ niệm ?

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

(1) Trong vòng bốn ngày, 3 rạp chiếu 40 phim, gồm 5 phim tranh giải, vài phim cũ của các đạo diễn Nhật, Đại Hàn và Hongkong nổi tiếng trên thế giới như Kurosawa, Sing Sang-ok, Johnnie To Kei-fung. Nhiều nhất là Nhật (với hơn 15 phim), Tàu : khoảng 10 (Hong Kông 6, Trung Hoa lục địa 3, Đài Loan 1, Singapour 1) ; các nước khác như Việt Nam, Nam Dương, Mã Lai, Thái Lan, Phi Luật Tân, Ấn Độ : 1. TQ thật ra chỉ có 2 phim tham dự, *Fathers* của Lou Jian (37 tuổi) nói về diễn tiến tình cảm một người trung niên đối với cha ruột và nghĩa phụ, TQ không muốn trình chiếu phim *Fathers* với lí do : sự có mặt của cờ Đài Loan (?) tôi không hiểu lắm lời giải thích này của ban tổ chức. Chúng tôi chỉ xem được 8, 9 phim, và may mắn thay trong số đó có 2 phim đoạt giải.

(2) Vì may mắn, không như hai chị bạn đi cùng, tôi không bị làm “ anh chị nuôi ” và không “ cho ” mấy móc trong sở làm việc một mình cả đêm.

(3) Phim *Tờ hôn thú* (The marriage certificate) của đạo diễn trẻ TQ Huang Jianxin vui vẻ nhẹ nhàng và hiện đại, không để lại nhiều “ ấn tượng ”. Thế hệ thứ ba (sau Cách mạng văn hoá và biến cố Thiên An Môn) an tâm đi về phía trước.

(4) Trong phòng luật sư khi cô em Hòa đến đưa bản thảo, một phụ nữ đến luật sư làm thủ tục kiện đòi nhà.

(5) Trần Anh Hùng có một màn cận ảnh trái đu đủ đẹp vô cùng (vì ?) mùi đu đủ không “ hay ” như mùi ổi. Tuy tựa phim là *Mùa ổi* nhưng đa số chúng tôi hôm đó cứ nói về “ mùi ” ổi.

(6) Chắc là hai chữ này dùng không “ đắc ”, sao lại thế được ? Chỉ biết rằng khi hết phim, lập tức bên cạnh hình ảnh rất “ ấn tượng ” của *Mùa ổi* (khi cô em Hoà nước mắt đầm đìa xòe ra trước mũi anh những trái ổi mà anh không có phản ứng) tôi thấy một hình ảnh “ ấn tượng ” khác : cái chết của sứ quân Shingen Takeda được chính thức loan báo sau 3 năm, khi hay tin ấy, (vui mừng ?, trút gánh nặng?, thương tiếc? là thứ cảm giác rất rắc rối phức tạp khi trên võ đài, sau bao nhiêu màn võn nhau, giao đấu nhiều hiệp bất phân thắng bại, bất ngờ địch thủ trước mặt bỗng tan biến như mây khói ?) một sứ quân địch thủ vùng đứng lên, phát quát mà hát rằng “ ôi ! ba mươi năm qua là ảo ảnh ...”. và cảm giác của tôi là nghe “ tủi thân ”. Chắc không phải tủi thân. Vậy là cảm giác gì ?

LÊ THẦN

Thư Berlin

Anh đến Berlin mùa hè 42°C còn nóng kéo dài, anh đến mùa đông mưa tuyết trắng vừa qua, có khoảng cách của 42 và 2°C mà câu chuyện đậm đà vẫn không giảm mất cái chất nồng nhiệt và vui trẻ. Vui trẻ ? Vâng, đã lâu không gặp mà nay phong độ vẫn như xưa, mừng cho nhau. Gặp anh lại nghe lời nhắc, đôi khi mình cũng tự nhắc : hãy viết cái gì cho Diễn Đàn. Lời nhắc là lời hỏi : tại sao không viết ? Nay viết cho anh lá thư Bá-linh 1, biết đâu lại mở màn cho những lá thư kế tiếp.

Gặp Điểm Phùng Thị ở Berlin

Khoảng hơn 11 năm về trước Điểm Phùng Thị có triển lãm ở Wittstock, một thành phố nhỏ nằm phía tây bắc, nhân đây ghé thăm một vòng Tây Bá Linh. Năm ấy chị đã có tuổi, theo cách tả xưa có thể nói, đó là một người đàn bà Việt nam nhỏ nhắn, tóc dài điểm sương đẹp một cách đài các nhưng kín đáo, trang phục kỹ mà không chải chuốt. Và khi nghe chị nói, người nghe tưởng như đứng trước một mâu thuẫn khó giải thích, sao cái đẹp sang trọng, đài các ấy lại có thể dung dị...?! Do phong cách của con người từng trải hay vì giọng nói hồn hậu, ánh mắt cuốn hút như lần một chút tươi cười ?? ..

Rồi mới đây Huế, mùa hè năm 2000. Con đường lên Nam Giao “ *thẳng mà không bằng* ” “ *chiều lên dần dần* ” (*), đã bao lần đi lên đi xuống Bến Ngự Nam Giao, bao lần tôi nhìn cái biệt thự nằm sau lưng trường Quốc Học. Tôi nhìn, tôi tần ngần rồi tôi đi qua. Như ngại ngừng chạm vào cái đẹp dễ vỡ, như sợ phải nuối tiếc ngày xuân một thuở, hay thực ra chỉ muốn tránh làm một nhân chứng của thời gian. Ôi, thời gian sao mà xuẩn ngốc, mới thôi đã một đời người (*). Khi con chim ngọc không còn bay lượn, thì chỉ còn suy tưởng và khổ đau. Tôi tần ngần rồi tôi ra đi, hai cuộc viếng thăm chỉ xảy ra trong tâm tưởng. Ai buồn ai trách, ai thích ai vui. Chỉ biết rằng cuộc đời xuân hạ qua đi thì thu đông đến ngậm ngùi, rồi ai cũng đoạn trường đi qua chiếc cầu dẫn vào miền viễn... Những buổi chiều lên dần dần rồi bóng tối đến. Như một tất yếu. Là một tất yếu !

Thung lũng hoang vắng

Thung lũng hoang vắng ở Forum Berlinale 2002 là phim VN duy nhất tham dự năm nay, đạo diễn Phạm Nhuệ Giang. Trọng điểm Forum kỳ này chiếu 8 phim giới thiệu phim Trung Quốc lục địa. Đương nhiên cũng như mọi năm Đại hội phim tung bừng náo nhiệt, có đủ đại diện khắp nơi từ Tây, Tàu, Úc, Nhật, Nga... tề tựu. Ông bầu mới của Berlinale mời Mira Nair, nữ đạo diễn Ấn Độ (có giải thưởng Cannes 1988, Venezia 2001) làm chủ tịch ban giám khảo phát Gấu bạc, Gấu vàng.

(*) Văn chương tiền chiến - thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường.

(1) Boris Blacher, nhà soạn nhạc, chủ tịch viện hàn lâm nghệ thuật Tây Bá Linh.

Hai Gấu vàng năm nay trao cho phim *Ngày chủ nhật đẫm máu* (*Bloody Sunday* của P. Greengrass), chuyện quân nhảy dù Anh bắn vào đám đông biểu tình Bắc Ái Nhĩ Lan năm 1972 và *Mất hồn* (M. Hayao, *Spirited Away*), phim tranh hoạt hoạ, một bất ngờ của Berlinale và đối với giới thạo tin bình luận thì... hơi khó coi vì không có ai đi... xem phim hoặc ít ra đi họp báo để có được một dòng bình luận.

Qua phim của Phạm Nhuệ Giang. Đối với khán giả thì phim VN này không có “ *thung lũng* ”, không có “ *hoang* ” mà lại càng không “ *vắng* ”. Thấp thoáng đây đó rặng núi xa xa, nhưng rõ ràng ấn tượng mạnh nhất – có lẽ thú vị duy nhất – cảnh sống động trong hai lớp học người miền núi, cảnh các em bé trai gái đủ mọi cỡ tuổi lớn nhỏ khác nhau trong giờ học, ngoài giờ chơi, thấp thoáng cảnh lên đồi nương...

Hồi Tưởng

*gặp chị buổi đầu
bỡ ngỡ
trời bá-linh vào thu
chị muốn đi những đâu
ta ra hàng quán
hay vào phố chợ
con đường dẫn tới viện hàn lâm (1)
ven rặng cây Tiergarten
hay ta tìm gặp Blacher (1)
đi như để mà đi
đời ai qua trăm nẻo. Không
chị nói chuyện quê xa
10 năm lần gặp cuối
thời gian qua gió bay
tưởng buổi đầu bỡ ngỡ mới quen
chị còn trong tâm tưởng
cuốn sách chị tặng
long lanh cái đẹp cho đời
đẹp mong manh*

Thung lũng hoang vắng xoay quanh chuyện Tánh, khoảng trên 40 tuổi, người Nghệ Tĩnh, hiệu trưởng một trường học miền núi. Minh, 30, Giao, 22, hai nữ giáo viên dân gốc thành phố. Mị, em nữ sinh người Hmông 15 tuổi và hai lớp học dạy văn hoá phổ thông Việt Nam cho người dân tộc trang lứa khác nhau. Trường dựng tươm tất, lợp tranh, có cột cờ vẩy gió... trên một khoảnh cao mà người xem có thể tưởng tượng ra một thung lũng trong một vùng núi non cao ngất. Phim được quay tại Sapa, Lào Cai. Khung cảnh là lạ, hoang dã, đôi khi đẹp mà câu chuyện thì hết sức đời thường : Tánh “ *mút mùa* ” thâm niên công vụ. Cô giáo Minh đã dạy xong 3 năm, chờ hoài không có người thay thế. Giao yêu đời và yêu Hùng, cán bộ địa chất. Mị, cô bé chớm yêu, bắt gặp cảnh Hùng tám tuổi và say sưa với Giao, đâm ra khùng hoảng, bỏ học và rủ cả bè bạn bỏ trường bỏ lớp. Hiệu trưởng Tánh, người rất nhiều kịch tính, người làm đủ mọi công việc, từ ẵm em cho đến đi bán củi giùm để học trò đi học... ra sức vận động để duy trì trường lớp. Cảnh những buổi tối Tánh say bí tỉ, rồi sau đó rủ Minh cùng say, Minh đâm yêu Tánh, Tánh từ chối vì chỉ để ý

tới Giao. Giao có thai với Hùng. Minh bỏ về thành phố, Giao đi tìm người yêu đã quá khứ truy phong, té và bị thương nặng. Mị, chăm sóc cô giáo, hai bên lại thông cảm nhau v.v. Rốt cuộc happy end. Mị và các em học sinh quay lại đi học. Minh vì lòng yêu nghề, yêu trẻ, yêu Tánh (?) lại trở lên vùng cao. Giao quay lại với công việc và Tánh mãi nguyện có hai lớp học ở vùng cao...

Người viết kịch bản là Nguyễn Quang Lập, người khoảng giữa những năm 1980 có nhiều truyện ngắn xuất sắc đăng trên báo *Sông Hương*, đặc biệt những đoạn văn tả nội tâm rất nổi, rất dữ dội của anh, nhưng qua kịch bản phim này không thấy còn một dấu vết gì. Chuyện phim như bất kỳ một truyện gì đó phát hành những năm 70 ở Việt nam, đều đều, không đỉnh cao, không có sức cuốn hút, gay cấn bên trong... Giá như để Minh yêu Tánh dữ dội hơn một chút, để cho Minh và Giao yêu nhau một chút theo kiểu tân thời, để cho Mị có xì-căng-đan với người đàn ông, đàn bà nào đó... nhưng thôi, những cái đó không phải là Phạm Nhuệ Giang rồi. Tôi hỏi người bạn trẻ cùng đi xem, hiểu đối thoại kịch bản và hiểu phần dịch rất tốt. Ý kiến : giá như đây là một phim Mỹ thì anh bạn trẻ sẽ không bằng lòng, nhưng đây là phim VN thì như vậy cũng được. Tôi hỏi thêm : tại sao, chính đạo diễn trong phần đối thoại với khán giả có nói, truyền thống 50 năm phim VN, dĩ nhiên là VN đã có những thành đạt này nọ, sao lại châm chước ? - Bạn trẻ cười, thôi xem phim xong mà không giận dỗi vì nó kém quá thì cũng là được rồi !

Người xem phim rất đông, hơn cả première của **Bến không chồng** năm ngoái, và trong phần phỏng vấn đạo diễn họ hỏi rất hay, rất tế nhị, đại khái, người Hmông theo tôn giáo gì ? (không hỏi vùng đó có tự do tôn giáo không ?), hỏi đạo diễn lúc quay phim hiện trường có khó khăn gì không ? (không hỏi có bị chạm trán với vấn đề dân tộc thiểu số không ?) v.v. Đạo diễn Phạm Nhuệ Giang trả lời : ở VN có khoảng 50 dân tộc ít người và dân tộc Hmông là đông nhất trong số đó, họ là một dân tộc đóng kín, bảo thủ và lạc hậu. Người dịch ra tiếng Đức phải dịch nhiều lần mấy chữ đó, hình như anh ta có ý tránh, ban đầu anh nói, người Hmong không cởi mở (*nicht auf-geschlossen*) cho lắm, sau đó mấy chữ bảo thủ, lạc hậu được Phạm Nhuệ Giang dùng đi dùng lại nhiều lần, anh đành phải dịch theo. Không biết sao mấy chữ tiếng Đức *konzervativ* và *rückständig* nghe không nặng nề như mấy chữ tiếng Việt bảo thủ lạc hậu, liên tưởng cách đây cả trăm năm khi người Pháp đến khai hoá cho người Việt Nam... nhưng thôi xin ngưng.

Anh thấy chưa, viết cho Diễn Đàn là khó lắm. Kể dăm ba câu chuyện, đôi khi lại có cảm giác là tâm sự riêng tư quá, có khi bắt gặp mình nói chuyện cũ như trái đất, chỉ sợ nhảm tai thiên hạ, trong cái thời buổi mà con người đã sản xuất quá nhiều, quá nhiều rác, rác nguyên tử, rác công nghiệp, hữu cơ, vô cơ, rác sống điện tử, sinh học, đơn bào, đa bào... những điều mình viết ra thường là nhiều người không quan tâm, tạm gọi nó là rác, tôi lần này xin góp chút... rác với đời. Xin hẹn thư sau, sẽ cố gắng có “thực phẩm” mới. Ai biết đâu, có khi thực phẩm không tươi, biết rồi lại nữa... rác !!

LÊ THẮN

Gerbes

*Dis tu quittes déjà ce maquis magnifique
Où, durant de longs mois, nous n'avons point cessé
De défier la mort pour cette chose magique :
La liberté*

*Pour tes chers compagnons, tu restes bien vivant
Tes propos exaltants, ardemment répétés,
Graveront, à jamais, en nos esprits fervents,
Tes volontés*

*A présent, ayant rempli ton destin glorieux,
Repose en paix ! Dussent nos cœurs se déchirer,
Nos mains saigner, nous referons, selon tes vœux,
Notre Unité !*

*Te souviens tu ? L'Espoir faisait gonfler nos cœurs,
La moisson est proche. Pourtant tu m'as laissé
Et tu rejoins, par des sentiers jonchés de fleurs,
L'Eternité.*

4 juillet 1946

PHAM Ngoc Thuan

Variété du maquis

A la mémoire de Thai Van Lung

Nhành hoa

*Sao anh bỏ bưng biển hùng tráng ?
Nơi chúng ta thách đố tử thần
Bao tháng ngày, vì diệu kỳ hai tiếng
Tự do*

*Anh sống mãi trong lòng đồng chí
Vẫn vẳng nghe lời nhiệt huyết thiết thân
Vẫn được anh khắc sâu vào tâm trí
Quyết tâm*

*Đã hoàn thành sứ mệnh vinh quang
Xin anh an nghỉ ! Chúng tôi dẫu xé lòng
Sẽ nén thương đau, làm nguyện ước
Kết đoàn*

*Thửa ấi lòng ta tràn hy vọng, nhớ chẳng ?
Sao vội ra đi ? khi ngày mùa sắp tới
Trên những lối trở hoa, anh về cõi
Vĩnh hằng.*

Diễn Đàn tạm dịch

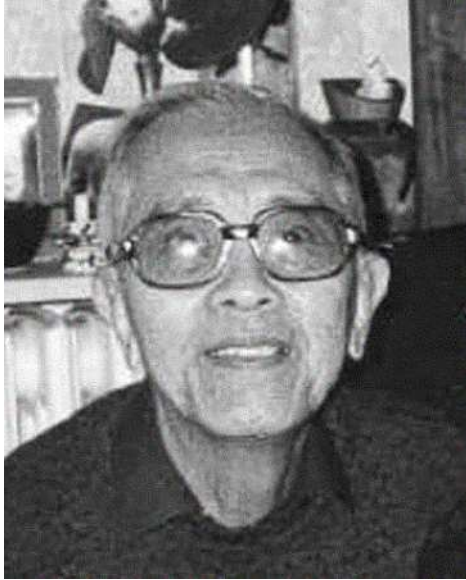
Phạm Ngọc Thuần (1) đã viết bài thơ này vào ngày 4 tháng 7 năm 1946 : hôm trước, bạn học và bạn kháng chiến của ông, luật sư, liệt sĩ Thái Văn Lung (2) đã từ trần. Thái Văn Lung chết dưới đòn tra tấn của quân đội Pháp ngay trước cả ngày cuộc “chiến tranh Đông Dương” chính thức bắt đầu. Mười ngày sau, Phạm Ngọc Thuần gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Nghe tin ông từ trần ngày 27 tháng 2-2002, thọ 88 tuổi, tôi không thể nào không giờ ra đọc lại mấy dòng thơ ông viết.

Tự do

Nếu có từ ngữ nào đặc tả được nhân cách Phạm Ngọc Thuần, thì đúng là danh từ *tự do*. Suốt đời, ông đã sống đúng theo phương châm mà, theo lời ông, ông đã học của nước Pháp và cuộc cách mạng Pháp : *Tự do - Bình đẳng - Bác ái*.

TRẦN THỊ LIÊN

Gaston Phạm Ngọc Thuận (1914-2002)



Ở Phạm Ngọc Thuận, đó hoàn toàn không phải là một khẩu hiệu chính trị trống rỗng, mà là nguyên lí của cuộc sống. Phạm Ngọc Thuận đã sống và tranh đấu cho nguyên lí ấy. Tháng 9-1945 khi ông ra bùng binh tham gia Việt Minh chính là để bảo vệ “*tự do, hai tiếng diệu kì*”. Cho đến thời điểm đó, phải nói : không có điểm gì báo trước một cuộc dẫn thân quyết liệt như vậy. Gaston Phạm sinh tháng 5-1914 ở Bến Tre trong một gia đình tư sản Nam Kỳ giàu có, quốc tịch Pháp. Cha ông là kĩ sư trắc địa, làm công chức cho chính quyền thuộc địa, đồng thời là một đại điền chủ. Gia đình ông rất thân với gia đình Bùi Quang Chiêu (ủy viên Hội đồng thuộc địa, là người sáng lập Đảng Lập Hiến). Vợ ông, bà Bùi Thị Cẩm, là cháu gái ông Bùi Quang Chiêu. Trước khi kết hôn, họ cùng theo học luật khoa ở Pháp. Bà Cẩm là nữ trạng sư đầu tiên của Việt Nam.

Gaston Phạm sang Pháp du học từ lúc nhỏ tuổi và sống nhiều năm ở Pháp. Sau khi đỗ tú tài, ông theo học Đại học luật khoa Panthéon và Đại học văn khoa Sorbonne. Nghe lời khuyên của thân sinh, ông chọn nghề trạng sư, một nghề “*tự do*”, không phải chịu những hệ lụy của kiếp công chức chính quyền thuộc địa. Say mê Pháp ngữ, ông sử dụng tiếng Pháp hết sức thành thạo và đã từng đoạt giải nhất cuộc thi hùng biện của các luật sư trẻ. Những năm tháng ở Pháp đã củng cố nơi

Gaston Phạm một niềm tự tin lớn và ý thức sâu sắc về sự bình đẳng đối với người dân “*mẫu quốc*”.

Thời sinh viên thập niên 30 cũng là những năm sôi động chính trị của xã hội Pháp. Gaston Phạm cảm mến sự ôn hoà của Léon Blum và khâm phục văn phong của lãnh tụ Đảng xã hội, nhưng không có cảm tình đặc biệt với Đảng cộng sản : các cuộc thanh trừng năm 1936 của Stalin, những bài diễn văn nảy lửa của Marcel Cachin và Jacques Doriot cũng đủ để ông đứng xa Đảng cộng sản Pháp. Thực ra, Gaston Phạm không muốn tham gia bất luận một đoàn thể chính trị nào. Ông nói, đã trải qua những ngày “*tươi đẹp*” của nền đệ tam cộng hoà Pháp, ông trở nên “*dị ứng đối với mọi chính đảng*”, và đối với ông, “*tinh thần đảng phái*” đồng nghĩa với óc hẹp hòi và thành kiến. Vì vậy mà cho đến ngày ra chiến khu kháng chiến năm 1945, Gaston Phạm từ chối gia nhập mọi chính đảng, Đảng Lập hiến, Đảng của hoàng thân Cường Để hay các nhóm trótkít, mặc dầu các tổ chức này đã tìm cách lôi kéo ngay từ khi ông mới ở Pháp về nước. Vào đảng đối với ông là từ bỏ Tự do tinh thần.

Cũng chính vì Tự do mà năm 1939, ông đã tự nguyện tòng quân mặc dầu ông được miễn dịch vì lí do sức khoẻ. Đầu quân để cảm ơn nước Pháp đã cho ông phát hiện giá trị của các Quyền Con Người và Quyền Công Dân, sĩ quan G. Phạm đã chiến đấu ở mặt trận vùng núi Vosges. Đây là lần đầu tiên, ở tư thế một sĩ quan, ông có lính hầu người Pháp hàng ngày đánh giày và làm giường ! Cũng tại tuyến phòng thủ Maginot này ông nghiệm sinh những hạn chế của “*mẫu quốc hùng cường*” khi quân đội Pháp chạy dài trước những mũi tiến công của quân đội Đức. Phục viên năm 1941, ông tìm đường trở về Sài Gòn và bắt đầu làm trạng sư tập sự.

Quyết tâm

Năm 1943, ông tham gia Thanh niên Tiền phong của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Sau đảo chính Nhật 9.3, ông được cử làm biện lí, tức là Công tố viện phó Tòa thượng thẩm Sài Gòn, đồng thời tiếp tục công việc huấn luyện viên quân sự cho TNTP trên thực tế đã trở thành một lực lượng bán quân sự hùng hậu.

Cũng chính quyết tâm giành lại Tự do và Độc lập cho Tổ quốc đã thúc đẩy Phạm Ngọc Thuận lên đường kháng chiến. Những lí tưởng mà ông hấp thụ ở nhà trường Pháp thúc giục ông bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tham gia kháng chiến chống quân đội viễn chinh Pháp đối với ông cũng đương nhiên như ông đã tình nguyện cầm súng bảo vệ nước Pháp chống quân Đức xâm lược. Sự phản bội những lời hứa tự do, tự trị khi người Việt Nam tham gia hai cuộc thế chiến để bảo vệ nước Pháp, cũng như việc Pháp trở lại chiếm đóng Sài Gòn chứng tỏ rằng Việt Nam không thể trông chờ vào những chủ trương cải cách, Việt Nam chỉ có thể giành lại độc lập bằng đấu tranh vũ trang. Ngày 23.9.1945, ngày quân Pháp trở lại Sài Gòn, cũng là ngày Gaston Phạm ra bùng, “*không mấy may tinh thần đảng phái, mà chỉ có thiện chí và tâm huyết*”.

Trên đường ra bùng, ông bị Thanh niên Cứu quốc bắt giữ, xem một chút thì bị xử bắn hoặc cho đi “*mò tôm*” vì giấy tờ “*dân tây*”. Trong những tháng đầu kháng chiến, ông làm việc trong một đơn vị cơ sở thuộc tỉnh Mỹ Tho : với cuốn *Giáo trình sĩ quan bộ binh* trong tay, ông xây dựng một xưởng vũ khí nhỏ. Ngày 14.7.1946, ngày quốc khánh Pháp, ngày của

(1) Tên họ khai sinh của ông là Gaston Phạm. Đi kháng chiến, ông lấy tên cha là Phạm Ngọc Thuận. Để giữ tính lịch sử, trong bài này, chúng tôi sẽ dùng tên Gaston Phạm cho thời kì trước 1945 và Phạm Ngọc Thuận cho thời kì sau 1945 [*Phụ chú của DD* : tương tự, một em trai của ông, Albert Phạm, đi kháng chiến, lấy tên là Phạm Ngọc Thảo (liệt sĩ)]

(2) Thân sinh luật sư Thái Văn Lung là kĩ sư Thái Văn Lan, cùng học với thân sinh Gaston Phạm tại Pháp, hai gia đình rất thân nhau.

tiêu ngữ Tự do - Bình đẳng - Bác ái, con người vốn từ chối mọi dấn thân chính trị ấy, đã gia nhập hàng ngũ chính đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến : Đảng cộng sản. Phạm Ngọc Thuần ý thức rất rõ những hệ quả nghiêm trọng của sự chọn lựa này. Nếu bị Pháp bắt, ông biết ông sẽ phải chịu số phận của Thái Văn Lung. Những ngày ấy, chính quyền thực dân sẵn sàng chiêu hồi những phần tử “ quốc gia ”, nhưng sẽ không tha thứ những phần tử “ *irrécupérables* ” (vô phương chiêu dụ).

Giải thích quyết định vào đảng cộng sản, Phạm Ngọc Thuần nói : “ *Qua tiếp xúc, tôi thấy họ là những người có quyết tâm cao nhất, có tổ chức nhất, và rất dũng cảm, sẵn sàng hi sinh tính mạng. Đảng cộng sản là đoàn thể duy nhất có tổ chức, có cương lĩnh nhất quán, khả dĩ giành lại được độc lập. Họ là những người cách mạng thực thụ. Quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến đương nhiên về tay Đảng cộng sản (...). Thời ấy, không có nhà lãnh đạo nào có thể sánh ngang Hồ Chí Minh* ” (Phạm Ngọc Thuần trả lời phỏng vấn của tác giả, Paris, 20.1.1990). Tháng 9.1946, Phạm Ngọc Thuần được cử làm chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ mới được thành lập sau cuộc cải tổ Ủy ban Nhân dân Nam Bộ. Ông kiêm nhiệm chính trị viên Nam Bộ, phụ trách ba quân khu 7, 8 và 9.

Sau Hiệp định Genève (1954) ông quyết định tập kết ra Bắc (vợ ông cũng đã gia nhập Đảng cộng sản trong thời kỳ kháng chiến và cũng tập kết). Thời kỳ thuộc địa Pháp đã chấm dứt, song cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục. Phạm Ngọc Thuần khẳng định quyết tâm đấu tranh cho thống nhất tổ quốc.

Thống nhất

Hi vọng năm 1956 trở về Sài Gòn sau ngày tổng tuyển cử đã nhanh chóng mai một, phải đợi 21 năm sau, đất nước thống nhất, ông mới đặt chân về quê quán. Ở miền Bắc, do quá trình đào tạo và khả năng ngoại ngữ, Phạm Ngọc Thuần được cử làm công tác ngoại giao, đặc biệt trong quan hệ với các nước phương tây. Đại sứ tại Berlin từ 1958 đến 1963, ông đã chứng kiến việc xây dựng bức tường. Tại đây ông quen biết nhiều nhà ngoại giao của các nước “ anh em ” và nhờ đó, hiểu khá rõ những “ đại đồng ” và “ tiểu dị ” của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu. Trở về Hà Nội, ông được cử làm chủ nhiệm Ủy ban liên lạc văn hoá với nước ngoài. Trong thời kỳ cao điểm chiến tranh, ông được cử đi nhiều phái bộ ngoại giao, và trong những dịp này, đã gặp các nhà lãnh đạo cộng sản như Mao Trạch Đông, Fidel Castro và Che Guevara. Năm 1973, ông thay mặt Việt Nam dân chủ cộng hoà dự lễ tang Walter Ulbricht, người sáng lập Đảng cộng sản (Đông) Đức, ngồi cạnh Leonid Brejnev. Ông cũng được cử sang Irak hội kiến với tướng Kassem để thiết lập quan hệ ngoại giao với Irak.

Đối với một người Nam Bộ tây học, xuất thân từ một gia đình tư sản Công giáo, thích ứng với xã hội miền Bắc trong những năm ấy là một việc không mấy dễ dàng. Là một luật gia, ông không thể tán thành cuộc Cải cách ruộng đất và việc đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm. Con người tự do ấy đã bất lực chứng kiến những vi phạm Quyền công dân cơ bản. “ *Chúng tôi đều là nạn nhân của bộ máy* ”, sau này ông kể lại. Có lẽ nhờ quy chế cán bộ miền Nam tập kết, ông không bị xử lí vì lí lịch tư sản, và tiếp tục quan hệ với Trần Đức Thảo trong những ngày nhà triết học bị cô lập cùng cực. Tính nói thẳng của ông hẳn đã làm nhiều người khó chịu. Có lẽ tài hùng biện đã giúp ông kinh qua những buổi phê và tự phê mà cán bộ phải thường xuyên chịu đựng. Do nguồn gốc Công giáo, tư sản và

trí thức, ông không được cử vào những chức vụ cao hơn trong đảng, song ông không bao giờ bị gạt ra ngoài lề. Một phần có lẽ vì ông khá gần Lê Duẩn từ những ngày kháng chiến.

Năm 1974, sau Hiệp định Paris, đúng 60 tuổi, Phạm Ngọc Thuần xin về hưu. Thời đó, không một cán bộ cao cấp nào lại làm như thế (về hưu không chỉ là giảm lương mà là mất hết những “ tiêu chuẩn ” như nhà ở, xe hơi...). Trưởng ban tổ chức Trung ương nói mãi (*Cách mạng còn cần anh sau ngày thắng lợi ở miền Nam*), ông mới chịu rút đơn. Ngày đại thắng tháng 4.1975, Phạm Ngọc Thuần chứa chan hi vọng và chuẩn bị góp phần vào công cuộc hoà giải dân tộc và tái thiết đất nước. Cuộc chiến đấu trường kì cho độc lập và thống nhất đã hoàn thành, ông mong mỗi một chế độ dân chủ thực sự sẽ được kiến lập. Chỉ cần nói thêm : Phạm Ngọc Thuần còn mơ ước cùng với Trần Văn Giàu ra một tờ báo trào phúng như tờ *Le Canard Enchaîné* của Pháp (*Con vịt buộc*), là đủ hiểu ông sẽ bị thất vọng như thế nào !

Năm 1982, lâm trọng bệnh, ông được phép sang Pháp điều trị. Sau mấy lần giải phẫu, sức khoẻ của ông suy giảm dần. Những biến cố 1989 rung động khối Đông Âu mang lại cho ông nhiều hi vọng mới. Đầu năm 1990, ông là một trong 32 người đầu tiên (trong số hơn 700 người) kí tên đầu tiên vào Tầm thư kêu gọi thật sự đổi mới và dân chủ hoá đất nước. Từ đó đến nay, ông đã về thăm Việt Nam hai lần (1992 và 1997) và dự tính hồi hương. Song ước vọng này không thành hiện thực vì sức khoẻ của ông ngày một suy yếu.

Vĩnh hằng

Cuộc sống li hương của Phạm Ngọc Thuần ở Pháp hơn mười năm qua là một cuộc sống thanh đạm (nếu không muốn nói là nghèo khó), trung thành với lí tưởng của thời thanh xuân. Bệnh tật không hề làm suy giảm nơi ông tinh thần tự do, sự minh mẫn trí tuệ, óc trào phúng và tác phong giản dị. Ở Phạm Ngọc Thuần, luôn luôn toả ra một tấm lòng yêu nước sâu sắc, như đã thăng hoa qua bao năm tháng chiến đấu và hi sinh. Mong sao di hài của ông sớm được đưa về hoà nhập với đất nước ông hằng yêu dấu và đã trọn đời hiến dâng.

“ *Đã hoàn thành sứ mệnh vinh quang,
Xin anh an nghỉ !* ”.

TRẦN THỊ LIÊN
19.3.2002

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 5 €

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)